

học đạo, phụng trì giáo huấn.

Đức Phật nói với A-nan:

–Năm trăm phu nhân thuở ấy là năm trăm vị Tỳ-kheo-ni hiện nay. Do bốn nguyện khẩn thiết nên nay được độ và cũng vì lẽ đó ta đến để giáo hóa họ.

Đức Phật nói xong, không ai là không hoan hỷ.



KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

QUYẾN II

PHẨM 14: DỤ HOA HƯƠNG

Thí dụ 28:

Thuở xưa, Đức Phật mới đắc đạo giáo hóa tại thành La-duyệt-kỳ rồi chuyển đến nước Xá-vệ. Vua nước Xá-vệ và quần thần vô cùng tôn kính Đức Phật. Lúc đó có một vị đại thương gia tên là Ba-lợi cùng năm trăm thương khách ra biển tìm châu báu. Giữa biển, đoàn thương buôn gặp một vị hải thần đưa ra một vốc nước ngọt hỏi Ba-lợi:

–Nước biển nhiều hay nước trong vốc tay này nhiều?

Ba-lợi đáp:

–Vốc nước này nhiều. Vì sao? Nước biển tuy nhiều mà vô ích, lúc cần không thể cứu cho người đói khát. Vốc nước này tuy ít mà gặp kẻ khát đem cho họ có thể cứu được mạng sống. Nhờ đó đời đời hưởng phước không thể tính đếm.

Hải thần nghe xong hoan hỷ khen lành thay, rồi cởi xâu chuỗi hương anh làm bằng thất bảo trên thân biếu cho Ba-lợi và hộ tống thuyền trở về nước Xá-vệ bình yên vô sự.

Về nước, Ba-lợi mang xâu chuỗi hương anh dâng lên vua Ba-tư-nặc, kể rõ đầu đuôi câu chuyện, rồi thưa:

–Xâu chuỗi hương anh không phải là món đồ trang sức của kẻ tiểu nhân này, nên nay đem dâng lên vua xin hãy nhận cho.

Vua nhận được chuỗi ngọc cho là vật kỳ lạ quý hiếm, liền cho gọi các phu nhân ra trình diện, vị nào đẹp nhất sẽ cho xâu chuỗi hương anh này. Tất cả sáu vị phu nhân đều trang điểm lộng lẫy bước ra, nhưng lại thiếu Mạt-lợi phu nhân. Vua hỏi:

– Mạt-lợi phu nhân sao lại không ra?

Thị nữ tâu:

– Hôm nay là ngày rằm, Mạt-lợi giữ trai giới mặc đồ trăng không hợp lễ nghiêm cách nên không ra.

Vua liền nổi giận cho người bảo: “Trì trai giới mà dám trái lệnh của vua sao?”.

Gọi ba lần như vậy, Mạt-lợi phu nhân mới bước ra. Bà không trang điểm chỉ mặc đồ trăng đơn sơ, song đứng giữa mọi người, sắc đẹp và phong cách lại sáng rõ như mặt trời mặt trăng, gấp bội lúc bình thường. Vua giật mình kinh nể hỏi:

– Khanh nhờ công đức gì mà thần sắc rạng rỡ đặc biệt như thế?

Phu nhân tâu vua:

– Thiếp tự nghĩ mình thiếu phước nên phải chịu mang thân người nữ. Những tâm lý xấu xa, nhỏ nhen chất chứa như núi. Mạng người ngắn ngủi sợ đọa vào tam đồ, nên hàng tháng phụng trì trai giới, cất ái theo đạo, đời đời mong được hưởng phước.”

Vua nghe xong hoan hỷ liền ban cho Mạt-lợi xâu chuỗi hương anh.

Phu nhân từ tạ:

– Thiếp nay trì trai không thích hợp đeo đồ trang sức, xin cho vị khác.”

Vua nói:

– Tôi có ý tặng chuỗi ngọc này cho người nào đẹp nhất. Nay khanh đẹp nhất, lại biết trì trai phụng đạo, ý chí cao thượng nên ta tặng cho khanh. Nếu khanh không chịu nhận ta xử trí sao đây?

Phu nhân đáp:

– Xin vua đừng buồn, hãy thuận ý cùng thiếp đến chõ Đức Phật dâng chuỗi ngọc này lên cúng dường, để nhận được lời giáo huấn của Bậc Thánh sẽ hưởng phước lạc muôn đời.”

Vua đồng ý, liền cho thảng xa giá đến chõ Đức Phật, đánh lẽ sát đất, rồi ngồi qua một bên thưa với Đức Phật:

– Đây là chuỗi ngọc hương anh của hải thần tặng cho Ba-lợi.

Ông ấy đem dâng lên con. Sáu muôn phu nhân không ai chẳng thích, nhưng Mạt-lợi phu nhân được tặng lại không nhận, do vì trì Phật pháp trai giới tâm không tham dục. Nay chúng con thành tâm dâng lên Đức Thế Tôn, xin hãy thùy từ nạp thọ. Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử Phật kiên tâm gìn giữ trai giới, tín tâm kiên cố như vậy, có phước đức chẳng?

Lúc đó Đức Thế Tôn vì lòng thành của vua và phu nhân nhận chuỗi ngọc, rồi nói kệ khai thị:

*Làm nhiều hoa báu
Kết thành tràng đep
Tích nhiều hương đức
Mỗi đời phúc hơn.
Hoa thơm hay cỏ lạ
Hương không ngược gió
Gần đạo người ấy
Đức tỏa muôn phương.
Chiên-dàn thơm ngát
Sen xanh ngọt ngào
Tuy hương thơm thật
Sao sánh giới hương?
Hương hoa thơm ngát
Chẳng phải thật thơm
Hương của trì giới
Vượt đến cõi trời!
Giới thành tựu đủ
Hạnh chẳng buông lung
Định ý giải thoát
Lìa xa đường ma.*

Đức Phật nói kệ xong, lại bảo vua:

–Công đức phước báo của trai giới thật đáng ca ngợi rộng rãi.
Dầu cho đem đến tất cả trân bảo khắp mười sáu nước lớn trong thiên

hở ra bối thí, công đức này so với công đức Mật-lợi phu nhân một ngày một đêm trì trai giới trong Phật pháp không bằng trong muôn một, như hạt đậu sánh với núi Tu-di, trì trai tích phước tu tuệ có thể đến Niết-bàn.

Vua, phu nhân và quần thần nghe xong ai cũng hoan hỷ y giáo phụng hành.

**
*

Thí dụ 29:

Thuở xưa Đức Phật trú trên núi Kỳ-xà-quật thành La-duyệt-kỳ. Lúc đó, trong thành có năm mươi chàng thanh niên con các bậc trưởng giả đến chỗ Phật đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Đức Phật thuyết giảng cho họ nghe các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, ân ái như giấc mộng, gặp gỡ sê phân ly, giàu sang danh vọng vẫn khổ đau, chỉ có Niết-bàn dứt hẳn sinh tử, không còn tai ương mới là đại an lạc.

Nghe pháp xong, năm mươi vị này tâm vô cùng hoan hỷ, xin làm đệ tử. Đức Phật nói:

–Lành thay, hãy lại đây các Tỳ-kheo.

Các vị ấy râu tóc tự rụng, pháp phục tự đầy đủ, liền thành Sa-môn.

Các vị tân Tỳ-kheo có bạn bè quen biết là những vị trưởng giả, nghe tin họ xuất gia hoan hỷ tìm đến thăm và khen ngợi:

–Các vị thật phước đức biết bao mới có được chí hướng này!

Rồi họ thỉnh Đức Phật và chúng Tăng ngày mai về nhà họ thọ trai.

Ngày mai, Đức Phật và đại chúng đến đó thọ trai, xong rồi thuyết pháp đến chiều mới về. Các vị tân Tỳ-kheo bỗng lưu luyến già đình quyến thuộc, muốn trở về nhà. Đức Phật biết ý dẫn họ ra khỏi cổng thành, thấy trong mương ruộng bùn lầy dơ dáy đầy phẩn rác lại mọc lên những đóa hoa sen hương sắc thơm sạch, tỏa ngát lấn át mùi hôi. Đức Phật liền bước lại gần và nói bài kệ:

*Như ruộng rãnh hôi dơ
 Bên đường cái nầm trơ
 Hoa sen mọc trong đó
 Thơm sạch đẹp ý người.
 Cũng vậy giữa phàm phu
 Bị sinh tử cầm tù
 Người trí vui giải thoát
 Làm Phật tử tiến tu.*

Đức Phật nói kệ xong liền trở về núi. Tôn giả A-nan đến trước thưa Phật:

–Lúc nay, Đức Thế Tôn đến bên mương ruộng có nói hai bài kệ mà chúng con chưa rõ nghĩa. Xin Phật hãy vì chúng con mà giải thích kỹ càng.

Đức Phật hỏi A-nan:

–Ông có thấy trong vũng bùn lầy phẩn rác nhơ nhớp mà mọc lên hoa sen chăng?

Ngài A-nan thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật bảo:

–Này A-nan, người sống lần lữa trong đồi, tuổi định một trăm, khi thọ khi yếu. Vợ con ân ái, đói khát nóng lạnh, lúc buồn lúc vui, một hung, hai kiết, ba độc, bốn đảo, năm ấm, sáu nhập, bảy thức, tám tà, chín não, mười ác, giống như mương ruộng chứa đầy phẩn rác, sinh lây bất tịnh. Nếu có người giác ngộ cõi đời là vô thường, phát tâm học đạo tu hạnh thanh tịnh, tâm an định, dứt hết vọng tưởng chứng được đạo quả. Đây cũng giống hoa sen thơm sạch mọc lên giữa bùn nhơ. Những vị đó mình đã đắc đạo lại độ cho thân tộc, tất cả chúng sinh đều được khai ngộ. Đây giống như mùi thơm của hoa sen lấn át mùi hôi hám.

Năm mươi vị tân Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy xong, tâm chí tinh tấn kiên cố, chứng được quả A-la-hán.

Phẩm 15: NGU ÁM

Thí dụ 30:

Thuở xưa Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Trong thành có một vị Bà-la-môn tuổi gần tám mươi, giàu có vô cùng. Nhưng ông lại là người ngu ám ngoan cố, keo kiệt xan tham khó độ, không tin đạo đức, không biết vô thường, ham thích cất nhà to lớn đẹp đẽ. Ông cất nhà trên, nhà dưới, dài hóng mát, nhà sưởi ấm, dãy bên Đông, dãy bên Tây... cả mấy mươi gian, duy chỉ còn mái hiên che nắng căn nhà sau là chưa xong. Lúc đó vị Bà-la-môn để hết tâm trí lo chỉ huy mọi người làm việc. Đức Phật dùng Phật nhän thấy mạng ông sống không hết ngày hôm đó. Thế mà ông không tự biết, cứ mải miết lo tính toán nhọc nhằn, đến nỗi thân tâm tiêu tuy, thật vô phước đáng thương!

Đức Phật cùng A-nan đi đến nhà ông, thăm hỏi:

–Ông có mệt nhọc l้า không? Nhà cửa nhiều như vậy dùng để ai ở?

Ông lão đáp:

–Nhà trước dùng tiếp khách, nhà sau để ở, hai dãy bên Đông bên Tây dành cho dâu con, tôi tớ và cất chứa của cải. Mùa hạ thì lên dài hóng mát, mùa đông lại vào phòng sưởi ấm.

Đức Phật nói:

–Đã lâu nghe danh đức của ông, mà nay mới có dịp trò chuyện. Tôi có một bài kệ quan trọng có ích lợi cho việc tồn vong suy thịnh, muốn đem tặng ông. Không biết ông có vui lòng nghỉ tay ngồi nói chuyện một chút không?

Ông lão đáp:

–Hôm nay bận l้า, không thể ngồi trò chuyện, xin hẹn hôm khác đến sẽ thong thả luận bàn. Còn bài kệ quan trọng gì đó xin nói ngay đi.

Lúc ấy Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Có con, có cửa

Người ngu rộn ràng

*Ta còn không thật
Lo gì của, con.
Nóng ở chỗ này
Lạnh ở chỗ kia
Người ngu lo
Không biết đổi thay.
Kẻ ngu cực cùng
Tự cho là trí
Ngu mà tưởng trí
Chính là cực ngu!*

Vị Bà-la-môn nghe xong nói:

–Bài kệ này hay thật, nhưng hôm nay tôi rất bận, xin bữa khác hãy đến bàn luận.

Đức Phật chỉ biết xót thương ra đi. Ông lão sau đó đích thân đỡ cây đòn dông lên, không ngờ cây đòn dông rơi xuống trúng vỡ đầu chết! Con cháu than khóc động cả hàng xóm xung quanh.

Đức Phật đi chưa bao xa liền xảy ra biến cố này. Khi Phật đến đầu làng gặp vài mươi người Bà-la-môn, họ hỏi Phật:

–Ngài từ đâu lại?

Đức Phật đáp:

–Ta đã đến nhà ông lão mới chết để thuyết pháp cho ông nghe. Nhưng ông ta không tin lời Phật, không biết lẽ vô thường, giờ đây bỗng chốc đã sang đời khác!

Rồi Đức Phật nói lại bài kệ trước cho các vị Bà-la-môn nghe, ai nấy đều hoan hỷ chứng được pháp nhãn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Ngu gân người trí
Như muỗng mức vị
Đầu gân rất lâu
Vẫn không biết pháp.
Thông đạt gân trí*

*Như lưỡi ném vị
 Đầu gân giây lát
 Liên hiểu đạo mầu.
 Người ngu làm gì
 Thân cung rước họa
 Thích ý làm ác
 Tự chuốc tai ương.
 Làm điều bất thiện
 Xét lại, ăn năn
 Tràn roi nước mắt
 Quả tụ từ lâu.*

Các Bà-la-môn nghe thêm bài kệ này lòng tin càng kiên cố, đánh lễ Đức Phật rồi hoan hỷ phụng hành.

**
*

Thí dụ 31:

Thuở xưa, Đức Phật trú ở tinh xá Cấp cô độc tại nước Xá-vệ vì hàng trời, người thuyết pháp. Lúc ấy vua Ba-tư-nặc có một người con gái góa bụa là Kim Cương, tuổi còn trẻ mà đã thành quả phụ, nay về ở với cha mẹ. Vua và hoàng hậu rất thương xót, xây riêng một tòa cung điện và cho năm trăm thị nữ đàn hay múa giỏi phục vụ cho nàng vui. Trong số đó có một cô thị nữ lớn tuổi tên là Độ Thắng, thường ngày đi chợ mua phấn sáp hương hoa. Một hôm đi chợ, cô thấy rất đông người mang hương hoa đi ra ngoài thành đến chỗ Phật. Cô ngạc nhiên hỏi thăm, thì được trả lời:

–Đức Phật là Bậc Tôn Quý trong ba cõi đang ra đời cứu độ chúng sinh khỏi khổ não, được Niết-bàn.

Độ Thắng nghe xong tâm sinh hoan hỷ, liền tự nghĩ:

–Mình lớn tuổi rồi mà còn được gặp Phật thì thật là duyên phước đời trước.” Nghĩ xong cô bèn lấy một phần tiền mua hương mua hoa tươi đẹp theo mọi người đến chỗ Đức Phật. Đến nơi nàng đánh lễ rồi mới đứng lên rải hoa, đốt hương, nhất tâm nghe pháp. Sau

đó Độ Thắng trở lại chợ mua hương ra về. Nhờ công đức nghe pháp và phước báo đời trước khởi theo nên hương nồng đậm về thơm ngào ngọt gấp đôi lúc thường.

Thấy Độ Thắng về muộn mọi người cùng gạn hỏi lý do, Độ Thắng bèn kể lại mọi chuyện và nói:

–Hiện nay có Bậc Tối Tôn trong tam giới, giống tiếng trống Vô thượng pháp, chấn động khắp Tam thiên thế giới. Có vô số người đến đó nghe pháp, tôi thật vì theo nghe nên trở về trễ.

Các thị nữ vừa hoan hỷ vừa buồn bã tự than rằng: “Chúng ta tội chướng gì sao lại không được nghe pháp.” Rồi họ cùng nhau nhờ Độ Thắng nói lại cho nghe. Độ Thắng đáp:

–Thân tôi hạ tiện, miệng tôi ô uế không dám tùy tiện nói. Nay xin đến gặp Đức Phật hỏi lại, nếu Ngài đồng ý thì xin tuân mệnh nói lại.

Kim Cương sai Độ Thắng lại đến chỗ Phật thỉnh ý. Đức Phật đồng ý và dạy cho cô những nghi thức thuyết pháp.

Trong khi Độ Thắng chưa về, Kim Cương và các thị nữ hồi hộp ra sân đứng đón, như con chờ mẹ.

Đức Phật bảo với Độ Thắng:

–Con trở về thuyết pháp sẽ độ thoát nhiều người. Nghi thức thuyết pháp trước nên lập một tòa cao, rồi ngồi trên đó giảng pháp.

Độ Thắng vâng lời Phật dạy, trở về thưa lại Thánh ý. Kim Cương và hơn năm trăm thị nữ vô cùng hoan hỷ, cùng nhau cởi áo ngoài chất lại làm tòa cao. Độ Thắng tắm rửa, rồi thưa oai thần của Phật thăng tòa thuyết pháp. Kim Cương và hơn năm trăm thị nữ dứt hết nghi ngờ, không còn ác kiến chứng được quả Tu-đà-hoàn.

Do vì quá hoan hỷ thuyết pháp và nghe pháp nên khi xảy ra hỏa hoạn mọi người không hay. Tất cả đều chết cháy và được sinh lên cõi trời. Vua Ba-tư-nặc hay tin liền dẫn người đến cứu. Nhưng khi đến nơi tất cả đều đã chết cháy. Vua chỉ còn biết thâu lượm thi hài lo việc chôn cất. Mọi việc xong, vua đến chỗ Đức Phật đánh lễ rồi ngồi qua một bên như thường lệ. Đức Phật hỏi:

–Vua đến có việc gì vậy?

Vua chắp tay thưa:

–Con gái con là Kim Cương và hơn năm trăm thị nữ chẳng may bị lửa thiêu chết. Con vừa lo việc chôn cất xong. Chẳng biết Kim Cương và bọn họ mang tội gì mà bị lửa thiêu như vậy. Xin Đức Thế Tôn giảng cho con biết.

Đức Phật mới kể:

–Đời quá khứ có một thành tên là Ba-la-nại. Trong thành có một người vợ trưởng giả dẫn năm trăm thể nữ ra ngoài thành tế tự tại ngôi miếu lớn. Cách họ cúng tế rất khắc nghiệt, người ngoài không được đến gần. Không luận thân sơ, nếu ai vi phạm đến gần sẽ bị ném vào lửa. Lúc đó, có một vị Bích-chi-phật tên là Ca-la ở trong núi. Mỗi ngày, lúc sáng sớm vào thành khất thực đến chiêu lại về. Hôm đó Ca-la đi khất thực ngang qua ngôi miếu tế tự ngoài thành kia. Vợ trưởng giả thấy vậy nổi giận, cùng nhau bắt Ca-la ném vào lửa. Thân Ca-la liền bị thiêu cháy, bỗng nhiên ngài hiện thần thông bay lên hư không. Các cô vô cùng kinh hãi, khóc lóc sám hối, quỳ gối đảnh lễ rồi tự thưa rằng: “Người nữ chúng con ngu xuẩn không biết ngài là bậc Chí chân nên đã lỡ lầm hủy nhục Thánh tăng. Chúng con tự nghĩ tội ác của mình thật nhiều như núi, nên xin quy y Tôn đức để tiêu trọng tội.”

Vị Bích-chi-phật nghe xong liền hạ thân xuống, nhập Niết-bàn. Các cô liền xây tháp cúng dường xá-lợi.

Đức Phật kể đến đó liền nói kệ:

*Người ngu làm ác
Không thể tự giải
Tôi thành, họa đến
Thiêu đốt thân tâm.
Ngu nên vọng tưởng
Chẳng xét khổ vương
Lúc lâm ách nạn
Bất thiện mới tường.*

Đức Phật nói với vua:

—Vợ trưởng giả ngày đó chính là Kim Cương con gái vua hiện nay. Năm trăm vị thị nữ thuở xưa chính là nhóm Độ Thắng năm trăm tì nữ kia vậy. Tôi phước dầu lâu vẫn không mất. Thiện ác theo người như bóng theo hình.

Lúc Đức Phật nói pháp này, nhân dân trong nước đều tin phục hoan hỷ, quy y Tam bảo, thọ Ngũ giới, thấy được lẽ đạo.

**
*

Phẩm 16: MINH TRIẾT

Thí dụ 32:

Thuở xưa có một vị Bà-la-môn tuổi mới hai mươi mà có thiên tài bẩm sinh, mọi việc lớn nhỏ liếc qua liền biết. Anh ta tự cho mình là minh triết, thề rằng: “Quyết sẽ thông hiểu hết những kỹ thuật trong thiên hạ, nếu còn một nghề nào chưa thông thì chưa phải là minh triết.” Do đó, vị Bà-la-môn đi tu học với tất cả mọi thầy hay, lục nghệ tạp thuật, thiên văn, địa lý, y học, thuật trấn áp núi lở động đất, thông thạo kỹ nhạc, cất may, thêu thùa, nấu nướng bếp núc... nói chung mọi việc trong đời đều biết. Bà-la-môn tự nghĩ: “Mình giỏi như vậy, ai mà sánh bằng mình, hãy thử đi qua các nước, thi thố tài nghệ chiết phục mọi người để danh vang bốn biển, kỹ thuật thấu trời xanh, tên tuổi lưu lại trong sử sách trăm đời sau.”

Thế rồi, vị ấy đi khắp nơi. Đến một nước, anh vào chợ gặp một người thợ làm cung tên đang ngồi tách dây gân, chuốt mũi tên, tay làm thoăn thoắt. Mọi người chen lấn nhau mua. Bà-la-môn tự nghĩ: “Sở học của ta tưởng đã đầy đủ, không ngờ coi thường không học làm cung, nếu cùng người ấy thi tài ta chắc chắn sẽ thua. Ta nên theo vị ấy học nghề.” Nghĩ xong, anh bèn bái vị thợ cung làm thầy, dốc lòng học hỏi. Không bao lâu, anh đã biết cách làm cung chuốt tên, khéo léo còn hơn cả thầy. Anh trả tiền công cho thầy rồi từ giã ra đi.

Đến nước khác, khi sắp qua sông anh gặp một vị thuyền sư lèo lái thuyền tới lui, qua lại, lượn vòng một cách khéo léo, nhanh nhẹn như bay, thật chưa từng thấy! Anh tự nghĩ: “Mình tuy biết nhiều nghề,

xong chưa từng học lái thuyền. Đây dù chỉ là một nghề mọn, ta cũng nên học qua cho biết.” Anh liền xin học nghề với vị thuyền sư, nhờ siêng năng thò thẩy, hết lòng học tập chẳng bao lâu anh đã nắm vững mọi kỹ thuật lái thuyền, còn nhanh nhẹn khéo léo hơn cả thẩy. Sau đó anh ta trả công từ giã thẩy ra đi.

Vị Bà-la-môn đi đến một nước khác, thấy cung điện của vua này nguy nga lộng lẫy nhất trong thiên hạ. Anh liền nghĩ: “Người thợ xây cất cung điện này thật là hay khéo. Sao ta trước giờ không chịu học môn này, nếu cùng với người thợ đó thi tài chắc chắn sẽ thua! Ta phải theo học mới vừa lòng.”

Anh xin làm đệ tử với người thợ xây cất cung điện. Nhờ sự tận tâm lo lắng cho thẩy, chịu cực chịu khổ học nghề, chẳng bao lâu anh đã nắm vững mọi kỹ thuật kiến trúc và điêu khắc trang trí. Tài ba của anh còn vượt hơn cả thẩy. Anh tặng thẩy tất cả tiền bạc rồi ra đi. Bà-la-môn đi khắp mười sáu nước lớn trong thiên hạ, thách mọi người thi tài mà không có ai dám. Nhân đó, sinh tâm cống cao tự đại, cho rằng: “Trong đời này còn ai hơn ta nữa?”.

Lúc ấy Đức Phật ở tinh xá Kỳ viên từ xa thấy vị ấy, biết rằng có thể độ được, Ngài liền dùng thần thông hóa ra một vị Sa-môn cầm tích trượng ôm bình bát đến trước người đó. Trong nước, lúc ấy chưa có đạo pháp, chưa từng thấy Sa-môn nêu vị Bà-la-môn thấy làm lạ không biết đó là hạng người gì. Ông định hỏi thăm thì Sa-môn đã đến cạnh bên. Ông liền hỏi:

–Phép tắc của trăm đời vua chưa thấy ai như ông. Cách phục sức nơi nơi chưa có thứ y phục này. Những vật lạ trong tông miếu tôi từng thấy qua, song không thứ nào giống bình bát ông cầm. Ông là ai mà hình dáng trang phục khác thường như vậy?

Vị Sa-môn trả lời:

–Tôi là người tự điều phục mình.

Vị Bà-la-môn ngạc nhiên hỏi tiếp:

–Sao gọi là tự điều phục mình?

Bấy giờ vị Sa-môn bèn dựa vào sự học tập của ông Bà-la-môn mà nói kệ:

*Thợ cung chuốt tên
 Thuyền sư lái thuyền
 Thợ mộc khắc gỗ
 Người trí điêu thân.
 Như tảng đá lớn
 Gió thổi chẳng động
 Người trí tâm an
 Khen chê chẳng đổi.
 Như vực nước thật sâu
 Trong lặng, một màu
 Người trí nghe đạo
 Tâm tịnh hết sầu.*

Vị Sa-môn nói kệ xong, bay lên hư không, hiện lại thân Phật với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, hào quang rực rõ chiếu khắp đất trời. Rồi Đức Phật lại hạ xuống đất, nói với vị Bà-la-môn:

–Đây chính là sức điêu phục mình biến hóa ra trong đạo của Ta.

Bà-la-môn liền quỳ mlop sát đất đánh lê, rồi hỏi:

–Xin cho biết yếu chỉ điêu phục mình?

Đức Phật đáp:

–Năm Giới, mười Thiện, sáu Đô, bốn Tâm bình đẳng, bốn Thiên, ba môn Giải thoát chính là pháp yếu điêu phục mình. Các kỹ thuật như làm cung, lái thuyền, điêu khắc, thuật lạ... đều là việc trang sức bên ngoài. Tâm ý buông lung chạy theo đuổi bắt chúng là đi vào đường sinh tử vậy.

Bà-la-môn nghe xong, hoan hỷ xin làm đệ tử Phật. Đức Phật bảo:

–Lành thay, hãy lại đây Tỳ-kheo! Vị Bà-la-môn râu tóc liền tự rụng, thành Sa-môn. Sau đó, Đức Phật giảng cho vị ấy nghe các pháp yếu như Tứ đế, Bát giải thoát. Vị ấy tư duy quán chiếu liền chứng quả A-la-hán.

Thí dụ 33:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Trong nước cách thành năm trăm dặm có một làng sơn cước gồm năm mươi gia đình. Trong làng, có một gia đình nghè o. Người vợ chủ nhà mang thai mười tháng song sinh được hai đứa bé trai rất xinh đẹp. Hai vợ chồng rất thương con, đặt tên cho một đứa là Song Đức, một đứa là Song Phúc. Sinh ra gần được hai tháng, một hôm nhân lúc người mẹ ra ngoài kiếm củi, còn người cha nầm nghỉ trên giường sau khi chăn trâu về, hai đứa nhìn quanh quất không thấy cha mẹ bèn than thở với nhau. Một đứa nói:

–Đời trước tôi sắp đắc đạo, lại khởi ý ngu si cho rằng mạng sống là thường, nên đã lui sụt, trôi lăn trong sinh tử không biết bao nhiêu kiếp. Nay sinh làm con trong gia đình nghèo này, ở nhà tranh, đắp tảng rách, ăn uống kham khổ để nuôi thân, không biết đến chừng nào mới đắc đạo! Đây cũng là do đời trước tham luyến giàu sang, buông lung tình ý, tìm vui trong chốc lát mà từ đó đến nay phải chịu biết bao nhiêu đau khổ. Nay còn biết nhờ cậy vào ai?

Đứa kia nói:

–Tôi kiếp xưa, chỉ hơi ngại khó chuyện chuyên cần nhất thời, rốt lại không lo tinh tấn tu tập nên nhiều đời gặp phải khổ hoạn. Đây là mình làm mình chịu, không phải cha mẹ gây ra. Chúng ta phải chịu đựng còn than thở gì?

Người cha nghe con nói vô cùng quái lạ, suy nghĩ: “Đây chắc là ma quỷ đầu thai, ắt có tai biến. Làm gì trẻ con mới mấy mươi ngày mà đã biết nói. Sợ rằng ngày sau chúng giết cha mẹ, hại thân tộc. Nhân lúc chúng còn nhỏ chưa lớn ta nên giết đi để trừ hậu hoạn.”

Nghĩ vậy xong, ông lén ra khỏi nhà đóng cửa lại, ra đồng lấy củi về định đốt chết hai con. Người vợ trở về hỏi chồng lấy củi làm chi. Người chồng đáp:

–Thật là chuyện kinh quái! Mấy đứa con còn nhỏ mà đã biết nói chuyện. Đây chính là ma quỷ, chắc sẽ làm hại gia tộc, nên tôi định giết chúng ngay lúc nhỏ.

Người mẹ nghe xong, ngạc nhiên do dự chưa tin. Bà bảo với

chồng hãy tạm chờ vài bữa nữa rồi sẽ tính.

Sáng hôm sau, hai vợ chồng lén ra ngoài, núp bên cửa rình nghe, quả nhiên thấy hai đứa trẻ thở với nhau y như cũ. Hai người quyết tâm lần này chất cùi đốt chết hai đứa con. Đức Phật với Thiên nhãn thấy được việc này, thương cho hai đứa trẻ có túc phước đáng độ nên đến làng đó phóng hào quang rực rỡ, trời đất rung động, vạn vật đều trở nên sắc vàng. Dân làng ai cũng kinh ngạc, hoan hỷ đến chỗ Phật đảnh lễ vì biết đây là Bậc Chí Tôn trong tam giới. Đức Phật đi thẳng đến nhà hai đứa bé. Chúng thấy hào quang rực rỡ của Phật, vui mừng khôn xiết. Hai vợ chồng thấy thế ngạc nhiên, mỗi người một đứa đến chỗ Đức Phật hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn, hai đứa trẻ này sinh ra mới gần hai tháng mà đã biết nói chuyện như thế. Chúng con không biết lẽ gì, e rằng sau này chúng sẽ gây họa nên định phóng lửa đốt chết, song chưa kịp làm thì Phật đã đến. Không biết đây là ma quỷ gì, xin Đức Phật giải thích.

Quái lạ thay, hai đứa nhỏ trông thấy Đức Phật lại quơ tay chào lộ vẻ vui mừng. Đức Phật trông thấy hai đứa trẻ bèn mỉm cười, hào quang nǎm sắc từ miệng phóng ra tỏa khắp đất trời, rồi bảo với cha mẹ đứa bé và nhân dân trong làng:

–Hai đứa bé này không phải ma quỷ mà là con phúc đức. Vào thời Đức Phật Ca-diếp chúng đã từng làm Sa-môn. Hai đứa thuở nhỏ đã kết bạn chung chí xuất gia, tu hành tinh tấn. Khi sắp đắc đạo, hai người bỗng khởi tà tưởng ngăn giải thoát, tham đắm vinh hoa. Họ suy nghĩ sai lầm: “Chỉ cần tu phước sẽ sinh lên cõi trời. nếu sinh hạ giới cũng làm vua chúa trưởng giả.” Tà tưởng vừa sinh liền thoái chuyển đạo tâm, không được Niết-bàn, rơi vào trong sinh tử, nhiều đời nhiều kiếp thường gần nhau. Đến đời Ta lại sinh đôi trong nhà nghèo này. Nhờ công đức cúng dường Phật quá khứ nên còn dư phước có thể độ được, tội hết phước sinh, biết túc mạng mình, nên nay Đức Thế Tôn đến đây để độ. Nếu Ta không độ, chúng sẽ bị lửa thiêu chết oan uổng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Dại nhân tánh vô dục
 An trú nơi quang minh
 Dù gặp cảnh khổ vui
 An nhiên, trí hiện tiền.
 Đại hiền không nhiễm đời
 Không mong của, nước, con
 Thường giữ đạo giới tuệ
 Không tham phú quý tà.
 Trí giả biết vô thường
 Cảnh giác cây trên cát
 Bạn chí không kiên cường
 Như sắc trắng nhiễm màu.*

Đức Phật nói kệ xong, hai đứa bé thấy thân Phật liền vươn mình lớn lên như trẻ tám tuổi, rồi làm Sa-di chứng quả A-la-hán. Người trong làng thấy hào quang Phật, lại thấy hai đứa bé thay đổi lạ thường đều rất hoan hỷ, đắc quả Tu-dà-hoàn. Cha mẹ đứa bé dứt hết nghi ngờ chứng được pháp nhẫn.

**
 *

Phẩm 17: A-LA-HÁN

Thí dụ 34:

Thuở xưa, có một nước tên là Na-lê gần miền biển phía Nam. Dân chúng nước đó sống bằng nghề mò ngọc trai, tìm gỗ chiên-dàn. Trong nước có một nhà gồm hai anh em, cha mẹ mới mất định chia tài sản ở riêng. Nhà có một người nô lệ tên là Phân-na tuổi nhỏ thông minh, rành việc buôn bán và ra biển kiếm ngọc trai. Cách chia gia tài của họ là: Nhà cửa tài sản tính làm một phần, nô lệ Phân-na tính làm một phần. Hai người rút thăm, người em bắt được phần nô lệ, bèn cùng vợ con với người nô lệ tay trắng ra đi. Lúc ấy tình hình sinh hoạt cơ khổ khó khăn, mà chỉ được có một người nô lệ, nên người em rất lo buồn không biết lấy gì để sống. Phân-na liền thưa với chủ:

—Xin ngài đừng lo, Phân-na này sẽ tìm cách trong thời gian ngắn ngài sẽ giàu có hơn người anh.

Người em nói:

—Nếu ngươi làm được như vậy, ta sẽ trả tự do cho ngươi làm thường dân.

Vợ người em có một số châu ngọc riêng bèn giao cho Phân-na làm vốn. Lúc đó hải triều lên, dân chúng trong thành ra mé biển nhặt củi. Phân-na đem châu ngọc ra ngoài thành gấp một đứa trẻ ăn vác củi. Trong bó củi có gỗ thơm Ngưu đầu chiên-dàn có thể trị bệnh nặng, một lượng đáng giá ngàn vàng. Đây là cơ hội ngàn năm một thuở, Phân-na biết bèn đưa ra hai đồng tiền mua được bó cây đem về chặt ra làm vài mươi đoạn.

Lúc đó có một vị trưởng giả lâm bệnh nặng, cần hai lượng Ngưu đầu chiên-dàn điều chế thuốc uống, mà tìm không ra. Phân-na đem gỗ hương chiên-dàn đến đổi lấy được hai ngàn lượng vàng, rồi mua sắm hết số tiền kiếm được giúp người em giàu hơn anh gấp bội. Người em cảm niệm ân của Phân-na nên giữ đúng lời hứa cho Phân-na tự do, tùy ý làm gì thì làm. Phân-na liền từ giã gia đình người em ra đi học đạo. Phân-na đến nước Xá-vệ đánh lễ Phật rồi quỳ thảng chắp tay thưa:

—Con là dòng dõi hạ tiện song rất hâm mộ đạo pháp. Xin Đức Thế Tôn rủ lòng Từ bi té độ.

Đức Phật bảo:

—Lành thay, hãy lại đây Phân-na!

Phân-na râu tóc liền tự rụng, đầy đủ pháp phục thành vị Sa-môn. Đức Phật thuyết pháp cho Phân-na. Nghe xong, Phân-na y giáo tu tập chứng quả A-la-hán. Lúc đó A-la-hán Phân-na ngồi tư duy: “Ta sở dĩ ngày nay có được lục thông, tự do trước sinh tử là nhờ ân của chủ nhân. Nay ta đến đến độ cho ông và nhân dân trong nước.”

Phân-na nghĩ xong trở về nước mình, tìm đến nhà chủ cũ. Người em gặp lại Phân-na vô cùng hoan hỷ mời vào nhà đãi ăn. Ăn uống rửa tay xong, Phân-na bay lên không trung, phân thân nửa mình phun nước, nửa mình phun lửa, hào quang rực rỡ rồi hạ xuống đất nói với người chủ cũ:

–Thần thông oai đức ngày nay tôi có được là nhờ ân ngài phóng xá cho tôi đến chỗ Phật tu học mới được như vậy.

Người chủ đáp:

–Phật thần thông oai đức, giáo hóa vi diệu như thế, tôi xin được gặp Phật để nghe lời dạy bảo.

Phân-na đáp:

–Chỉ cần ngài chí tâm thiết cúng trai soạn đầy đủ, Đức Phật có đủ Tam minh tất sẽ tự đến.

Người chủ nghe lời sắp đặt mọi thứ xong, bèn hướng về Xá-vệ đánh lẽ, thắp hương quỳ thẳng thành tâm cung thỉnh Đức Phật từ bi quang lâm, làm lợi ích cho mọi người.

Đức Thế Tôn liền biết được tâm niệm của họ, nên cùng năm trăm vị A-la-hán dùng thần thông đến nhà đó. Quốc vương và dân chúng vô cùng cung kính đến chỗ Phật đánh lẽ, rồi ngồi qua một bên. Họ thực rửa tay xong, Đức Phật vì người chủ và vua quan nhân dân trong nước thuyết pháp. Nghe xong, tất cả đều hoan hỷ xin tho Tam quy, Ngũ giới làm đệ tử Phật, rồi đứng lên khen ngợi Phân-na:

–Tại gia thì siêng năng, xuất gia thì đắc đạo, thần thức cao cả giúp gia đình và quốc gia đều được độ. Chúng tôi biết làm thế nào để đáp đền ân đức này?

Lúc ấy Đức Thế Tôn lại nói kệ khen ngợi Phân-na:

Tâm đã an định

Ngôn hành lặng yên

Theo chánh giải thoát

Diệt độ an nhiên.

Bỏ dục, không nhiễm

Tam giới hết ngăn

Ý vọng dứt tuyệt

Là bậc Thượng nhân.

Xóm làng, đồng trống

Bình nguyên, núi cao

Nơi La-hán đến

*Đều được hóa độ.
Bậc vui vắn lặng
Không ai làm đặng
Hạnh phúc thay! Vô dục
Không mong cầu, ước vọng.*

Đức Phật nói kệ xong, người chủ và vua càng thêm hoan hỷ, thỉnh Đức Phật lưu lại cúng dường trong bảy ngày, cả hai đều chứng quả Tu-dà-hoàn.

**
*

PHẨM 18: THUẬT THIỀN

Thí dụ 35:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Trong nước có một vị Tỳ-kheo lớn tuổi tên là Bàn-đặc. Ông là người mới xuất gia, bẩm tính tối dạ. Đức Phật sai năm trăm vị A-la-hán hàng ngày dạy ông, thế mà trong ba năm ông vẫn học không xong một bài kệ. Mọi người trong nước ai cũng biết ông ngu muội.

Đức Phật thương xót, bèn gọi ông lại dạy cho một bài kệ:

*Giữ miệng, thu nhiếp ý
Thân không phạm lỗi chi
Ai làm được như vậy
Sinh tử chẳng còn gì.*

Bàn-đặc cảm Phật ân từ, tâm hoan hỷ khai sáng, tung thuộc bài kệ này.

Đức Phật bảo:

–Ông tuổi đã lớn mới thuộc được một bài kệ mà thông thường ai cũng biết, nên chẳng có chi là kỳ đặc. Ta nay sẽ giảng giải cho ông nghe nghĩa lý của bài kệ này, hãy nhất tâm lắng nghe.

Bàn-đặc vâng lời nhất tâm nghe giảng. Đức Phật vì ông mà nói nguyên nhân mà ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo nghiệp, thân có ba,

miệng có bốn, ý có ba. Và khuyên ông hãy quán chiếu những nghiệp này, sinh khởi như thế nào, chấm dứt ra sao. Chúng sinh trôi lăn không ngừng trong ngũ thú tam giới, do nó mà sinh Thiên, do nó mà đọa lạc, lại cũng nhờ nó mà đắc đạo quả, chứng Niết-bàn. Đức Phật vì Bàn-đặc giảng nói vô lượng diệu pháp.

Bàn-đặc nghe nói hoát nhiên tâm trí khai ngộ, liền chứng quả A-la-hán.

Lúc ấy có năm trăm vị Tỳ-kheo-ni ở tinh xá riêng. Đức Phật mỗi một ngày cử một vị Tỳ-kheo đến đó giảng kinh thuyết pháp. Hôm sau là đến phiên Bàn-đặc sang bên Ni thuyết pháp. Ni chúng biết tin đều cười nhạo, khinh miệt nói với nhau: “Ngày mai hễ ông Bàn-đặc đến, chị em mình nói đón trước bài kệ đó cho ông ta nghe, khiến ông hổ thẹn câm miệng.”

Hôm sau, Bàn-đặc đến chỗ các Tỳ-kheo-ni. Các cô lớn nhỏ đều ra làm lễ, rồi ngó nhau cười khúc khích. Các cô mời Bàn-đặc ngồi rồi dọn đồ ra cúng dường. Thợ trai rửa tay xong, các cô lại thỉnh ông thuyết pháp. Bàn-đặc lên tòa cao, hạ mình khiêm tốn nói:

–Tôi là kẻ đức bạc tài sơ, chưa xứng làm bậc Sa-môn. Tánh tình lại vốn ám độn, không học hành chi nhiều, chỉ biết một bài kệ và hiểu sơ ý nghĩa của nó, nay sẽ vì các vị giải nói, xin hãy nhất tâm lắng nghe.

Các vị Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi định nói đón trước bài kệ đó mà không sao mở miệng được. Tất cả đều kinh sợ tự trách, cúi đầu ăn năn.

Bàn-đặc liền như Phật đã dạy, giảng cẩn kẽ về ba nghiệp thân, khẩu, ý gây tội phước ra sao, những pháp sinh Thiên, đắc đạo quả, ngừng thần, trừ vọng tưởng, nhập chánh định. Các Tỳ-kheo-ni nghe lời giảng vô cùng kinh ngạc, hoan hỷ nhất tâm lắng nghe, chứng được quả A-la-hán.

Hôm sau, vua Ba-tư-nặc thỉnh Đức Phật và chư Tăng vào cung cúng dường. Đức Phật muốn hiển bày oai thần của Bàn-đặc nên giao bình bát cho ông cầm đi theo sau. Người gác cổng biết mặt Bàn-đặc là người ngu tối nên chẳng cho vào, khinh thường bảo:

–Ông là Sa-môn mà một bài kệ còn học không xong, nhận lời thỉnh vào cung làm gì? Tôi là người đời còn thuộc kinh, huống chi ông là Sa-môn lại không có trí tuệ. Cúng dường cho ông thật là vô ích. Thôi ông không cần vào cửa!

Lúc đó, Bàn-đặc đứng bên ngoài. Đức Phật ngồi trong cung rửa tay chân xong, Bàn-đặc liền cầm bát duỗi tay dài ra, đưa vào tận trong cung cho Đức Phật.

Vua và quần thần, phu nhân, thái tử chúng hội thấy có cánh tay mà không thấy người nén kinh ngạc hỏi Đức Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, đây là tay ai?

Đức Phật đáp:

–Đây là cánh tay của Tỳ-kheo Bàn-đặc gần đây mới đắc đạo. Ta lúc nãy giao cho ông ấy cầm bát, song người gác cửa lại chẳng cho vào, nên ông phải duỗi tay dài ra trao bát cho Ta.

Vua nghe vậy liền cho mời Bàn-đặc vào. Lúc đó Bàn-đặc uy nghi rạng rỡ, thần thái khác thường.

Vua liền bạch Đức Phật:

–Con nghe đồn Tỳ-kheo Bàn-đặc tâm tánh ngu ám, mới biết được một bài kệ, vậy do duyên gì mà đắc đạo?

Đức Phật nói với vua:

–Học không cần phải nhiều, chủ yếu là phải thực hành những gì đã học. Bàn-đặc hiểu nghĩa một bài kệ, thâm nhập nghĩa lý, thân khẩu ý vắng lặng thanh tịnh như vàng ròng cõi trời. người học nhiều mà lại không hiểu nghĩa, không thực hành, chỉ uổng tâm nhọc trí nào có ích gì?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tuy tụng ngàn chương

Không hiểu đúng nghĩa

Chẳng bằng một nghĩa

Nghe rồi diệt ác.

Tuy tụng ngàn lời

Không hiểu ích gì?

*Chẳng bằng một nghĩa
Nghe hành được độ.
Tuy tụng kinh nhiều
Không hiểu ích gì?
Hiểu một câu pháp
Hành theo đắc đạo.*

Đức Phật nói kệ xong, ba trăm vị Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Vua và quần thần, phu nhân, thái tử không ai là không hoan hỷ.

**
*

Thí dụ 36:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ, vì hàng trời người thuyết pháp. Lúc ấy, trong nước có một vị trưởng giả Bà-la-môn tên là Lam-đạt, giàu sang tột đỉnh, của cải trong nhà không biết bao nhiêu mà tính.

Ông thường theo pháp Bà-la-môn làm một cái đàn cao cúng tế, để tỏ rõ danh tiếng của mình. Trút sạch gia tài mở hội đại bố thí, cúng dường cho hơn năm trăm ngàn vị Bà-la-môn. Trong vòng năm năm ông cung cấp các thứ y phục, giường chông, thuốc men, cơm nước, của cải, báu vật và đồ đạc dành riêng cho miếu thờ theo ý thích đòi hỏi của các Bà-la-môn. Các vị ấy cũng vì trưởng giả mà tế tự chư Thiên, các vị thần núi, thần sông, tinh tú, nước lửa không thiếu nơi nào trong vòng năm năm. Kỳ hạn năm năm cho trưởng giả mãi mãi hưởng phước sấp xong. Đến ngày cuối cùng có một cuộc bố thí lớn nhất đúng như pháp tắc của trưởng giả. Bát vàng đựng thóc bạc, bát bạc đựng thóc vàng, voi ngựa xe cộ, nô tỳ, của cải, đồ phục sức bằng thất bảo, giày dép, lọng dù, áo da hươu, tích trượng, sàng ngồi, thau chậu rửa tay chân, giường chiếu... tất cả những thứ cần dùng có hơn tám muôn bốn ngàn món đều đem bố thí hết.

Ngày ấy, tất cả Bà-la-môn đều đến đại hội. Quý thần, quốc vương, đại thần, quý tộc Bà-la-môn hàng hàng lớp lớp không ai là không hân hoan.

Đức Phật thấy việc đó than:

–Ông quý tộc Bà-la-môn này sao lại quá ngu si. Bố thí quá nhiều mà phước báo chẳng bao nhiêu, như gieo hạt giống vào lửa thì làm sao có được hoa trái? Nếu Ta không giáo hóa, ông ấy sẽ mãi mãi rời xa chánh đạo.

Đức Phật bèn chấn chỉnh pháp phục đến đó, phóng ra hào quang tỏa chiếu khắp chúng hội. Ai thấy cũng cho là việc chưa từng có, kinh sợ không biết là vị thần nào.

Trưởng giả Lam-đạt và đại chúng vội đánh lễ Phật sát đất. Đức Phật thấy mọi người đều có tâm cung kính nên nói kệ:

*Tháng bỏ ngàn vàng
Suốt đời tế tự
Không bằng khoảnh khắc
Nhất tâm niệm pháp.
Phước báo một niệm
Hơn cúng suốt đời.
Dẫu suốt cả trăm năm
Phụng thờ thần lửa
Không bằng phút giây
Cúng dường Tam bảo.
Phước một lần cúng
Hơn thờ trăm năm.*

Bấy giờ Đức Phật nói với trưởng giả Lam-đạt:

–Bố thí có bốn việc. Thế nào là bốn?

1. Cúng thí nhiều được phước báo ít.
2. Cúng thí ít được phước báo nhiều.
3. Cúng thí nhiều được phước báo nhiều.
4. Cúng thí ít được phước báo cũng ít.

Sao là cúng thí nhiều được phước báo ít? Đây là chỉ người ngu si sát sinh để tế tự, uống rượu ca vũ tốn hao của cải, không có phước tuệ.

Sao cúng thí ít được phước báo cũng ít? Đây là người vì keo kiệt ác ý mà cúng thí các đạo sĩ phàm tục, cả hai bên đều ngu si nên không có phước.

Sao gọi là cúng thí ít mà được phước báo nhiều? Đây là do lòng từ mà cúng thí cho bậc tu sĩ đạo đức, họ thực xong các vị ấy tinh tấn tu học. Cúng thí như vậy tuy ít mà phước báo to lớn.

Sao gọi là cúng thí nhiều được phước báo nhiều? Nếu có bậc hiền giả giác ngộ cuộc đời vô thường, hảo tâm đem tiền của xây dựng chùa tháp, tịnh xá, vườn cây, cúng dường Tam tôn đầy đủ tử sự, phước báo này như nước năm sông chảy vào biển cả. Phước đức dồi dào đời đời không cùng tận. Đây chính là cúng thí nhiều phước báo càng nhiều. Thí như nhà nông làm ruộng, tùy ruộng đất mà mõ hay cǎn cỗi mà thu hoạch khác nhau.

Lúc ấy trưởng giả Lam-đạt và chúng hội thấy sức thần biến hóa của Phật nghe giảng pháp đều vô cùng hoan hỷ. Chư Thiên, quý thần đều đắc đạo Tu-đà-hoàn. Năm ngàn vị Bà-la-môn xin xuất gia làm Sa-môn, sau đó đắc quả A-la-hán.

Trưởng giả Lam-đạt và gia đình lớn nhỏ đều thọ năm giới, thấy được dấu đạo. Quốc vương, đại thần đều thọ Tam quy y, làm Uu-bà-tắc, đắc được pháp nhãn.

**
*

Thí dụ 37:

Thuở xưa, Đức Phật giáo hóa ở tinh xá nước Xá-vệ. Lúc ấy, trong thành La-duyệt-kỳ có một người ngu si hung bạo, bất hiếu với cha mẹ, khinh khi người lương thiện, không kính bậc tôn trưởng. Ông ấy làm ăn thất bại, không được như ý nên thò phụng lửa để cầu ban phước. Pháp tắc thò lửa, mỗi ngày khi mặt trời sắp lặn phải thấp lên một đống lửa lớn rồi hướng về đó mà quỳ lạy, đến nửa đêm lửa tắt mới thôi.

Người ấy thò như vậy ba năm mà không được phước, bèn chuyển qua thò mặt trời, mặt trăng. Pháp tắc thò là ban ngày khi mặt trời mới mọc, ban đêm khi mặt trăng vừa lên thì hướng về đó mà lê

lại đến chừng nào lặn mới thôi. Người ấy thực hành như vậy ba năm mà vẫn không được phước bèn chuyển qua thờ trời, đốt hương quỳ lạy, dâng lên hương hoa, rượu thịt, trâu bò heo dê tươi ngon cho đến khi nghèo túng mà vẫn không được phước báo.

Người ấy vì thế thân thể tiêu tụy, bệnh hoạn ra cửa không nổi. Một hôm ông nghe được ở nước Xá-vệ có Đức Phật là bậc chư Thiên tôn kính, nên định đến đó phụng sự, mong được phước báo. Ông liền cố gắng qua nước Xá-vệ tìm đến chỗ Phật. Tới trước cửa Phật khi nhìn thấy tôn dung uy nghiêm của Đức Phật hào quang rực rỡ như trăng sáng nổi bật giữa muôn sao, người ấy tâm sinh hoan hỷ, quỳ xuống đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi chắp tay thưa:

–Con sinh ra và lớn lên trong ngu muội, không biết gì đến Phật, Pháp, Tăng, chỉ lo thờ lửa, mặt trời, mặt trăng và các Thiên thần. Chín năm cần khổ ròng rã không được chút phước nào, mà thân thể con lại tiêu tụy, khí lực suy vi, bốn đại nhiều bệnh không biết sẽ chết ngày nào. Nay con biết được Đức Thế Tôn là Bậc Thầy cứu độ chúng sinh, nên từ xa lại đây quy y, xin ban cho ân phước.

Đức Phật nói với ông:

–Ông thờ phụng trước giờ toàn là yêu tà, quỷ mị. Cúng tế cầu đảo với những hạng ấy nhiều như núi thì tội lỗi cũng đầy ắp như sông biển! Sát sinh để cầu phước thì cách phước rất xa! Nếu ông trăm kiếp cần khổ sát sinh, đem tất cả bò dê trong thiên hạ ra tế tự cầu đảo, thì sẽ mang tội lớn như núi Tu-di mà phước chỉ nhỏ bằng hạt cải! Thật phí công phí của vô ích, há chẳng lầm lẫn lầm sao? Lại nữa, ông là người bất hiếu với cha mẹ, khinh khi người hiền, chẳng kính tôn trưởng, kiêu mạn cống cao, tam độc đầy dẫy, tội nghiệp ngày một sâu, do đâu mà được phước? Nếu ông có thể cải đổi tâm tính, kính lễ bậc hiền, oai nghi lễ phép cung phụng bậc Trưởng lão, bỏ ác làm lành, tu sửa bản thân, trải lòng từ bi thì bốn phước mỗi ngày một tăng, đời đời không gặp họa hoạn. Bốn phước đó là gì?

1. Nhan sắc đoan chánh.

2. Khí lực mạnh mẽ.

3. An ổn không bệnh.
4. Trưởng thọ, không bị chết oan.

Nếu ông tinh tấn theo những hạnh trên, không chút giải đãi thì có thể đắc đạo.

Bấy giờ Đức Tôn liền nói kệ:

*Tế thân để cầu phước
Xét quả báo về sau
So kính lẽ bậc hiền
Bốn phần không được một.
Biết lẽ độ khiêm cung
Thường kính bậc trưởng lão
Bốn phước tự nhiên tăng
Sắc, lực, thọ, an ổn.*

Người đó nghe kệ xong hoan hỷ tin hiểu, đánh lě Phật rồi lại thưa:

–Con vì tội cầu che ngăn đã gây ra tội lỗi trong suốt chín năm. Nay may nhờ lòng từ khai thị mới được thông hiểu. Xin Đức Thế Tôn cho con được xuất gia làm Sa-môn.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Hãy lại đây Tỳ-kheo!

Vị ấy râu tóc tự rụng, thành bậc Sa-môn. Sau đó, tinh cần quán niệm hơi thở, vị ấy chứng quả A-la-hán.

**
*

Phẩm 19: ÁC HẠNH

Thí dụ 38:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại nước La-duyệt-ky, sai một vị La-hán tên là Tu-mạn đem tóc và móng tay Phật đến núi phía Nam nước Kế tân xây chùa tháp Phật. Năm trăm vị La-hán trụ trong chùa đó, sớm chiều đốt hương đi xung quanh tháp lě bái. Lúc ấy, trong núi có năm

trăm con khỉ thấy các Đạo nhân cúng dường bảo tháp, liền kéo nhau đến bên khe núi sâu vác đất đá bùn sinh bắt chước xây một ngôi tháp, dựng cây làm cột rồi treo tràng phan lên đầu cây, sớm chiều lê bái cũng như Đạo nhân. Một hôm nước lũ trong khe núi dâng cao, nhận chìm chết cả đàn khỉ. Thần thức chúng liền sinh lên cung trời Đao-lợi thứ hai, ở trong cung điện thất bảo, việc ăn mặc tự nhiên có đầy đủ. Họ đều tự nghĩ: “Chúng ta do nhân duyên gì được sinh lên cõi trời này?”.

Rồi họ liền dùng Thiên nhãn tự nhìn thân mình thấy tiềuERN thân là loài khỉ, nhờ bắt chước Đạo nhân xây tháp lê bái chơi, tuy bị nước cuốn chết mà thần thức được sinh lên trời. Vì vậy họ muốn trở xuống đền ân thân cũ. Chư Thiên đó liền mang theo người hầu đem hương hoa, kỹ nhạc đến bên thây cũ rải hoa, đốt hương, đi nhiều quanh thây bảy vòng.

Lúc ấy, trong núi có năm trăm vị Bà-la-môn ngoại đạo tà kiến, không tin tội phước, thấy chư Thiên rải hoa, trổ nhạc, đi nhiều quanh thây khỉ đều ngạc nhiên hỏi:

–Chư Thiên quang tướng uy nghi như vậy, cớ sao lại hạ mình cúng dường những thây chết này?

Các Thiên nhân đáp:

–Những thân này chính là thân cũ của chúng tôi. Ngày xưa, chúng tôi ở đây bắt chước các Đạo nhân lập tháp miếu chơi, bị nước khe dâng lên nhận chìm chết. Nhờ chút phước mọn đó nên nay được sinh Thiên. Hôm nay xuống rải hoa là để đền ân thân cũ. Chỉ đùa chơi làm chùa tháp mà còn được phước như thế, nếu chí tâm thờ Phật Thế Tôn phước đức đó thật khó mà ví dụ cho được. Các ông tà kiến không tin đạo chân chính, thì dầu cực khổ siêng tu trăm kiếp cũng không được một chút lợi ích. Chi bằng ta hãy cùng nhau đến núi Kỳ-xà-quật đánh lễ, cúng dường Phật thì sẽ được phước vô lượng.

Các Bà-la-môn nghe vậy vô cùng hoan hỷ, cùng chư Thiên đồng đến chỗ Phật, thành tâm đánh lễ, rải hoa cúng dường.

Chư Thiên bạch Phật:

–Chúng con đời trước mang thân khỉ, nhờ ân Đức Thế Tôn mới được sinh Thiên, hận mình không được gặp Phật, nên nay đến để quy y.

Bạch Đức Thế Tôn, chúng con đời trước có tội gì mà phải mang thân khỉ, dẫu xây dựng chùa tháp mà vẫn bị nước cuốn chết?”.

Đức Phật nói với các Thiên nhân:

–Việc này có nhân duyên, không phải tự nhiên mà có. Ta sẽ vì các ông mà nói rõ nguyên nhân.

Thuở xưa có năm trăm vị niêm thiếp Bà-la-môn cùng nhau vào núi muốn học đạo Tiên. Lúc ấy, trên núi có một Sa-môn định xây một tinh xá bằng đất bùn. Vì ấy xuống khe suối lấy nước thân thể nhẹ như bay. Năm trăm Bà-la-môn thấy vậy sinh tâm ghen ghét, đồng thanh cười nhạo: “Ông Sa-môn này lên xuống lật đật như khỉ, có gì đâu lạ! Ông lấy nước như vậy mãi, có ngày sẽ bị nước nhận chết chìm!”.

Đức Phật kể xong bảo với các Thiên nhân: “Ông Sa-môn lên núi thuở đó chính là thân Ta, còn năm trăm vị Bà-la-môn niêm thiếp chính là năm trăm con khỉ đó, vì cười đùa gây tội mà phải mắc quả báo như vậy.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Đùa cười làm ác
Thân đã tạo nghiệp
Thọ báo khóc than
Theo đó tội đến.*

Đức Phật nói với các Thiên nhân:

–Các ông đời trước tuy là thân loài thú mà biết chơi đùa xây cất tháp miếu, nên tội diệt phước sinh, được sinh lên cõi trời. Ngày nay các ông lại biết đến đây phụng trì Chánh pháp, do nhân duyên này sẽ mãi mãi xa lìa các khổ.

Đức Phật giảng xong, năm trăm Thiên nhân đều thấy được đạo. Dù là Thiên nhân, nhưng vẫn chưa phải là người đắc đạo. Còn năm trăm Bà-la-môn được nghe giảng về quả báu tội phước đều tự than:

–Chúng ta học theo đạo Tiên đã mấy năm mà chưa được chút kết quả nào, không bằng đòn khỉ chỉ đùa chơi làm phước mà được sinh Thiên. Đạo của Phật quả thật vi diệu!

Bấy giờ năm trăm vị Bà-la-môn đánh lễ Đức Phật xin làm đệ tử. Đức Phật bảo:

–Lành thay, hãy lại đây các Tỳ-kheo!

Năm trăm vị đó liền thành tướng Sa-môn. Nhờ tu tập tinh tấn, chẳng bao lâu năm trăm vị ấy đều chứng quả A-la-hán.

**
*

Thí dụ 39:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ thuyết pháp cho các hàng trời người. Lúc ấy, con thứ hai của vua tên là Lưu Ly, hai mươi tuổi đem tùy tùng bức vua thoái vị và giết chết thái tử anh minh là Kỳ-đà rồi tự lên ngôi.

Có một tên quan ác tâm tên là Da-lợi tâu với vua Lưu Ly:

–Vua lúc trước còn là hoàng tử sang nước Xá-di bên ngoại nhìn vào bên trong tinh xá của Phật bị dòng tộc Thích-ca mắng nhiếc hết kể nổi. Lúc đó đại vương đã thề rằng: “Nếu ta làm vua sẽ hỏi tội này.” Nay thời cơ đã đến, binh mã hùng mạnh nên báo oán xưa.

Lưu Ly nghe lời, liền cho chuẩn bị binh mã, kéo sang chinh phạt nước Xá-di.

Đức Phật có vị đại đệ tử thứ hai tên là Ma-ha Mục-kiền-liên. Ngài thấy vua Lưu Ly định tàn sát nước Xá-di để trả thù xưa, sẽ giết hại bốn chúng đệ tử nêu rõ cùng thương xót. Ngài liền đến chỗ Phật thưa:

–Nay vua Lưu Ly vây đánh nước Xá-di, con nghĩ dân chúng vô tội sẽ chết oan, nên định đem bốn phương tiện cứu dân trong nước Xá-di.

1. Đem dân Xá-di để trên hư không.
2. Đem dân nước Xá-di giấu giữa biển.
3. Đem dân nước Xá-di giấu giữa hai ngọn núi Thiết vi.

4. Đem dân nước Xá-di để ở giữa nước lớn phương khác, khiến vua Lưu Ly không biết chở của họ.”

Đức Phật bảo:

–Này Mục-kiền-liên, Ta biết ông có khả năng trí đức che chở cho dân nước Xá-di. Nhưng chúng sinh có bảy việc không thể tránh khỏi. Bảy việc đó là gì? Một là sinh, hai là già, ba là bệnh, bốn là chết, năm là tội, sáu là phước, bảy là nhân duyên. Bảy điều này dầu ta muốn tránh nhưng không thể được. Dầu oai thần của ông có thể làm được chuyện đó, nhưng túc nghiệp, tội lỗi làm sao tránh được?

Mục-kiền-liên lễ Phật lui ra, nhưng vẫn theo ý riêng đem bốn, năm ngàn người tín chủ tri thức đựng trong bát đặt ở khoảng giữa các tinh tú trên hư không. Vua Lưu Ly đánh nước Xá-di, giết khoảng ba úc người rồi kéo quân về nước.

Lúc đó, Mục-kiền-liên đến chỗ Phật đánh lễ, rồi tự hào thưa:

–Vua Lưu Ly đánh nước Xá-di, đệ tử thừa oai thần Phật cứu bốn năm ngàn người nước này. Nay những vị đó ở trên hư không đều được thoát nạn.

Đức Phật hỏi:

–Ông đã đến xem người trong bát chưa?

Đáp:

–Dạ chưa!

Đức Phật bảo:

–Ông hãy xem người trong bát trước đã.

Mục-liên vâng lời, dùng đạo lực đem bát xuống xem, không ngờ tất cả đều đã chết hết. Mục-kiền-liên buồn thương rơi lệ, trở lại chỗ Đức Phật thưa:

–Tất cả người trong bát đều chết cả! Oai lực thần thông không thể cứu họ thoát khỏi tội nghiệp đói trước.

Đức Phật bảo Mục-kiền-liên:

–Bảy việc mà ta đã nói trước, dù Phật, Thánh chúng, thần tiên, đạo sĩ có oai lực ẩn mình, phân thân song cũng không thể tránh được.

Bấy giờ Đức Phật lại nói kệ:

*Dầu hư không, biển cả
Hay núi đá xa xôi
Không nơi nào tránh khỏi
Quả ác nghiệp đã làm.
Chúng sinh bị nǎo hại
Lão tử nghiệp trả vay
Bậc Bi Trí giải thoát
Không nhớ lỗi lầm ai.*

Đức Phật thuyết pháp xong, vô số người trong pháp hội hiểu được lẽ vô thường, đều buồn thương trước việc không thể tránh khỏi tội báu, hoan hỷ, chứng quả Tu-dà-hoàn.

**
*

Phẩm 20: ĐAO TRƯỜNG

Thí dụ 40:

Thuở xưa có một nước tên là Hiền Đề. Trong nước có vị Trưởng lão Tỳ-kheo thường đau yếu luôn, nằm liệt giường, gầy ốm dơ bẩn. Thế mà trong tinh xá không có một ai trông nom săn sóc cho ông. Đức Phật dẫn năm trăm vị Tỳ-kheo đến đó, sai các vị ấy chăm nom, nấu cháo cho vị Trưởng lão Tỳ-kheo. Nhưng ai nghe mùi hôi thối của vị ấy đều nhòm t好吗 không dám đến gần.

Đức Phật sai Đế Thích lấy nước nóng, còn Ngài dùng tay Kim cang tắm rửa cho vị ấy. Lúc đó đại địa rúng động rực rỡ hào quang ai thấy cũng kinh ngạc. Vua chúa, Quan dân, Thiên, Long, Quý, Thần đồng đảo vô số đồng đến chỗ Đức Phật đánh lễ, bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là Bậc Tôn Quý trong đời, đầy đủ phước đức trí tuệ trong ba cõi không ai sánh bằng, sao lại hạ mình tắm rửa cho vị Tỳ-kheo già bệnh, thân thể hôi dơ này?

Đức Phật bảo với vua và chúng hội:

–Như Lai sở dĩ xuất hiện ra đời vì chính những người khổ ách

không ai giúp đỡ như thế. Nếu ai cúng dường những Sa-môn đạo sĩ bệnh tật và những người già cô độc bần cùng sẽ được phước vô lượng, sở nguyện như ý, như nước năm sông chảy vào biển cả, phước này cũng mênh mông như vậy. Người ấy công đức dần dần viên mãn rồi được đắc đạo.

Vua bạch với Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, vị Tỳ-kheo này đời trước tạo tội nghiệp gì mà nay phải chịu bệnh khổ, nhiều năm thuốc men mà vẫn không thuyên giảm?

Đức Phật nói với vua:

–Thuở xưa có một vị vua tên là Ác Hạnh, dùng chính sách nghiêm bạo để trị dân. Ông giao quyền cho một võ sĩ tên Ngũ Bách lo việc đánh đập tra khảo tù nhân. Ngũ Bách dựa vào oai thế vua mà theo ý riêng tra khảo. Trước khi đánh đập Ngũ Bách đòi lót tiền bạc, nếu ai có sẽ được đánh nhẹ, nếu ai không có sẽ bị đánh đập tàn nhẫn. Nhân dân cả nước ai cũng sợ ông. Lúc ấy, có một vị hiền giả bị vu khống mắc tội, lúc sắp chịu đánh đập tra khảo, người ấy nói với võ sĩ: “Tôi là đệ tử Phật vốn không làm điều chi lầm lỗi, chỉ bị người vu oan, xin ông hãy khoan thứ.”

Ngũ Bách nghe nói là đệ tử Phật nên nhẹ tay đánh sót qua thân.

Về sau Ngũ Bách chết, đọa vào địa ngục chịu đánh đập hành khổ, đến khi báo tận đọa vào súc sinh hơn năm trăm đời đều bị đánh đập hành hạ. Khi hết tội sinh vào loài người thường yếu đuối bệnh hoạn thống khổ.

Vua nước ấy nay chính là Đ�êu-đạt, võ sĩ Ngũ Bách nay chính là vị Tỳ-kheo bệnh tật này, còn vị Hiền giả chính là thân Ta. Ta đời trước được ông ấy nhẹ tay đánh không trúng thân, nên đời nay Ta đáp lại tự tay tắm rửa cho ông. Người gây tạo thiện ác thì phước họa sẽ theo thân, dầu trải qua bao lần sinh tử vẫn không tránh được.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Đánh người vô tội
Vu báng người hiền
Sẽ mắc mười họa*

*Dến chết không thôi.
Một, sống khổ sở
Hai, thân tật nguyền
Ba, bệnh triền miên
Bốn, ý loạn sợ
Năm, bị vu báng
Sáu, mắc nạn quan
Bảy, của tan tác
Tám, người thân lìa.
Chín, cửa và nhà
Bị lửa cháy tiêu
Mười, sau khi chết
Phải đọa địa ngục.*

Lúc đó vị Tỳ-kheo bệnh nghe Đức Phật kể lại túc mạng và nghe được bài kệ này, tự biết việc làm sai lầm thuở trước nên nghiệp niêm lấy mình, ngay trước Đức Phật bệnh tật dứt sạch, thân an ý định liền chứng quả A-la-hán. Vua nước Hiền Đề hoan hỷ tin hiểu, xin thọ Ngũ giới làm Phật tử tịnh tín, suốt đời tu hành, đắc được quả Tu-dà-hoàn.

**
*

Thí dụ 41:

Thuở xưa, Đức Phật thuyết pháp cho các hàng trời người ở tinh xá Kỳ thọ Cấp cô độc nước Xá-vệ. Phía Đông nước này có một nước tên là Uất-đa-la-ba-đề. Nơi đây có năm trăm vị Bà-la-môn định kéo nhau đến sông Hằng vì nghe nói bên bờ sông có ba ao thờ thần nên định tắm nước nơi đó để rửa sạch cát uế, rồi khoba thân tu theo pháp của bọn Ni-kiền.

Đi giữa đường họ gặp một cái đầm lớn, lạc lối không làm sao qua được, lại thiếu thốn lương thực. Họ từ xa bỗng trông thấy một cội cây to như có thần khí, tưởng rằng có người ở nên chạy đến bên gốc cây, song chẳng thấy ai cả. Năm trăm Bà-la-môn lớn tiếng than khóc,

cho rằng chắc sẽ đói khát chết tại đầm này. Thọ thần liền hiện ra hình người đến hỏi các Bà-la-môn:

–Đạo sĩ các vị từ đâu đến và định làm gì?

Cả nhóm đồng thanh đáp:

–Chúng tôi định đến ao nước thần tắm rửa cầu tu đạo tiên. Nay lạc đường đói khát xin nhờ ông thương xót cứu giúp cho.

Thọ thần liền duỗi tay, một trăm món ăn uống ngon lành từ đó hiện ra. Mọi người được ăn một bữa no nê. Số thức ăn còn thừa đủ để mang theo dọc đường. Lúc sắp ra đi các Bà-la-môn đến chỗ thần hỏi thăm:

–Ngài trước đây tu tạo công đức gì mà được oai lực như vậy?

Thọ thần đáp:

–Tôi thuở trước ở nước Xá-vệ. Lúc đó có một đại thần trong nước tên là Tu-đạt. Ông ấy muốn cúng dường thức ăn cho Đức Phật và chúng Tăng nên ra chợ mua sữa tô lạc. Vì không có ai xách, nên Tu-đạt tìm mướn tôi xách giùm. Về đến tịnh xá ông lại nhờ tôi múc ra cúng dường. Sau khi làm xong, tôi nhận đó còn được nghe thuyết pháp. Tôi bỗng sinh tâm hoan hỷ, thọ trì trai giới, nên chiều về nhà không ăn cơm. Vợ tôi lấy làm lạ hỏi: “Ông giận gì mà không ăn cơm?”

Tôi đáp: “Tôi không giận gì cả. Hôm nay tôi đi chợ gấp trưởng giả Tu-đạt cúng dường thức ăn cho Đức Phật nơi vườn nên tôi đến đó trì trai. Trai gọi là Bát quan trai.”

Người vợ nghe nói nổi giận bảo: “Ông Cù-dàm làm loạn lẽ thường, đâu đáng cho ông theo! Ông bỏ cả truyền thống thì sẽ gặp tai họa.”

Người vợ cứ cằn nhặt thúc ép mãi, kẹt quá tôi đành phải ăn cơm với vợ.

Đêm đó thọ mạng ta hết, lúc lâm chung vào lúc nửa đêm, thần thức thác sinh vào chỗ này. Vì người vợ si phá hoại trai pháp của tôi, khiến tôi không trọng nghiệp lành nên phải thác sinh làm thọ thần nơi đầm này. Nhờ phước mang sữa lạc cho Đức Phật nên tay có thể hiện ra các món ăn uống. Nếu tôi giữ trai pháp trọng vẹn sẽ được sinh Thiên, hưởng mọi an lạc.

Thọ thần liền nói kệ:

*Cầu cúng gieo mâm họa
Dần dần lớn lá cành
Chỉ khổ, hại bản thân
Trai pháp: tiên độ thế.*

Các Bà-la-môn nghe xong hết mê lầm, tin nhận, cùng nhau trở về, sang nước Xá-vệ. Trên đường họ đi ngang một nước tên là Câu-lam-ni. Trong nước có một vị trưởng giả tên là Mỹ Âm hay làm phước giúp đỡ mọi người, ai ai cũng tôn kính. Các Bà-la-môn ghé qua nhà ông nghỉ đêm. Trưởng giả hỏi:

–Các đạo sĩ từ đâu đến? Giờ định đi về đâu?

Các Bà-la-môn thuật lại công đức của họ thần, tỏ ý muốn qua nước Xá-vệ đến chỗ ông Tu-đạt họ trì trai pháp mong được phước đức.

Mỹ Âm nghe xong vô cùng hoan hỷ, cẩn lành thuở trước dấy khóc, tin hiểu Phật pháp. Ông bèn thông báo gia tộc ai muốn thì cùng đi theo họ trai giới. Tất cả có năm trăm người xin theo, oai nghi trang nghiêm cùng nhau đến nước Xá-vệ. Chưa đến tinh xá Kỳ hoàn, giữa đường đoàn người gặp Tu-đạt, song không biết nên hỏi kẻ đi theo ông:

–Đây là ai vậy?

Đáp rằng:

–Đó chính là Tu-đạt!

Bà-la-môn và tất cả mọi người hoan hỷ đuổi theo Tu-đạt nói:

–Nguyễn vọng của chúng ta thành rồi. Tìm người gặp người nên đuổi theo để ra mắt.

Khi gặp, mọi người thuật lại đầy đủ việc gặp họ thần và nghe họ thần kể chuyện ra sao, xong lại tiếp:

–Thọ thần tán thán công đức ông, nên chúng tôi đến để theo học. Xin hãy dừng xe chỉ dạy cho chúng tôi trai pháp.

Tu-đạt nói rằng:

–Các vị cầu mong điều thiện lớn. Tôn sư của tôi là Đức Như Lai luôn giúp đỡ và độ thoát cho mọi người. Nay Ngài đang ở tinh xá Kỳ hoàn rất gần, xin hãy cùng nhau đến đó.

Nghe xong tất cả đều kính mộ cùng Tu-đạt đến tinh xá Kỳ hoàn. Các Bà-la-môn xa trông thấy Đức Như Lai đều hoan hỷ khôn xiết, vội đánh lẽ sát đất, lui về một bên rồi quỳ bạch Phật:

–Chúng con ban đầu rời nhà định đến ba ao thần tắm rửa cầu đạo tiên. Trên đường gặp Thọ thần kể lại mọi việc, nên đến đây xin theo Ngài tu học. Xin Đức Như Lai khai thị cho pháp vi diệu tối thượng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dựa theo hạnh nghiệp của họ mà nói kệ:

*Dầu khoả thân, cắt tóc
Mặc mải áo cổ gai
Tắm gội hay ngồi xổm
Sao hết được nghi hoặc?
Không đánh giết, thiêu đốt
Cũng không lấn lướt ai
Tử bi với mọi người
Đến đâu cũng không oán.*

Năm trăm Bà-la-môn nghe kệ hoan hỷ, xin làm Sa-môn đắc được quả A-la-hán. Còn Mỹ Âm và thân tộc chúng được Pháp nhã.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Năm trăm vị Bà-la-môn các vị trưởng giả đời trước tu tạo công đức gì mà nay mau chóng đạt đạo?

Đức Thế Tôn dạy:

–Trong thời quá khứ lâu xa, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Ngài thuyết pháp cho các hàng đệ tử về thời ngũ trước vị lai. Lúc đó có một ngàn Bà-la-môn và trưởng giả nghe xong đồng phát nguyện: “Chúng con nguyện gặp Đức Phật Thích-ca Vă.” Các vị Bà-la-môn thuở đó nay chính là các vị Bà-la-môn này. Còn các vị trưởng giả thuở đó là nhóm trưởng giả Mỹ Âm hiện nay. Do nhân duyên này họ gặp được Ta liền giác ngộ.

Các Tỳ-kheo nghe xong hoan hỷ làm lễ y giáo phụng hành.



KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

QUYẾN III

Phẩm 21: LÃO MẠO

Thí dụ 42:

Thuở xưa Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ thọ nước Xá-vệ. Một hôm, thọ thực xong, Đức Phật thuyết pháp lành cho các hàng trời người, quốc vương, thần dân bốn bộ đệ tử. Lúc ấy, có bảy vị trưởng lão Bà-la-môn từ xa đến chỗ Phật đánh lễ, chấp tay bạch:

–Chúng con ở xa, từ lâu nghe danh giáo hóa của Bậc Thánh Nhân muốn đến quy mạng. Song vì nhiều duyên trở ngại, mãi đến hôm nay mới được chiêm ngưỡng tôn dung. Chúng con xin được làm đệ tử, tu học chấm dứt các khổ.

Đức Phật chấp nhận cho các vị ấy xuống tóc làm Sa-môn và dạy ở chung một phòng. Nhưng bảy vị ấy gấp được Thế Tôn cho là có thể đảm bảo đắc đạo, không lo tư duy vô thường, ngồi chung trong phòng chỉ nghĩ việc đời hoặc trò chuyện cười đùa với nhau chẳng để ý đến chuyện nên hư. Họ không biết mạng sống của mình chẳng còn bao lâu, tâm ý mê mờ bởi những buộc ràng trong ba cõi.

Đức Phật với Tam đạt trí biết mạng sống của bảy vị ấy sắp hết. Ngài thương xót bèn đến phòng họ bảo:

–Các ông học đạo nên cầu giải thoát, sao lại cười đùa lớn tiếng như vậy. Tất cả chúng sinh đều cậy vào năm việc. Đó là những việc gì?

1. Cậy vào tuổi trẻ.
2. Cậy vào sắc đẹp.
3. Cậy vào sức mạnh.
4. Cậy vào tài sản giàu có.

5. Cậy vào dòng họ sang quý.

Các ông thì thầm nói chuyện, cười cợt lớn tiếng là cậy vào điều gì?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Sao lại vui cười
Hãy nhớ thiêu đốt
Che lấp tối tăm
Chi bằng cầu định.
Thấy thân tốt đẹp
Dưa cho là an
Tham đưa đến khổ
Đau biết vô thường.
Già sắc suy hao
Thân bệnh tiêu tuy
Da nhăn, thịt nhão
Cái chết cận kề.
Thân chết thân đi
Như ngồi xe hỏng
Xương thịt rã rời
Đau nương thân được!*

Đức Phật nói kệ xong, bảy vị Tỳ-kheo giác ngộ, không còn vọng tưởng, chứng A-la-hán ngay trước Phật.

**
*

Thí dụ 43:

Thuở xưa Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ, vì hàng trời người, để vương thuyết pháp. Lúc ấy, có một thôn Bà-la-môn gồm hơn năm trăm gia đình. Thôn ấy có năm trăm thiếu niên học pháp thuật Bà-la-môn, tánh tình kiêu ngạo cống cao bất kính với các bậc Trưởng lão. Một hôm, năm trăm vị ấy bàn luận với nhau:

–Sa-môn Cù-dàm tự xưng là Phật, đủ Tam minh trí tuệ, không

ai dám luận biện. Chúng ta thử mời ông luận nghị, cật vấn mọi điều xem sao?

Nói xong, họ bèn lo sắp xếp đầy đủ mọi chuyện, đi mời Đức Phật về làng.

Đức Phật nhận lời, cùng các đệ tử đến thôn Bà-la-môn. Sau khi đã an tọa, các Bà-la-môn bèn dâng nước rửa tay, rồi thiết trai thỉnh Phật và đệ tử họ dụng. Họ trai xong họ lại mang nước đến cho Đức Phật và đại chúng rửa tay, mọi việc rất chu đáo.

Lúc ấy, có hai vợ chồng Bà-la-môn già đang đi xin giữa thôn, Đức Phật biết ông Bà-la-môn đó giàu có vô số, từng làm quan lớn. Ngài bèn hỏi các Bà-la-môn này:

–Các người có biết vị Bà-la-môn lớn tuổi kia không?

Mọi người đều đáp:

–Có biết.

Đức Phật lại hỏi:

–Ông ta trước đây là người như thế nào?

Đáp:

–Ông ấy vốn là quan lớn, tài sản nhiều vô số.

Hỏi:

–Vậy sao ngày nay ông ta phải đi ăn xin?

Đáp:

–Do ông ăn xài hoang phí, không có độ lượng nên phải chịu nghèo.

Đức Phật bảo:

–Này các Bà-la-môn, trên đời có bốn việc mà người ta khó mà làm theo. Nếu biết làm theo thì sẽ được phước, không bị nghèo cùng như vậy. Bốn việc đó là gì?

1. Tuổi trẻ khỏe mạnh, cẩn thận chờ nên kiêu mạn.

2. Tuổi già siêng năng, không có tham dâm.

3. Có tiền bạc châu báu thường nghĩ bố thí.

4. Theo thầy học tập, biết nghe nhận lời chân chánh.

Vì Bà-la-môn lớn tuổi không thực hành theo bốn việc trên. Đây

gọi là biết xét đến lẽ thành bại, nên một mai phải chịu tán gia bại sản. Ví như con chim hộc già đứng canh giữa ao trống, không kiếm chắc được chút gì.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Trẻ lười, kiêu mạn
Già chẳng bở dâm
Có của không thí
Lời Phật chẳng nghe
Có bốn điều ngăn
Ai có, họa đến
Than ôi! già đến
Theo đó tiêu tuy.
Tuổi trẻ như ý
Đến già bị khinh
Không tu phạm hạnh
Của chẳng còn gì.
Già như chim hộc trăng
Canh giữ ao không
Đã không giới hạnh
Của cải: trăng tay.
Già khí lực suy
Nghĩ lại sao kịp.
Già như lá thu
Dơ rách hạnh tu
Mạng sống qua mau
Hối hận nào kịp.*

Đức Phật lại bảo các Bà-la-môn:

– Trên đời có bốn khoảng thời gian mà ta có thể hành đạo, có phước đắc độ, tránh khỏi các khổ. Đó là bốn thời điểm nào?

1. Lúc trẻ có sức khỏe, oai thế.
2. Lúc giàu sang có tài sản.

3. Lúc gặp được Tam bảo phước điền.
 4. Lúc quán xét được lẽ vô thường của vạn vật.
- Nếu vào bốn thời điểm trên, biết nỗ lực làm việc, tiến tu thì sẽ thành tựu mọi sở nguyện, chứng đắc đạo quả.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Ngày đêm mang gân giảm
Nên tinh tấn kịp thời
Thế gian vô thường lắm
Đừng mê đọa tối tăm.
Hãy thắp sáng ý thức
Huấn luyện mình, cầu tuệ
Thanh tịnh, lìa trần cầu
Cầm đuốc soi đường mê.*

Lúc Đức Phật đang nói, hào quang phóng ra chiếu khắp trời đất. Năm trăm vị Bà-la-môn thiêu niêm nhân đó tâm ý khai mở, lông tóc dựng đứng, cùng nhau đánh lễ dưới chân Phật, bạch:

–Chúng con xin quy mạng với Đức Thế Tôn, xin hãy nhận chúng con làm đệ tử.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Hãy lại đây các Tỳ-kheo.

Các vị ấy liền trở thành Sa-môn, chứng đắc đạo quả A-la-hán. Kẻ lớn người nhỏ trong làng đều ân triêm pháp nhũ, thấy được đạo, ai cũng hoan hỷ.

**
*

Phẩm 22: ÁI THÂN

Thí dụ 44:

Thuở xưa, có một nước tên là Đa-ma-la. Cách kinh thành bảy dặm có một ngôi tinh xá. Đây là nơi tu học hành đạo của năm trăm vị Sa-môn. Trong đó có một vị Trưởng lão Tỳ-kheo tên là Ma-ha-lư,

tâm tánh ám độn, được năm trăm vị Tỳ-kheo dạy bảo, vậy mà suốt mấy năm liền không nhớ được một bài kệ. Trong chúng ai cũng khinh khi, không thèm ở chung. Do vậy vị trưởng lão Tỳ-kheo ấy chỉ coi giữ tịnh xá, được sai bảo quét dọn trong ngoài.

Một hôm, vua cung thỉnh các thầy Tỳ-kheo vào cung cúng dường. Tỳ-kheo Ma-ha-lư tự nghĩ: “Ta sinh ra ngu độn, một bài kệ cũng không biết bị người khinh khi, vậy sống có ích gì?”. Nghĩ xong, ông mang dây ra gốc cây sau vườn định treo cổ tự tử. Đức Phật với đạo nhân ở xa thấy việc như vậy, bèn hóa ra vị Thần cây, hiện nửa thân người can ngăn:

–Này Tỳ-kheo kia, sao lại làm thế.

Ma-ha-lư liền trình bày nỗi khổ tâm của mình.

Thọ thần quở trách:

–Ông không nên làm như vậy, hãy nghe lời ta. Thuở Đức Phật Ca-diếp tại thế, ông là vị Tam tạng Pháp sư có năm trăm đệ tử. Song vì ý mình thông minh, khinh chê kẻ khác, lại lẩn tiếc kinh nghĩa không chịu dạy bảo cho người, cho nên về sau đời đời sinh ra chỗ nào các căn cũng đều ám độn. Vì vậy ông chỉ nên tự trách mình, mà không nên tự sát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền hiện lại thân tướng quang minh, hào quang tỏa chiếu, rồi nói kệ:

Người biết quý thân

Cẩn thận giữ gìn

Mong trừ các dục

Học đạo chẳng mê.

Kẻ trí quý thân

Luôn gắng tu học

Siêng hành giáo hóa

Tu thân không mệt.

Trước phải sửa mình

Sau mới độ chúng

Điều thân nhập tuệ

*Vượt kê phàm tình.
Mình chưa lợi ích
Đâu nên lợi ích người
Tâm thuần, hạnh thảng
Nguyễn chắc thành tựu.
Nếu trước gây tạo
Sau phải chịu quả
Làm ác phải trả
Như dùi ngọc khéo.*

Tỳ-kheo Ma-ha-lư thấy hào quang của Đức Phật, vui buồn lẫn lộn, xen lẫn sợ sệt vội cúi mình làm lễ dưới chân Phật. Ông tư duy nghĩa lý bài kệ này rồi thoát nhiên nhập định, chứng quả A-la-hán ngay trước Đức Phật. Ông liền biết được mọi việc trong vô số kiếp quá khứ của mình, ba tạng kinh điển nhớ lại nằm lòng.

Đức Phật lại bảo:

–Này Ma-ha-lư, ông hãy đắp y mang bát vào cung vua thọ trai, ngồi trên năm trăm vị Tỳ-kheo. Năm trăm vị ấy vốn là đệ tử ông đời trước. Sau đó ông thuyết pháp cho họ được chứng đạo quả và khiến cho nhà vua tin hiểu được tội phước.

Ma-ha-lư liền vâng lời Phật dạy, đi thẳng vào cung, ngồi ở tòa trên. Mọi người ai cũng bức mình, lấy làm lạ trước việc như thế. Song vì họ chưa biết ý vua như thế nào, nên không dám khiển trách. Họ chỉ nghĩ ông này thật ngu tối bất thông, sao kham nổi việc thuyết pháp. Thọ trai xong, vua dọn dẹp thức ăn xuống, tự tay rót nước mời chư Tỳ-kheo.

Lúc ấy, Ma-ha-lư liền vì đại chúng thuyết pháp, thanh âm hùng dũng như sấm, lời lẽ thanh tao tuôn chảy như mưa. Các Tỳ-kheo nghe qua cũng giật mình kinh sợ, hối hận vì đã nghĩ sai về ông. Các Tỳ-kheo nhân đó liền chứng quả A-la-hán. Nhà vua và bá quan được nghe giảng giáo pháp một cách rõ ràng ai cũng chứng được quả Tuđà-hoàn.

Thí dụ 45:

Thuở Đức Phật còn tại thế, trong nước Xá-vệ có năm trăm vị Bà-la-môn luôn tìm Phật để phỉ báng. Đức Phật với trí tuệ tam minh, thông hiểu hết tâm tính của chúng sinh. Ngài thương xót muôn độ cho họ. Thật ra, quả chưa chín là do nhân duyên chưa đủ. Tất cả tội phước xảy đến chẳng qua do mình tự tạo nhân duyên rồi tự nhận lấy quả báo. Những vi Bà-la-môn này ngày nay đáng được độ là nhờ chút phước làm đời trước. Nhờ phước đức mới khiến họ được gặp duyên lành.

Lúc ấy năm trăm vị Bà-la-môn cùng nhau bàn:

–Chúng ta nên xúi tên đồ tể giết hại sinh vật đến thỉnh Phật và chư Tăng đến nhà cúng dường. Phật ắt nhận lời và tán thán tên đồ tể. Chúng ta sẽ ra trước Phật chỉ trích chuyện này.

Bấy giờ, người đồ tể đến thỉnh Phật. Đức Phật hứa khả và nói với anh ta:

–Trái chín sẽ tự rụng, phước đến sẽ được độ.

Người đồ tể trở về lo chuẩn bị bữa cúng dường. Đức Phật cùng các đệ tử vào xóm đồ tể đến nhà người thí chủ này. Các Bà-la-môn thấy thế đều mừng rỡ, cho là hôm nay đã nắm được nhược điểm của Phật. Nếu Đức Phật tán thán phước đức của thí chủ thì họ sẽ đem đầu đuôi việc sát sinh của người đó ra chê bai. Nếu Đức Phật nói nguyên nhân của tội lỗi thuở xưa, họ sẽ đem phước đức của ngày hôm nay ra vấn nạn. Cả hai đường đều bắt bẻ được, nên ai nấy đều lấy làm đắc ý.

Sau khi đến nhà đàn-việt, an tọa, rửa chân tay, thọ trai xong, Đức Phật quán sát tâm tính của mọi người thấy rằng có thể độ được, liền hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng hào quang chiếu sáng khắp cả thành, rồi dùng phạm âm nói kệ chú nguyện:

*Người sống theo lẽ đạo
Y giáo, chẳng lãng xao
Kẻ ngu dại đố kỵ
Thấy vậy, ác hại nhau.
Gieo giống đắng, quả đắng*

*Nhân ác, nào tránh được?
Làm ác chịu tội khổ
Tu thiện hưởng phước lành.
Thiện ác kết quả riêng
Nhân quả lý đương nhiên
Làm thiện sẽ được thiện
Gieo giống ngọt: vui yên.*

Đức Phật nói kệ xong, năm trăm vị Bà-la-môn tâm ý khai ngộ liền đến trước Đức Phật phủ phục sát đất đảnh lễ, rồi chắp tay thưa:

–Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con là những kẻ ngu si ngoan cố, trước giờ chưa hiểu được lời dạy của Bậc Thánh. Nay xin Ngài hãy Từ bi nhận chúng con làm Sa-môn.

Đức Phật hứa khả. Năm trăm vị đó xuất gia thành Tỳ-kheo. Già trẻ trong xóm làm nghề đồ tể thấy thần thông của Đức Phật ai cũng hoan hỷ, đều được đạo quả. Từ đó người trong xóm được xưng là bậc Hiền thánh không còn tên gọi đồ tể nữa. Đức Phật thọ trai xong, trở về tinh xá.

**
*

Phẩm 23: THẾ TỤC

Thí dụ 46:

Thuở xưa, có một vị vua dòng Bà-la-môn tên là Đa Vị Tả, phụng thờ chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Bỗng một hôm vua phát khởi thiện tâm, muốn làm việc bố thí theo pháp Bà-la-môn. Vua cho chất của thất bảo nhiều như núi, rồi đem ra bố thí. Người nào đến xin được phép lấy một nắm thất bảo. Vua bố thí như vậy mấy ngày mà số châu báu không giảm.

Đức Phật biết vị vua này được phước duyên đời trước có thể hóa độ. Ngài liền hóa thành một vị Bà-la-môn đến nước đó. Vua thấy Bà-la-môn đến liền ra đón tiếp. Sau khi chào hỏi xong, vua bèn đứng dậy nói:

–Ngài có yêu cầu gì xin cứ nói ra, chớ có nghi nan.

Vị Bà-la-môn thưa:

–Tôi từ xa đến, muốn xin châu báu để xây cất nhà cửa.

Vua đáp:

–Tốt lắm, ông hãy tự bốc lấy một nấm châu báu rồi đi.

Bà-la-môn liền bốc lấy một nấm. Ông đi bảy bước rồi quay lại trả về chỗ cũ. Vua hỏi:

–Sao ông không lấy?

Vị Bà-la-môn đáp:

–Bao nhiêu đây chỉ đủ xây nhà cửa thôi, nếu dùng để cưới vợ thì lại không đủ. Cho nên tôi không lấy.

Vua nói:

–Vậy ông hãy lấy ba nấm châu báu.

Vị Bà-la-môn liền y lời lấy ba nấm. Song ông cũng chỉ bảy bước, rồi quay lại trả. Vua hỏi:

–Vì sao ông trả lại?

Vị Bà-la-môn đáp:

–Bao nhiêu đây chỉ đủ xây nhà, cưới vợ, xong còn ruộng đất, nô tỳ, trâu ngựa thì không đủ để sắm. Vì vậy tôi không lấy.

Vua bảo:

–Vậy ông hãy lấy bảy nấm châu báu.

Vị Bà-la-môn lấy bảy nấm châu báu ra đi. Song cũng chỉ bảy bước, rồi trở lại trả. Vua hỏi:

–Sao lại như vậy?

Vị Bà-la-môn đáp:

–Nếu có con trai con gái, phải dựng vợ, gả chồng cho nó, chi phí mọi chuyện tính ra số châu báu trên không đủ chi dùng, cho nên không nên lấy.

Vua bảo:

–Vậy ông lấy hết số châu báu này chi dụng cho những việc trên.

Vị Bà-la-môn nhận lấy rồi đem lại chõ cũ. Vua vô cùng ngạc nhiên, hỏi ông tại sao.

Vị Bà-la-môn thưa:

–Xưa nay kẻ ăn xin là để kiếm sống. Song xét kỹ ra, mạng người ở đời nào có bao lâu, vạn vật vô thường sớm còn tối mất. Nhân duyên càng nặng, ngày khổ lụy càng dài, của cải chứa đầy như núi không ích chi cho mình. Tham dục mưu đồ danh lợi uổng tự chuốt lấy khổ đau. Sao bằng dứt tâm tham cầu, học đạo vô vi. Tôi vì suy nghĩ như vậy cho nên không lấy.

Vua nghe được những lời này, tâm ý bỗng nhiên khai ngộ, nguyện vâng theo lời dạy sáng suốt này.

Lúc đó vị Bà-la-môn hiện lại thân Phật, quang minh rực rỡ, bay vọt lên trụ giữa hư không vì vua nói kệ:

*Dù đời đầy trân bảo
Chất đến tận trời cao
Vẫn không bằng thấy đạo
Giàu sang sánh được nào!
Bất thiện tưởng là thiện
Ái ngữ là không ái
Lại lấy khổ làm vui
Chõ kẻ ngu bị hại.*

Bấy giờ quốc vương thấy hào quang Đức Phật chiếu khắp đất trời, lại nghe bài kệ này nên vô cùng hoan hỷ. Vua và quần thần liền thọ Ngũ giới, đắc quả Tu-dà-hoàn.

**
*

Phẩm 24: THUẬT PHẬT

Thí dụ 47:

Thuở xưa, Đức Phật ngồi dưới cội cây Bồ-đề, hàng phục chúng ma, chứng thành đạo quả nơi đạo tràng Thiện thắng nước Ma-kiệt-đề. Ngài tự tư duy: “Chánh pháp cam lộ ngày nay đã thấm nhuần khắp

tam thiêng thế giới. Nhớ thuở xưa, lúc Ta còn đang tu khổ hạnh, phụ vương đã sai năm người cúng dường các thứ ngũ cốc và hầu hạ Ta rất có công lao. Nay Ta nên trả ân cho họ.”

Năm vị ấy hiện nay đang ở nước Ba-la-nại. Cho nên Đức Như Lai đứng dậy rời khỏi tòa đi đến nước đó. Đức Như Lai với tướng hảo trang nghiêm, từ quang tỏa chiếu khắp đất trời, oai thần chấn động, khiến ai cũng sinh lòng hoan hỷ. Trên đường đi, Ngài gặp một Bà-la-môn tên là Ưu Hộ. Ông này đã từ bỏ quyến thuộc, gia đình đang tìm thầy học đạo. Ông trông thấy tôn dung vi diệu của Đức Thế Tôn vừa kinh ngạc vừa hoan hỷ, dừng lại bên đường, cất tiếng khen:

–Vị ấy đức độ cảm người, oai nghi đĩnh đạc, không biết theo học với vị thầy nào mà được nghi dung như thế?

Đức Phật nghe vậy, liền đọc lên một bài kệ để trả lời:

*Tự giác Bát chánh đạo
Nơi đời, không ô nhiễm
Phá lưỡi dục, dứt ái
Ta không học với ai.
Hạnh Ta không thầy dạy
Chí Ta khác mọi người
Duy nhất được thành Phật
Từ đây đường Thánh mở.*

Ưu Hộ nghe kệ bỗng thấy buồn bã, hỏi Đức Thế Tôn định đi về đâu. Ngài đáp:

–Ta định đến nước Ba-la-nại chuyển Vô thượng pháp luân, đem giáo pháp cam lộ lợi ích cho chúng sinh. Trong ba cõi chưa từng có ai chuyển đại pháp luân giúp chúng sinh thể nhập Niết-bàn như Ta hiện nay.

Bà-la-môn Ưu Hộ nghe vậy mừng rỡ nói:

–Lành thay! Lành thay! Nếu đúng như lời Ngài nói, sau này rảnh rỗi tôi sẽ đến nghe pháp mầu.

Vì Bà-la-môn nói xong vòng tay chào Phật rồi bỏ đi. Trên đường đến chỗ thầy học đạo, ông tá túc tại một nơi ngủ qua đêm.

Đêm đó ông bỗng nhiên qua đời. Đức Phật dùng đạo nhãn thấy rõ việc này rất thương xót nói:

–Thế gian ngu si cho là mạng sống thường tồn, gặp được Phật lại bỏ đi, kế chịu mất mạng. Trống pháp vang rền mà họ không được nghe. Vị cam lộ diệt khổ mà họ không được nếm. Do đó, vòng sinh tử cứ tiếp nối vô tận, trôi lăn mãi trong năm đường, không biết kiếp nào họ mới được độ.

Kế đó, Đức Phật từ mẫn nói kệ:

*Ngộ chân lý, thanh tịnh
Thoát khỏi vòng sinh tử
Phật ra đời soi sáng
Trừ ưu khổ hữu tình.
Khó thay, sinh làm người
Khó thay, được sống thọ
Khó thay, đời gặp Phật
Khó thay, được nghe pháp.*

Lúc Đức Phật nói kệ này, năm trăm chư Thiên giữa hư không được nghe pháp mầu vô cùng hoan hỷ, chứng được quả Tu-đà-hoàn.

**

Phẩm 25: AN NINH

Thí dụ 48:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại thành La-duyệt-kỳ. Cách phía Đông nam thành này ba trăm dặm, có một làng dân sơn cước, gồm hơn năm trăm gia đình. Dân làng này tánh tình cứng cỏi khó có thể giáo hóa. Song nhờ họ có phước duyên đời trước nay mới được Phật độ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hóa làm một vị Sa-môn đến làng đó khất thực. Khất thực xong, Ngài ra ngoài làng đến ngồi dưới một cội cây nhập vào định Nê-hoàn, không thở, không động đậy suốt bảy ngày. Người làng thấy vậy cho là đã chết, nên bảo với nhau: “Ông Sa-môn này đã chết chúng ta nên đem chôn cất.” Do đó, họ mang củi đến để

thiêu. Sau khi củi tắt hết Đức Phật từ chõ ngồi đứng dậy hiện thân thông giáo hóa, quang minh tỏa chiếu chuyển động mười phương. Hiện thân thông xong, Ngài lại ngồi xuống chõ cũ, dung mạo an định, từ hòa. Người trong làng nhỏ ai cũng hết sức kính sợ vội dập đầu tạ lỗi:

– Người sơ dã chúng con ngu độn, không biết là Thần nhân đã càn rỡ đem củi đến thiêu Ngài khi còn sống. Chúng con tự nghĩ tội mình nặng hơn núi Thái sơn. Xin Ngài hãy Từ bi tha thứ đừng oán trách. Không biết Thần nhân có an lành không? Có buồn lo, đói khát, nóng bức chẳng?”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ hòa mỉm cười nói kệ:

*Ta đã an tĩnh
Không có oán hờn
Giữa người hờn oán
Ta không oán hờn.
Ta đã an tĩnh
Không còn bệnh não
Giữa người bệnh hoạn
Ta không não bệnh.
Ta đã an tĩnh
Không còn lo buồn
Giữa người lo buồn
Ta không buồn lo.
Ta được an tĩnh
Thanh tịnh vô vi
Hưởng vị an lạc
Như trời Quang âm.
Ta đã an tĩnh
Vô sự và lặng trong
Đầu lửa thế gian
Không thiêu Ta được.*

Lúc đó, năm trăm người dân trong làng nghe kệ xong đều xin

làm Sa-môn, tu chứng được quả A-la-hán. Người trong làng lớn nhỏ đều tin Tam bảo. Đức Phật cùng năm trăm vị Sa-môn này bay về tinh xá Trúc lâm. Hiền giả A-nan thấy Đức Phật và các vị A-la-hán cùng đến vội ra trước Phật bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, những vị Tỳ-kheo này có phước đức gì đặc biệt mà được Đức Thế Tôn đích thân đến hóa độ.

Đức Phật bảo:

–Này A-nan, thuở Ta chưa thành Phật, có một vị Bích-chi-phật trú tại núi đó. Một hôm vị ấy ngồi dưới một cội cây cách làng không xa định nhập Niết-bàn. Vị ấy hiện thần thông xong liền nhập diệt. Người trong làng mang củi lửa đến để thiêu, rồi gom lấy xá-lợi đựng trong bình báu chôn trên đỉnh núi. Mọi người cùng nhau nguyện đời sau được đắc đạo, có thể an lạc diệt độ như vị Sa-môn này. Nhờ nhân duyên phước đức đó mà ngày nay họ có thể đắc đạo và Đức Như Lai mới đích thân đến để độ họ.

Đức Phật nói xong, vô số trời người nhân đó được đắc đạo quả.

**
*

Thí dụ 49:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có bốn vị Tỳ-kheo ngồi dưới một cội cây cùng bàn với nhau về việc trên đời này, cái gì khổ nhất. Một người nói:

–Cái khổ trong đời không gì hơn dâm dục.

Một người khác nói:

–Sân hận mới là cái khổ lớn nhất.

Người thứ ba bảo:

–Đói khát là cái khổ lớn nhất.

Người còn lại bảo:

–Kinh sợ mới là cái khổ lớn nhất.

Vì bất đồng ý kiến, họ cứ tranh luận mãi với nhau về ý nghĩa của chữ khổ không dứt.

Đức Phật biết việc này bèn đến đó hỏi:

–Các ông đang tranh luân với nhau về việc gì?

Các Tỳ-kheo liền đứng dậy làm lễ, trình bày những điều đang bàn luận.

Đức Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo, các ông đang bàn luận chưa cùng tột hết ý nghĩa của chữ khổ. Cái khổ trong đời không gì hơn có thân. Tất cả việc đói khát, nóng lạnh, sân hận, kinh sợ, sắc dục, oán họa đều do có thân. Thân là gốc cái khổ, nguồn tai họa, gây nên lao tâm mệt trí, lo sợ đủ điều. Vì nó mà chúng sinh trong tam giới máy cựa tàn hại lẫn nhau. Chấp ngã buộc ràng, sinh tử không dứt đều do nơi thân. Vì vậy muôn xa lìa được cái khổ trong đời phải cầu tịch diệt. Nếu nghiệp tâm giữ gìn theo đạo chánh, không khởi những vọng tưởng sai lầm có thể đạt được Niết-bàn. Đây chính là chỗ vui nhất.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Nóng không gì hơn đâm

Độc không gì hơn giận

Khổ không gì hơn thân

Vui, Niết-bàn trên hết.

Không ham mê vui nhỏ

Luận nhỏ và tuệ nhỏ

Xét tìm điều to lớn

Mới được an lạc lớn.

Ta là Bậc Thế Tôn

Giải thoát không ưu não

Đi thẳng qua ba cõi

Hàng phục được chúng ma.

Đức Phật nói kệ xong, bảo các Tỳ-kheo:

–Cách đây vô số kiếp về thuở quá khứ, có một vị Tỳ-kheo đã đắc ngũ thông tên là Tinh Tấn Lực tu tịch tịnh dưới gốc cây trong núi cầu đắc đạo. Lúc ấy có bốn loại chim thú nương theo bên cạnh, nên cũng được an ổn. Đó là bồ câu, quạ, rắn độc và nai. Bốn con này ban ngày đi kiếm ăn, đêm lại trở về một chỗ. Có một đêm bốn con lại tự

hỏi với nhau: “Trong đời điều gì là khổ nhất?”. Quạ bảo: “Đói khát là khổ nhất, vì đói khát thân yếu mệt mờ, tinh thần bất an, lao mình vào lưỡi, không ngại gươm đao. Chúng tôi sở dĩ mất mạng do đây mà ra. Vì vậy nên đói khát là khốn khổ nhất.”

Chim bồ câu nói: “Dâm dục là khổ nhất. Sắc dục lùng lẫy che mờ tâm tính. Nó khiến người ta bị nguy thân mất mạng.”

Rắn độc bảo: “Nóng giận là khổ nhất. Ý độc ác vừa dấy khởi thì không kể gì thân sơ, có thể giết người cũng có thể giết mình.”

Nai nói: “Sợ hãi là khổ nhất. Bọn tôi đi trong rừng hoang tăm luôn bất an, sợ gặp thợ săn và lùi sài lang. Hơi nghe động đậy đã phóng mình chạy, có lúc phải sa xuống hố, nên mẹ con phải bỏ nhau, sợ nát gan vỡ mật. Do đó sợ hãi là khổ nhất.”

Vị Tỳ-kheo đó nghe vậy liền bảo với bọn chúng: “Chỗ các ngươi bàn luận chỉ là ngọn ngành, mà chưa xét đến được cái gốc của khổ. Cái khổ trong đời không có gì hơn thân. Thân là món đồ chứa khổ, lo sợ vô lượng. Ta vì lẽ này mà xả tục học đạo, điều phục vọng tưởng, không tham chấp tú đại. Muốn chấm dứt gốc khổ phải để tâm nơi Niết-bàn. Đạo Niết-bàn vắng lặng không hình, mãi mãi không có ưu hoạn, là chỗ đại an lạc.”

Bốn con vật nghe xong, tâm ý mở tỏ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

—Vị Tỳ-kheo ấy chính là Ta ngày nay. Bốn con vật thuở đó chính là bốn vị các người. Đời trước các vị đã từng nghe được ý nghĩa của gốc khổ, sao hôm nay lại còn tranh cãi như thế!

Các Tỳ-kheo nghe xong hổ thẹn tự trách, đắc quả A-la-hán ngay trước Phật.

**
**

Phẩm 26: HIẾU HỶ

Thí dụ 50:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ. Lúc ấy, có bốn vị tân học Tỳ-kheo đưa nhau đến một gốc cây nại để tọa thiền hành

đạo. Cây nại đang mùa nở hoa, sắc hoa tươi đẹp, hương hoa nồng nàn. Nhân đó bốn vị Tỳ-kheo bàn với nhau về việc vạn vật trên đồi, điều gì khả ái, hoan lạc hơn cả?

Một người nói:

–Vào tháng trọng xuân cỏ cây xanh tốt, hoa tươi khoe sắc, nếu được dạo chơi đây đó ngoài đồng nội thật là điều vui nhất.

Người thứ hai nói:

–Bà con hội họp, chén tạc chén thù, tai được nghe âm nhạc, mắt thưởng thức múa ca, đó mới là vui nhất.

Người thứ ba nói:

–Tiền của có thật nhiều, cần gì có nấy. Xe ngựa quần áo, đồ trang sức thật lộng lẫy hơn hẳn mọi người. Ra vào sang trọng khiến mọi người phải trố mắt nhìn. Đó mới thật là vui nhất.

Người thứ tư nói:

–Vợ đẹp, hầu non với lụa là gấm vóc, son phấn ngát hương khiến cho ta có thể mặc tình vui chơi. Đây mới là vui nhất.

Đức Phật biết bốn vị Tỳ-kheo này có thể độ được, chẳng qua thất niệm để tâm ý dong ruổi theo lục dục mà không xét đến lẽ vô thường. Ngài bèn gọi bốn vị đó lại hỏi:

–Các ông ngồi dưới cội cây đang luận bàn chuyện gì?

Bốn vị ấy thành thật kể lại hết những điều đã bàn luận về thú vui.

Đức Phật bảo:

–Những điều các ông bàn luận toàn là con đường đưa đến lo sợ, oán thù, bại vong, không phải là pháp mãi mãi an ổn, tuyệt đối an vui. Các ông phải suy xét rằng vạn vật xuân thì tươi tốt, sang thu đông lại tàn tạ. Bà con sum vầy vui vẻ rồi phải chịu cảnh chia ly. Tài sản xe ngựa là của chung năm nhà. Thê thiếp xinh đẹp là đầu mối yêu ghét. Kẻ phàm phu ở đời cứ luôn chuốc lấy tai họa nguy thân diệt tộc, nên lo sợ dãy đầy. Ba đường tám nạn, muôn mối khổ đau đều do đây mà ra. Vì vậy bậc Tỳ-kheo xả tục cầu đạo, chí hướng vô vi không tham danh lợi sẽ tự nhiên đạt đến Niết-bàn. Đây mới chính là chỗ tuyệt đối là an vui.

Bấy giờ Đức Thê Tôn liền nói kệ:

*Ham vui sinh lo
Ham vui sinh sợ
Nếu không ham vui
Đâu còn lo và sợ.
Ham lạc sinh lo
Ham lạc sinh sợ
Nếu không ham lạc
Đâu còn sợ lo.
Tham dục sinh lo
Tham dục sinh sợ
Thoát không tham dục
Đâu còn sợ lo.
Người được không tham
Chỉ thành biết thiện
Tu hành gần đạo
Được người kính yêu.
Tham dục không khởi
Nghĩ đúng mới nói
Tâm không tham ái
Cắt dòng sinh tử.*

Đức Phật bảo bốn vị Tỳ-kheo:

– Thuở xưa, có một vị vua tên là Phổ An. Ông kết bạn với bốn ông vua nước lân cận. Một hôm ông mời bốn ông vua bạn sang dự yến tiệc suốt một tháng, với đủ các món ăn uống ngon lạ, các trò giải trí vui vẻ không gì bằng. Đến ngày chia tay, vua Phổ An mới hỏi bốn ông vua bạn rằng: “Người ta sống trên đời cái gì là vui nhất?”

Một ông đáp: “Đạo chơi là vui nhất.”

Ông thứ hai nói: “Thân thuộc hôi họp, đàn ca xướng hát là vui nhất.”

Ông thứ ba nói: “Của cải thật nhiều, muốn gì thỏa nấy là vui nhất.”

Ông cuối cùng nói: “Ái dục được mặc tình thỏa mãn là điều vui nhất.”

Vua Phổ An bảo: “Những điều các ông nói là gốc của khổ não, là nguồn của lo sợ, vui trước sau khổ. Sầu bi muôn mối đều do đây mà ra. Chi bằng tịch tĩnh, vô cầu vô dục, đam bậc thủ đạo là an vui nhất.”

Bốn ông nghe xong vui mừng tin hiểu hết lời tán thán.

Đức Phật bảo bốn vị Tỳ-kheo:

–Vua Phổ An thuở đó chính là Ta ngày nay, còn bốn vị vua bạn là bốn người các ông. Thuở xưa ta đã vì các ông giảng rõ mà nay vẫn chưa thông hiểu. Sinh tử mênh mang biết ngày nào mới chấm dứt!

Bốn vị Tỳ-kheo một lần nữa được nghe pháp nghĩa này, hổ thẹn ăn năn, tâm chót khai ngộ, vọng tưởng chấm dứt, tham dục không còn, chứng quả A-la-hán.

**
*

Phẩm 27: PHẦN NỘ

Thí dụ 51:

Thuở xưa, Đức Phật trú trong núi Kỳ-xà-quật tại thành La-duyệt-kỳ. Lúc đó Điều-đạt và vua A-xà-thế bàn nhau tìm cách hại Phật và chúng Tăng. Vua lệnh cho dân chúng không phụng thờ Đức Phật. Chúng Tăng khất thực không được cúng dường. Lúc ấy, các vị Trưởng lão như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Tu-bồ-đề... và các Trưởng lão Ni như Ba-hòa-đề... đều dẫn đệ tử đi đến các nước khác, chỉ còn Đức Phật và năm trăm vị A-la-hán trú tại núi Kỳ-xà-quật.

Ông Điều-đạt đến chỗ vua A-xà-thế bàn:

–Các đệ tử của Phật nay đã tản đi cả, chỉ còn năm trăm vị gần kề. Xin vua ngày mai mời Phật vào thành, tôi sẽ cho năm trăm thớt voi lớn uống rượu say, rồi thả ra để đẹp chết Phật và đệ tử, dứt tuyệt mầm mống. Tôi sẽ làm Phật giáo hóa thế gian.

Vua A-xà-thế nghe nói vui mừng đồng ý, liền đến chỗ Đức Phật cúi đầu làm lễ thưa:

–Ngày mai tôi có sắp đặt buổi cúng dường đậm bạc, thỉnh Phật và chúng đệ tử hoan hỷ vào thọ thực trong cung.

Đức Phật tuy biết rõ âm mưu vẫn đáp:

–Lành thay! Sáng mai Ta sẽ đến.

Vua chào ra về, nói lại với Điều-đạt rằng Đức Phật đã nhận lời mời, nên sắp đặt trước cho voi uống rượu say chờ cơ hội ra tay.

Hôm sau, vào giờ thọ thực Đức Phật cùng năm trăm vị A-la-hán đi vào thành. Bỗng một bầy voi say năm trăm con gầm rống cất vòi xông đến, tường vách bị húc đổ, cây cối gãy rụp, người đi đường hãi sợ, cả thành hỗn loạn kinh hoàng. Lúc ấy năm trăm vị A-la-hán liền bay lên hư không, chỉ có A-nan đứng bên cạnh Đức Phật. Bầy voi say xông đến chõ Phật. Ngài liền giơ bàn tay lên, năm ngón tay tức thời hóa thành năm trăm sư tử chúa, đồng thanh rống lớn chấn động khắp đất trời. Đàn voi say chợt khụng lại, quỳ xuống sát đất không dám ngẩng đầu, cơn say dứt hẳn rời lê ăn năn.

Trước hiện trạng này vua và thần dân vô cùng kinh ngạc, thán phục.

Đức Thế Tôn khoan thai bước vào cung điện, cùng các vị A-la-hán thọ trai. Thọ trai xong Đức Phật vì vua mà ban lời chú nguyện.

Nhà vua lúc đó mới bạch Phật:

–Con vì tâm tánh u tối mới tin nghe theo lời sàm báng, gây tạo nghịch ác, mưu đồ bất chánh. Xin Ngài hãy rủ lòng Từ bi tha thứ cho sự ngu mê của con.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với vua A-xà-thế và đại chúng: “Trên đời có tám việc gây ra phỉ báng. Xét ra, nó đều do ham danh dự và tham lợi dưỡng mà gây đại tội, muôn kiếp không dứt. Thế nào là tám? Đó là: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc. Từ xưa đến nay ít ai không mê hoặc.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Bị người nói xấu

Xưa nay vẫn vậy

Nói nhiều bị chê

*Trì độn bị chê
Vừa phải cũng chê
Không ai tránh khỏi.
Phàm phu tham dục
Không thể công minh
Chê đó, khen đó
Chỉ do danh lợi
Chỉ bậc Minh triết
Khen đúng hiền tài.
Người trí giữ giới
Không chố gièm chê
Như La-hán tịnh
Không ai vu báng
Chư Thiên tán thán
Phạm, Thích kính tôn.*

Đức Phật nói kệ xong, lại kể với vua:

– Thuở xưa có một vị vua thích ăn thịt chim nhạn. Ông sai thợ săn mỗi ngày giăng lưới bắt nhạn, cung cấp một con cho vua ăn.

Một hôm, có con chim nhạn chúa dẵn theo năm trăm con khác bay xuống kiếm ăn. Nhạn chúa vướng lưới, cả đàn hoảng kinh bay vọt trở lên. Song trông thấy nhạn chúa bị bắt, cả đàn cứ bay lượn trên không bịn rịn không chịu bỏ đi. Trong đó có một con bay sát theo nhạn chúa, bất kể cung tên nguy hiểm, thốt ra tiếng kêu bi thương, mồm tưa máu tươi, ngày đêm không ngừng. Thấy tình nghĩa của chim nhạn như vậy, người thợ săn cảm động bèn thả nhạn chúa ra.

Thấy nhạn chúa được thả, cả đàn vô cùng mừng rỡ bay lượn vòng quanh nó.

Lúc ấy người thợ săn tâu lên vua mọi việc. Vua nghe xong rất cảm động, đã từ bỏ ý định ăn thịt nhạn.

Đức Phật kể xong, bảo với A-xà-thế:

– Con chim nhạn chúa thuở đó, chính là Ta ngày nay. Con nhạn bay theo là A-nan. Còn đàn nhạn năm trăm con là năm trăm vị A-la-

hán hiện giờ. Ông vua thích ăn thịt chim nhạn chính là vua, còn người thợ săn là Điều-đạt vậy. Ông ấy từ nhiều đời đến nay luôn tìm cách hại Ta. Ta nhờ sức đại từ nên được an ổn. Ta không chấp kẻ oán nên được thành Phật.

Nghe Đức Phật dạy xong, vua và quần thần ai cũng khai ngộ.

**
*

Phẩm 28: TRẦN CẤU

Thí dụ 52:

Thuở xưa, có một người là con mọt, không anh em. Từ nhỏ anh được mẹ cưng chiều hết lòng cho ăn học, mong mỏi sau này anh được nên người. Cha mẹ đưa anh đến các bậc thầy giỏi bạn tốt và khuyên anh gắng học. Song thuở ấy anh lại nghênh ngang ham chơi, không chịu để tâm học hỏi. Anh sáng theo học, chiều đã bỏ, không ngó ngàng gì đến sách vở, nên đã bao năm rồi mà dốt vẫn hoàn dốt. Thấy vậy, cha mẹ gọi anh về giao việc trông coi nhà cửa, làm ăn buôn bán.

Song quen thói ăn chơi lêu lổng, không chịu siêng năng làm việc, chẳng bao lâu nhà cửa suy sụp. Riêng anh cứ mặc tình tiêu xài, bán hết lúa thóc, rồi lại bán luôn vật dụng trong nhà để thỏa mãn ý thích của mình. Sống đời nghèo khổ, bê tha như vậy, anh suốt ngày đầu tóc rối bù, áo quần dơ bẩn, chân không mang dép la cà khắp nơi. Tánh tình anh lại xan tham, thô lỗ, ngu si không biết sĩ diện. Cho nên ai cũng khinh ghét, gọi anh là tên hung ác, không thèm nói chuyện. Trước tình trạng đó, anh đã không biết lỗi còn trở lại trách cứ mọi người. Trước hết anh oán cha mẹ, kế lại trách thầy bạn. Anh trách tổ tiên, thần linh không chịu giúp đỡ khiến anh ra nông nổi này, có lẽ đến chõ Phật nhờ giúp đỡ hưởng được phước.

Nghĩ xong, anh bèn đến chõ Đức Phật làm lễ, rồi ra trước bạch rồng:

–Đạo của Đức Phật bao la, dung chứa tất cả. Nay con xin làm đệ tử, mong Phật chấp nhận.

Đức Phật bảo:

–Phàm người muốn cầu đạo, phải tu hạnh thanh tịnh. Nay ông mang những cầu nhiễm trần tục vào trong đạo, chỉ học công nào có lợi ích gì! Chi bằng ông hãy trở về lo hiếu kính phụng thờ cha mẹ, hết lòng học hỏi thầy bạn, gắng sức gây dựng gia nghiệp trở nên giàu có yên vui, lấy lẽ nghĩa để sửa mình, không làm những điều bất chánh. Ông hãy tấm gội ăn mặc sạch sẽ, cẩn thận lời nói hành động, giữ lòng chuyên nhất lo làm ăn, siêng năng tu sửa thì sẽ được mọi người yêu mến. Ông làm được những việc như thế mới có thể học đạo.

Bấy giờ Đức Tôn liền nói kệ:

Không đọc tụng: lời dharma

Không siêng năng: nhà dharma

Không trang nghiêm: sắc dharma

Còn phóng dật: việc dharma

Keo bẩn dơ tuệ thí

Bất thiện dharma thiện hạnh

Ác pháp là vết dharma

Đời này và đời sau.

Dharma trong các thứ dharma

Ngu si là hơn cả

Tu học dứt ngu si

Thành Tỳ-kheo vô cầu.

Người đó nghe kệ tự biết mình trước đây kiêu mạn ngu si, vâng theo lời Phật dạy hoan hỷ trở về nhà. Anh từ đó luôn tư duy quán xét ý nghĩa của bài kệ để cải đổi lỗi lầm, làm lại cuộc đời. Anh trở nên biết hiếu thảo cha mẹ, tôn kính sư trưởng, siêng đọc kinh sách, gắng lo gia nghiệp, khép mình giữ giới không làm điều trái đạo. Do vậy, bà con làng xóm đều ngợi khen, tiếng lành đồn xa cả nước đều xem anh là người hiền.

Ba năm sau, anh trở lại chỗ Đức Phật, cùi mình đánh lě, thành khẩn bạch:

–Kính bạch Đức Thế Tôn, Bậc Thầy tôn kính chí châm đã độ con nên người, bỏ ác làm lành, trên dưới đều được an vui. Xin Ngài hãy rủ lòng Từ bi tiếp độ cho con được xuất gia học đạo.

Đức Phật đáp:

–Lành thay!

Râu tóc của người đó liền tự rụng thành tướng Sa-môn. Nhờ tư duy thiền quán lý Tứ đế, ngày càng nỗ lực tinh tấn, chẳng bao lâu người ấy đã chứng được quả A-la-hán.

**
*

Phẩm 29: PHỤNG TRÌ

Thí dụ 53:

Thuở xưa, có một vị Trưởng lão Bà-la-môn tên Tát-giá-ni-kiền, thông minh tài giỏi vào bậc nhất trong nước. Ông có năm trăm người đệ tử thường xuyên theo học. Do vậy cống cao tự đại không xem thiên hạ ra gì. Ông thường lấy lá sắt mỏng quấn quanh bụng. Người ta ấy làm lạ hỏi, ông đáp:

–Tôi sợ trí tuệ tràn ra ngoài nên mới làm như thế!

Một hôm ông nghe có Phật ra đời, việc giáo hóa đạo hết sức thành công, nên sinh tâm đố kỵ, trắc trọc không yên. Ông nói với các đệ tử:

–Ta nghe Sa-môn Cù-đàm tự xưng là Phật, nay ta sẽ đến đó hỏi những việc sâu xa vi diệu, khiến ông ta bối rối không biết đường trả lời.

Nói xong, ông cùng chúng đệ tử đến tinh xá Kỳ hoan, đứng ở ngoài cổng. Từ xa, trông thấy từ dung Thế Tôn rực rỡ uy nghiêm như vầng mặt trời mới mọc, ông bỗng sinh tâm hoan hỷ xen lẫn kính sợ, liền rẽ đầm đông đi thẳng đến trước Phật làm lễ. Đức Phật bảo ông ngồi. Ngồi xong, ông thưa với Phật:

–Cái gì gọi là đạo? Điều gì gọi là trí? Sao gọi là Trưởng lão? Sao gọi là đoan chánh? Sao gọi là Sa-môn? Sao gọi là Tỳ-kheo? Sao gọi là hiền minh? Sao gọi là có đạo? Sao gọi là vâng giữ giới? Nếu

nurse Ngài trả lời được, tôi xin làm đệ tử.

Bấy giờ Đức Thế Tôn xét theo căn cơ của ông, dùng kệ đáp rằng:

*Thường từ mẫn hiểu học
Tâm chân chánh tu hành
Chỉ giữ gìn tuệ báu
Đây chính gọi là Đạo.
Gọi là người có chí
Không cần biện luận
Ai tự tại, vô úy
Làm lành là bậc Trí.
Gọi là bậc Trưởng lão
Không phải do tuổi cao
Thân già và tóc bạc
Hạng xuẩn ngu khác nào.
Ai noi theo chánh pháp
Tử bi, đạo đức cao
Sáng suốt lại thanh tịnh
Xứng đáng xưng Trưởng lão.
Người gọi là doan chánh
Không phải đẹp như hoa
Không tham lam, tật đố
Nói và làm trái xa.
Ai bỏ được điều ác
Dứt tận đến nguồn cơn
Trí tuệ, không giận hờn
Mới là người doan chánh.
Gọi là bậc Sa-môn
Không phải do cao tóc
Nếu vọng ngữ tham lam
Khác chi hạng phàm tục?*

Ai dứt được điều ác
 Mở rộng đạo nhiệm mầu
 Tâm ý không vọng tưởng
 Chính thật bậc Sa-môn.
 Gọi là bậc Tỳ-kheo
 Không phải đi khất thực
 Tà hạnh không cúng thí
 Chỉ là cầu danh suông.
 Ai dứt bỏ tội nghiệp
 Thanh tịnh tu phạm hạnh
 Trí tuệ phá được ác
 Chính thật bậc Tỳ-kheo.
 Gọi là bậc Hiền minh
 Chẳng phải im không nói
 Nếu dụng tâm không khéo
 Làm dáng bên ngoài thôi.
 Ai giữ lòng vô vi
 Hạnh thanh tịnh, vô chấp
 Tâm bỉ thử vắng lặng
 Chính thật bậc Hiền minh.
 Gọi là bậc có đạo
 Không riêng cứu một ai
 Cứu giúp cho tất cả
 Không hại kẻ vô đạo.
 Người phụng trì chánh pháp
 Không phải tụng, nói nhiều
 Tuy là nghe học ít
 Biết y pháp hành trì
 Giữ đạo không quên lăng
 Đó là trì pháp tang.

Tát-giá-ni-kiền và năm trăm đệ tử nghe kệ xong, tâm hoan hỷ

khai ngộ, không còn kiêu mạn đều xuất gia làm Sa-môn. Riêng Ni-kiền phát tâm Bồ-tát, còn năm trăm đệ tử đều chứng quả A-la-hán.

**

Phẩm 30: ĐẠO HẠNH

Thí dụ 54:

Thuở xưa, có một vị Bà-la-môn xuất gia học đạo từ nhỏ, đến năm sáu mươi tuổi vẫn chưa đắc đạo. Theo pháp Bà-la-môn, đến tuổi này chưa đắc đạo thì trở về lấy vợ làm ăn. Ông này cũng như vậy, trở về lập gia đình, sinh được một đứa con trai khôi ngô dễ mến. Lớn lên cậu ta tỏ ra thông minh hơn người, học hành giỏi giang, biện luận lưu loát. Đến năm bảy tuổi, vào một đêm cậu ta bỗng lâm bệnh nặng, đột ngột qua đời. Ông Bà-la-môn đau buồn khôn xiết, cứ phủ phục ôm xác con than khóc đến ngất đi tỉnh lại. Thân tộc thấy thế tìm lời khuyên ngăn, giànhan lấy xác đứa bé tẩm liệm rồi đem chôn ngoài thành.

Ông Bà-la-môn tự nghĩ: “Ta nay kêu khóc nào có ích gì? Chi bằng hãy đến chõ vua Diêm-la đòi mạng con mình lại.” Nghĩ xong, ông tẩm gội trai giới, chuẩn bị hành lý mang hương hoa rời nhà ra đi. Đến đâu ông cũng hỏi chõ ở cửa vua Diêm-la, như thế cứ đi mãi suốt mấy ngàn dặm. Một hôm, ông đến một vùng núi sâu, gặp các Bà-la-môn đắc đạo hỏi thăm.

Các Bà-la-môn hỏi:

–Ông hỏi thăm chõ vua Diêm-la là muốn cầu điều gì?

Đáp:

–Tôi có một con trai thông minh, biện bác hơn người. Thế mà gần đây nó bỗng chết mất, tôi đau thương buồn khổ, không sao quên được, nên muốn tìm đến chõ vua Diêm-la xin lại mạng sống cho con để nhờ cậy lúc tuổi già.

Các Bà-la-môn thương ông lão ngu si, liền bảo:

–Chõ vua Diêm-la người sống đâu thể đến được. Chúng tôi sẽ chỉ cách cho ông. Từ đây đi về hướng Tây hơn bốn trăm dặm có một

con sông lớn. Trong đó có tòa thành là nơi dừng nghỉ của các Thiên thần khi đi tuần sát thế gian. Vua Diêm-la vào ngày mùng tám hàng tháng đi tuần sát sẽ ghé lại thành này. Ông trì trai giới đến đó vào ngày ấy sẽ gặp.

Vì Bà-la-môn vui mừng vâng theo lời dạy ra đi. Đến con sông lớn, ông thấy chính giữa có một tòa thành tráng lệ, cung điện nhà cửa trang nghiêm như cõi trời Dao-lợi. Ông đến trước cổng đốt hương, cầu nguyện được ra mắt vua Diêm-la và tha thiết trông chờ. Vua Diêm-la cho người đưa ông lão vào rồi hỏi ông có điều gì cầu thỉnh. Bà-la-môn thưa:

–Tôi đã già mới sinh được một đứa con trai, mong sau này sẽ nhờ cậy. Nuôi được bảy tuổi, không ngờ một hôm nó bỗng lâm bệnh chết mất. Xin Đại vương ban ân trả lại mạng sống cho con tôi.

Vua Diêm-la nói:

–Tốt lắm, con ông hiện đang chơi ở khu vườn phía Đông. Ông hãy đến dẫn nó về.

Vì Bà-la-môn liền đến nơi đó, trông thấy con mình đang chơi đùa cùng các đứa bé khác. Ông chạy lại ôm con khóc lóc nói: “Cha ngày đêm thương nhớ con, ăn ngủ không yên. Con có nhớ nghĩ đến cha mẹ đang đau khổ không?

Đứa trẻ giật mình la lớn, trở lại quở ông: “Ông già si mê này không hiểu đạo lý. Tôi chỉ ở nhờ nhà ông chẳng bao lâu đã gọi là con! Đừng nói nhiều lời càn rỡ nữa, hãy sớm đi là hơn. Tôi ở chỗ này cũng có cha mẹ. Chúng ta chỉ tình cờ gặp gỡ, quyến luyến ôm ấp làm chi.”

Vì Bà-la-môn nghe vậy, buồn bã khóc lóc bỏ đi. Ông vừa đi vừa suy nghĩ: “Ta nghe Sa-môn Cù-đàm biết được đạo lý dời đổi của thần thức, vậy thử đến hỏi xem.” Nghĩ xong, ông liền tìm đến chỗ Đức Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn đang trú tại tinh xá Kỳ hoàn nước Xá-vệ vì đại chúng thuyết pháp. Ông Bà-la-môn đến gặp Đức Phật liền cúi đầu đảnh lễ, trình bày đầu đuôi câu chuyện. Ông nói:

–Con tôi thật không chịu nhìn nhận tôi, trở lại bảo tôi là ông già si mê, ở tạm không bao lâu lại nhận làm con. Không một chút tình phụ tử như vậy, không biết là do duyên gì?

Đức Phật bảo:

–Ông quả thật ngu si! Khi người ta chết thần thức đi khỏi lại thọ thân mới. Cha mẹ vợ con chỉ là nhân duyên gấp gẽ, như khách trọ qua đêm, sáng thức dậy là chia tay. Thế mà chúng sinh lại ngu mê, chấp cho là thật. Sở dĩ có ưu bi khổ não là do không hiểu được cội gốc này, chìm đắm mãi trong sinh tử không ngày ra khỏi. Chỉ có bậc Trí tuệ không tham ân ái, giác ngộ khổ đế, dứt bỏ tập đế, siêng tu kinh giới, diệt trừ vọng tưởng chấm dứt sinh tử.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Người đời lo vợ con
Chẳng xét lẽ mất còn
Cái chết bỗng chợt đến
Như nước lũ cạnh bên.
Cha con cứu không nổi
Ai khác giúp được nào
Mạng hết cây người thân
Như mù canh giữ bạc.
Tuệ tri được ý này
Nên tu trì kinh giới
Siêng tu vượt thế gian
Dứt trừ tất cả khổ.
Xa lìa các sa đọa
Như gió thổi mây tan
Vọng tưởng đã lặng yên
Tri kiến liền hiện tiền.
Trí tuệ quý nhất đời
Vui nơi đạo vô vi
Nếu chánh pháp thọ trì
Sinh tử chẳng còn chi.*

Vị Bà-la-môn nghe kệ xong, hoát nhiên khai ngộ, biết rõ ràng mạng sống vô thường, vợ con là khách, bèn phủ phục đảnh lễ xin làm Sa-môn.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Râu tóc ông liền tự rụng, pháp y đầy đủ, thành tướng Sa-môn. Ông tư duy ý nghĩa bài kệ, chấm dứt ân ái, không còn vọng tưởng, liền chứng quả A-la-hán ngay tại chỗ.

**
*

Phẩm 31: QUẢNG DIỄN

Thí dụ 55:

Thuở xưa, Đức Phật thuyết pháp giáo hóa tại nước Xá-vệ. Trời, rồng, quỷ, thần, vua chúa, dân chúng mỗi ngày ba buổi đến đó nghe pháp.

Lúc ấy vua Ba-tư-nặc tánh tình kiêu mạn, phóng túng dục tình; mắt đắm theo sắc, tai mê theo tiếng, mũi ham hương thơm, miệng thỏa thê với năm vị, thân thọ dụng lâng mịn. Do ăn uống cao lương mỹ vị không biết chán, nên vua ăn mỗi lúc một nhiều, cứ luôn nghe đói. Nhà bếp phải suốt ngày lo cho vua ăn. Do vậy, thân vua mỗi lúc một phì nộn, lên xe khó khăn, nằm ngồi bất tiện, luôn thở hổn hển. Có lúc vua nằm chết ngất một lát sau mới tỉnh. Vua cứ nằm ngồi than thở rên rỉ cho tấm thân nặng nề, xoay trở khó nhọc của mình. Cảm thấy thân là mối hoạn họa, vua bèn sai người thăng xe ngựa đến chỗ Phật. Đến nơi, người hầu đỡ vua xuống chào hỏi Phật, rồi vua ngồi xuống chắp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, đã lâu không gặp, không được nghe lời dạy bảo của Ngài. Con không biết tội nghiệp gì mà thân thể tự nhiên phát phì. Nguyên do nào khiến như thế. Con luôn cảm thấy đau khổ về thân này và cũng lẽ đó mà không thường đến thăm Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

–Này Đại vương, người ta có năm việc khiến bị phát phì:

1. Ăn nhiều lần.
2. Ham ngủ.
3. Sung sướng.

4. Không lo buồn.

5. Rỗi rảnh.

Nếu muốn hết mập, ông hãy bớt ăn, sống đạm bạc rồi sau sẽ giày.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ta phải luôn tỉnh giác

Khi ăn biết tiết độ

Giữ kham khổ đạm bạc

Sẽ giày và sống lâu.

Vua nghe kệ xong vô cùng hoan hỷ, bèn gọi người nấu bếp đến bảo:

–Ông hãy ghi nhớ bài kệ này, đọc cho ta nghe trước khi dọn ăn mỗi bữa.

Vua từ giã Đức Phật về cung. Người đầu bếp trước khi dọn thức ăn luôn đọc kệ nhắc vua. Vua nghe kệ, mỗi bữa giảm bớt một muỗng. Do ăn mỗi ngày một ít, thân vua cũng lần lần nhẹ nhàng, giày lại như cũ. Vua thấy vậy rất vui mừng, nhớ đến Đức Phật bèn đi bộ đến tinh xá. Đức Phật mời vua ngồi, rồi hỏi:

–Xe ngựa và người tùy tùng ở đâu, sao vua lại đi bộ?

Vua hoan hỷ trả lời:

–Trước đây con được nghe Phật dạy, đã phụng hành như pháp. Thân thể giờ được nhẹ nhàng là nhờ ân Đức Thế Tôn. Hôm nay con đi bộ đến tinh xá xem thử thế nào.

Đức Phật nói với vua:

–Người đời không biết lẽ vô thường, cứ đắm mình trong tình dục không biết làm phước. Khi chết thần thức ra đi, thân xác để nơi phần mộ. Vì vậy người trí nuôi dưỡng tinh thần, kẻ ngu cung dưỡng huyền thân. Nếu hiểu được lẽ này sẽ biết tu theo Thánh giáo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Người không chịu học

Già như là bò đực

Chỉ lớn thịt xương

*Không chút trí tuệ.
Sinh tử nhảm chán
Qua lại gian nan
Tham đắm chấp thân
Đau khổ buộc ràng.
Người trí thấy khổ
Nên bỏ chấp thân
Dứt ý, đoạn dục
Ái hết không sinh.*

Vua nghe kệ hoan hỷ hiểu rõ, liền phát tâm Vô thương Bồ-đề.
Vô số người nghe đắc được pháp nhẫn.

**
*

Phẩm 32: ĐỊA NGỤC

Thí dụ 56:

Thuở xưa, ở nước Xá-vệ có một thày Bà-la-môn tên Phú-lan-ca-diếp. Ông đi đâu cũng có năm trăm đệ tử theo sau, được vua chúa và dân chúng thờ kính.

Lúc đó Đức Phật mới thành đạo, cùng các đệ tử từ thành La-duyệt-kỳ đến Xá-vệ. Đức Phật tướng hảo quang minh, việc hoằng pháp được rộng rãi tốt đẹp, vua và nhân dân ai cũng thờ kính.

Phú-lan-ca-diếp thấy vậy sinh lòng tật đố muốn hủy báng Đức Thế Tôn để một mình hưởng sự cung kính. Ông bèn dẫn đệ tử đến ra mắt vua Ba-tư-nặc rồi thưa:

–Hàng Trưởng lão chúng tôi đã tu học với những bậc thày trước đây ở nước này. Còn Sa-môn Cù-dàm chỉ là kẻ ra đời cầu đạo sau. Ông ta thật sự không có Thần thông thánh đức, chỉ tự xưng là Phật mà thôi. Thế mà vua bỏ chúng tôi thờ phụng ông ta. Nay tôi muốn cùng Phật so thử đạo hạnh xem ai hơn. Người nào hơn, vua hãy trọn đời kính thờ.

Vua nói:

–Tốt lắm.

Vua liền cho xa giá đến chỗ Phật, làm lễ xong bạch:

–Phú-lan-ca-diếp muốn cùng Đức Thế Tôn thi đua đạo lực, thần thông biến hóa. Không biết tôn ý như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Được, vua hãy hẹn với ông ta bảy ngày sau sẽ so thần thông.

Vua bèn cho dựng hai tòa cao bốn mươi trượng, thất bảo trang nghiêm, treo đầy tràng phan, xếp chỗ ngồi chính tề nơi khoảng đất rộng bằng phẳng phía Đông kinh thành. Khoảng giữa hai tòa cách nhau hai dặm, chúng đệ tử hai bên đều ngồi dưới tòa bên mình.

Ngày ấy, vua và quần thần, nhân dân vân tập đầy đủ để xem cuộc thi thần thông này.

Bấy giờ Phú-lan-ca-diếp và các đệ tử đến trước. Ông bước lên thang để đăng tòa. Có một vị vua quỷ thần tên là Bàn Sư thấy bọn ông này hư vọng tật đố, bèn nổi gió lớn thổi vào tòa cao. Tòa cù văng xa, tràng phan đứt tung. Cát bay đá chạy không sao mờ mắt ra nổi. Còn bên tòa ngồi của Đức Thế Tôn vẫn lặng yên bất động. Đức Phật cùng đại chúng ung dung theo thứ tự tới, vừa tiến đến tòa cao là đã nghiêm nhiên ngồi trên tòa rồi. Chúng Tăng lặng lẽ ngồi vào chỗ.

Vua và quần thần càng thêm kính ngưỡng, đánh lễ bạch Đức Phật rằng:

–Xin Đức Thế Tôn hãy hiện thần thông, hàng phục tà kiến khiến nhân dân được sáng suốt tín ngưỡng Chánh đạo.

Đức Thế Tôn đang ngồi trên tòa bỗng nhiên biến mất, hiện trên hư không phóng ánh sáng lớn, ẩn bên Đông lại hiện bên Tây, bốn phương đều như vậy, trên thân phun ra nước, dưới thân phun ra lửa, rồi lại thay đổi. Thế Tôn nằm ngồi trên không, hiện ra mươi hai phép biến hóa rồi bỗng nhiên biến mất, trở lại tòa ngồi. Thiên, Long, Quý thần rải hoa, đốt hương cúng dường, tiếng tán thán vang động khắp đất trời. Phú-lan-ca-diếp tự biết mình không có đạo hạnh, cúi đầu hổ thẹn không dám ngó ai.

Bấy giờ Kim Cang Lực sĩ giơ chày Kim cang lên, đầu chày

phóng ra lửa để nhắc ông sao không hiện thân thông đi. Phú-lan-ca-diếp kinh sợ, vội leo xuống tòa bồ đi. Năm trăm đệ tử cũng tản mác đi hết.

Đức Thế Tôn vẫn an nhiên bình thản trở về tịnh xá Kỳ thọ Cấp cô độc viên. Vua và quần thần đại chúng đều hoan hỷ giã từ ra về.

Nói đến Phú-lan-ca-diếp và các đệ tử mang nhục ra đi, giữa đường họ gặp một cụ bà Uưu-bà-di tên Ma-ni. Bà lão lại mắng cho họ một trận: “Các ông ngu si không biết tự xét lại muốn tranh hơn đạo hạnh với Đức Phật. Thật là một bọn giả dối không biết hổ thẹn, còn mặt mũi nào sống trên đời nhìn ai!

Phú-lan-ca-diếp vì thẹn với các đệ tử nên khi đến bờ sông bảo với chúng:

–Ta nay nhảy xuống đây ắt sẽ sinh lên cõi Phạm thiên. Nếu thấy ta không trở lên, thì biết ta đã hưởng cảnh vui nơi đó.

Các đệ tử đợi mãi vẫn không thấy lên, nên bàn với nhau:

–Thầy ta đã sinh Thiên rồi, chúng ta còn chờ gì nữa.

Rồi họ từng người một nhảy xuống sông mong được theo thầy. Không ngờ tất cả đều do tội nghiệp phải bị đọa xuống địa ngục.

Hôm sau vua nghe việc tự sát này, hết sức kinh ngạc vội đến chỗ Đức Phật, bạch:

–Thầy trò Phú-lan-ca-diếp ngu mê, không biết do duyên gì mà lại tự sát như thế?

Đức Phật nói với vua:

–Thầy trò Phú-lan-ca-diếp có hai trọng tội: Một là ba độc tham, sân, si lùng lẫy, tự xưng đắc đạo. Hai là hủy báng Như Lai mong được cung kính. Do hai tội trên nên họ phải đọa vào địa ngục. Vì tội nghiệp thúc đẩy khiến họ tự nhảy xuống sông. Thân chết, thần thức ra đi chịu khổ vô lượng. Cho nên người trí thu nhiếp tâm mình, trong không khởi ác, ngoài không tạo tội. Ví như tòa thành ngoài biên ải sát bên kẻ địch, nếu phòng bị chắc chắn sẽ không sợ hãi. Dân bên trong an ổn thì giặc ngoài không cách gì vào được. Người trí tự phòng hộ cũng giống như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Vọng chứng Thánh cầu lợi
 Hạnh bất chánh đối đời
 Ganh gièm kẻ hơn mình
 Bịp đời, lừa chúng sinh
 Tội dẫn hạng vị ấy
 Rơi hổ dữ bỏ mình.
 Như giữ thành biên ải
 Kiên cố trong lẩn ngoài
 Giữ tâm mình thanh tịnh
 Phi pháp chẳng để sinh
 Nếu giới hạnh kém thiếu
 Địa ngục thọ khổ hình.*

Đức Phật nói kệ xong, lại kể với vua:

–Thuở quá khứ có hai con khỉ chúa, mỗi con có bầy đàn năm trăm con. Một con khỉ chúa vì ghen ghét có ý muốn giết con kia để mình cai trị tất cả, cho nên nó gây chuyện đánh nhau. Đã đánh nhau nhiều lần mà vẫn không thắng, nó hổ thẹn rút lui đến một eo biển. Nơi đây bọt nước được gió thổi tích tụ cao mấy trăm trượng. Khỉ chúa này ngu si cho là núi tuyết, bèn nói với bầy khỉ rằng: “Từ lâu nghe nói trong biển có núi tuyết, nơi đó vui vẻ, quả ngọt rất nhiều mặc tình hái ăn, ngày nay ta mới trông thấy. Vậy để ta qua đó trước xem sao. Nếu ta thấy quả thật vui sướng sẽ ở đó luôn, còn không sẽ trở lại bảo với các ngươi.”

Nói xong, nó leo lên một cây cao, dùng hết sức nhảy sang. Kết quả nó rơi vào đống bọt nước rồi chết chìm dưới biển.

Những con còn lại không thấy khỉ chúa quay về, tưởng là chỗ đó vui lắm nên lần lượt nhảy sang chết chìm cả lũ.

Kể xong, Đức Phật bảo với vua:

–Con khỉ chúa tật đố thuở đó nay chính là Phú-lan-ca-diếp. Bầy đàn của nó là năm trăm đệ tử của ông ấy ngày nay. Còn khỉ chúa còn lại chính là thân Ta. Phú-lan-ca-diếp đời trước đã ôm lòng tật đố, bị tội nghiệp lôi kéo đã nhảy vào đám bọt nước khiến chết cả bầy.

Ngày nay ông ấy lại phỉ báng Đức Như Lai, rốt cuộc cả bọn lại nhảy xuống sông chết chìm. Nghiệp tội xui khiến như thế, nhiều kiếp mà vẫn chưa hết.

Nhà vua nghe xong, tin hiểu rồi làm lễ ra về.

**
*

Thí dụ 57:

Thuở xưa có bảy vị Tỳ-kheo vào núi học đạo. Trải qua mươi hai năm mà họ vẫn chưa đắc đạo, nên bàn với nhau:

–Học đạo thật khó, phải hủy bỏ hình hài, giữ lấy tiết tháo, chịu đựng nóng lạnh, trọn đời khất thực chịu nhục đủ điều. Rốt cuộc đạo không đắc, tội nghiệp vẫn còn nguyên, chỉ luống tự lao nhọc, bỏ mạng trong núi. Chi bằng chúng ta hãy trở về nhà làm ăn, lấy vợ sinh con, lo làm giàu để hưởng sung sướng sau này ra sao thì ra.

Bảy xong, bảy người cùng rời khỏi núi. Đức Phật ở xa biết họ có thể hóa độ. Nếu không nhẫn được cái khổ nhỏ, họ sẽ đọa vào địa ngục thật đáng tiếc thương. Đức Phật liền hóa ra một vị Sa-môn đứng ngay ở đầu khe núi. Bảy người ra đi liền gặp. Hóa Sa-môn hỏi:

–Các vị tu hành đã lâu sao lại bỏ núi đi?

Bảy người đáp:

–Học đạo cực khổ mà không nhổ được gốc tội, việc khất thực thọ nhục khó nhẫn. Lại nữa trong núi không ai cúng dường, bao năm chật vật, luôn sống thiếu thốn, chỉ cực khổ suông mà không đắc đạo. Nên chúng tôi muốn về nhà làm ăn thật giàu có, rồi già mới tu lại.

Hóa Sa-môn nói:

–Hãy thôi! Hãy thôi! Nghe tôi nói đây. Mạng người vô thường sớm còn tối mất, học đạo tuy khó, trước khổ sau vui. Gia nghiệp khó khăn muôn kiếp khó dứt. Nếu mong cùng vợ con sum họp hưởng lạc, mong sung sướng mãi không gặp tai họa thì khác nào trị bệnh mà uống độc dược, chỉ nặng thêm không chút thuyên giảm. Trong ba cõi có thân là có ưu não, chỉ có giữ tròn giới hạnh, không phóng dật tinh tấn tu hành, chứng được đạo quả mới chấm dứt tất cả khổ.

Bấy giờ hóa Sa-môn liền hiện lại tướng Phật, hào quang rực rỡ
nói kệ:

*Tu khó, hết tội khó
Ở nhà cũng khó khăn
Sum họp hưởng lợi khó
Gian nan nhất: có thân.
Tỳ-kheo khất thực khó
Đâu thể không gắng công
Tinh tấn đến tự tại
Suốt đời không phiền ai.
Có tín, thành tựu giới
Từ giới, pháp bảo sinh
Nhờ đó sống an ổn
Được cung kính cúng dường.
Ngồi, nằm hay đi, đứng
Không phóng dật tinh cần
Luôn chánh tâm giữ đạo
An vui sống núi rừng.*

Lúc ấy bảy vị Tỳ-kheo thấy thân tướng Phật, lại nghe kệ này
nên hết sức hổ thẹn, run sợ vội quỳ mlop sát đất lạy dưới chân Phật,
hết lòng sám hối rồi lạy Phật ra đi. họ trở vào núi, dốc lòng công phu
tinh tấn tu tập, tư duy ý nghĩa bài kệ trên, chánh tâm chuyên nhất, an
trú tịch diệt, chứng quả A-la-hán.

**
*

Phẩm 33: TUỢNG

Thí dụ 58:

Thuở xưa, lúc La-vân chưa đắc đạo, tính tình thô tháo, lời nói
không thành thật. Đức Phật sai La-vân đến ở tinh xá Hiền để nghiệp
tâm gìn giữ khẩu nghiệp, siêng tu học theo kinh giới. La-vân y giáo

làm lễ ra đi. Nơi đó, La-vân suốt chín mươi ngày hổ thẹn tinh cần sám hối. Đức Phật đến thăm, La-vân hoan hỷ ra lễ Phật, rồi bày giường dây thiền Phật nghỉ ngơi.

Đức Phật ngồi trên giường dây rồi bảo La-vân:

–Ông hãy lấy chậu múc nước cho Ta rửa chân.

La-vân vâng lời làm theo. Rửa chân xong, Đức Phật hỏi:

–Này La-vân, con có thấy nước đã rửa chân ở trong chậu không?

La-vân đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật hỏi tiếp:

– Nước này còn có thể dùng ăn uống, súc miệng nữa không?

La-vân lại đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, không thể. Nước này vốn sạch, giờ đã rửa chân chứa đầy bùn đất, cho nên không thể dùng.

Đức Phật liền dạy:

–Này La-vân, ông cũng như vậy. Ông tuy là con ta, cháu của quốc vương, xả bỏ vinh hoa thế lợi, xuất gia làm Sa-môn, nhưng không tinh tấn nghiệp phục thân khẩu, bụi nhơ tam độc đầy ắp trong lòng, khác nào nước dơ trong chậu không dùng được nữa.

Đức Phật lại sai đổ nước dơ đi, rồi hỏi:

–Này La-vân, chậu nước dơ đã đổ đi, vậy chậu nước không này có thể dùng đựng thức ăn được chăng?

La-vân đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, không thể, chậu này đã mang tên chậu rửa chân từng đựng đồ dơ cho nên không thể.

Phật lại dạy:

–Này La-vân, ông cũng như vậy, tuy là Sa-môn mà lời nói không thành tín, tâm tánh ương bướng không chịu siêng tu. Ông đã từng mang tiếng xấu như cái chậu rửa chân kia không thể đựng được thức ăn.

Đức Phật lại dùng ngón chân hất chậu văng đi, tung lên rơi

xuống mấy cái, quay tròn mấy vòng rồi mới dừng lại.

Đức Phật hỏi:

–Này La-vân, ông có tiếc chậu rửa chân, sợ nó bị vỡ không?

La-vân đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, đồ rửa chân là vật rẻ tiền, trong lòng có uổng nhưng không tiếc rẻ lắm.

Đức Phật dạy:

–Này La-vân, ông cũng như vậy, tuy làm Sa-môn mà không gìn giữ thân khẩu, nói năng thô tháo, ác khẩu làm thương tổn đến đến người khác. Cho nên mọi người không yêu mến, bậc Trí không tiếc thương. Khi thân chết, thần thức đi khỏi phải luân hồi trong ba đường dữ, chịu sinh tử khổ não vô lượng. Chư Phật, Hiền thánh đều không thương tiếc ông, như ông nói không thương tiếc chậu rửa chân.

La-vân nghe nói hổ thẹn sợ hãi. Đức Phật lại nói:

–Này La-vân, hãy nghe Ta kể thí dụ:

Xưa có một vị vua nuôi được một con voi lớn dũng mãnh, giỏi xông pha trận mạc. Tính ra sức của nó còn mạnh hơn năm trăm con voi nhỏ gộp lại.

Một hôm, vua nước đó muốn hưng binh đánh vua nước đối nghịch. Vua cho voi mặc một tấm giáp sắt. Quần tượng bảo vệ voi, cột vào hai ngà là hai thanh giáo, cột vào hai tai là hai thanh kiếm rồi bốn chân cũng buộc vào bốn lưỡi đao cong, đuôi cũng buộc một cây mác sắt. Chín món binh khí buộc vào mình voi đều rất bén nhọn. Song voi phải rút vòi vào trong, giấu kín vì đây là nơi mềm mại, hiểm yếu nếu trúng tên sẽ chết. Voi không được phép vươn vòi ra để chiến đấu. Người lính quần tượng rất mừng vì voi được bảo vệ chu đáo.

Khi ra trận, voi xông pha không ngại làn tên mũi đạn. Song chiến đấu một hồi lâu, voi bỗng vươn vòi đòi kiếm. Người quần tượng không cho. Hãy nghĩ xem con voi mạnh tợn kia không biết tiếc thân mạng hăng máu vươn vòi ra đòi kiếm gắp vào vòi để chiến đấu. Vua và quần thần tiếc con voi lớn này nên không cho nó ra trận nữa.

Đức Phật bảo La-vân:

–Người ta dẫu phạm chín điều ác, duy phải giữ gìn cửa miệng. Cũng như con voi lớn kia phòng hộ cái vòi không dùng chiến đấu. Voi giữ vòi vì sợ trùng tên chết, còn người giữ miệng vì sợ đau khổ của ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Người không phòng hộ miệng phạm đủ mười điều ác, như con voi kia không kể mạng, không sợ trùng tên mới vươn vòi ra chiến đấu.

Người ta cũng vậy, phạm đủ mười điều ác do không nghĩ đến đau khổ trong ba đường. Thực hành Thập thiện, thu nhiếp thân, khẩu, ý, không phạm bất cứ điều ác nào có thể đắc đạo xa hẳn ba đường dữ, không còn tai họa sinh tử.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Ta như voi chiến
Không sợ rùng tên
Giữa hạng phá giới
Độ họ tín thành.
Như voi đã điều
Vua vừa ý cõi
Người điều phục quý
Nhờ giữ tín thành.*

La-vân nghe được những lời dạy bảo ân cần tha thiết của Đức Phật vô cùng cảm kích, tự khích lệ ghi nhớ mãi không quên. Từ đó tâm ông trở nên nhu hòa nhẫn nhục như đất. Ông tinh tấn tu hành, thức tưởng vãng lặng chứng quả A-la-hán.

**
*

Thí dụ 59:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ thọ thuộc nước Xá-vệ vì bốn bộ đệ tử, trời rồng quỷ thần, vua chúa quan dân diễn nói chánh pháp. Lúc đó có một vị trưởng giả cư sĩ tên là Ha-đề-đàm đến chỗ Đức Phật, đánh lẽ ra mắt xong rồi quỳ xuống chắp tay bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, con từ lâu đã thừa ân giáo hóa, mong

được đến hâu cận ra mắt tôn nhan. Song vì việc riêng bó buộc, nên giờ đây mới đến được. Xin Ngài từ bi tha thứ.

Đức Phật bảo ông ngồi xuống, hỏi thăm từ đâu đến, tên họ là gì.

Trưởng giả quỳ đáp:

–Con vốn gốc cư sĩ, tên là Ha-đề-dàm. Lúc trước làm nghề huấn luyện voi cho thiên vương.

Đức Phật hỏi:

–Này cư sĩ, phép huấn luyện voi có mấy việc?

Đáp:

–Thường có ba việc để điều phục voi lớn. Ba việc đó là:

1. Dùng mộc thép mộc vào miệng, rồi khorp dây dàm vào.

2. Cho nó ăn ít, thường để bị đói.

3. Dùng gậy đánh nó thật đau.

Do ba việc này có thể điều phục được voi.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

–Ba việc trên có tác dụng gì?

Vị ấy đáp:

–Dùng mộc thép mộc vào miệng để chế phục sự cang cùng. Không cho ăn uống để thân thể suy yếu, dễ dạy. Còn đánh đập chính là để chế phục tâm nó. Nhờ vậy mà điều phục được voi.

Đức Phật lại hỏi:

–Điều phục voi như vậy dùng để làm gì?

Vị ấy đáp:

–Điều phục voi rồi có thể để vua cõi, cũng có thể để ra trận. Ta có thể điều khiển nó tới lui không có gì trở ngại.

Đức Phật lại hỏi:

–Chỉ có cách này, còn có cách điều phục nào khác không?

Vị ấy đáp:

–Cách điều phục voi chỉ như vậy thôi.

Đức Phật bảo:

–Này cư sĩ, ông có thể điều phục voi, vậy có thể tự điều phục mình được không?

Vị cư sĩ đáp:

–Con không biết ý nghĩa tự điều phục mình như thế nào, xin Đức Thế Tôn giảng nói chỗ chưa được nghe.

Đức Phật dạy:

–Này cư sĩ, Ta cũng có ba việc dùng để điều phục tất cả mọi người và dùng để tự điều phục mình đến được vô vi.

1. Lấy chí thành điều phục khẩu nghiệp.
2. Lấy từ bi trong sạch điều phục tâm cang cường.
3. Lấy trí tuệ diệt trừ ngu si che ngăn của ý chí.

Hành trì ba việc này sẽ độ thoát tất cả, lìa ba đường ác, tự đến vô vi, không còn sinh tử ưu bi khổ nã.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Như voi tên Hộ tài
Khó kiềm chế hung hăng
Khớp miệng chẳng cho ăn
Vẫn khăng khăng nết cũ.
Ý điều phục thuần thực
Thường hành hạnh an vui
Hàng phục hết kết sử
Như voi thuần nhờ móc.
Vui đạo, không phóng dật
Thường phòng hộ tự tâm
Sẽ nhổ được thân khổ
Như voi ra khỏi hầm.
Tuy thường điều voi
Mới cõi dã luyện
Voi loại giỏi nhất
Không bằng tự điều.
Voi không thong thả*

*Là người chưa đạt
Làm người tự điều
Mới đạt điều thuật.*

Cư sĩ nghe kệ xong vô cùng hoan hỷ, buông bỏ tình tưởng, đắc được pháp nhãn. Vô số người nghe pháp cũng được thấy đạo.

**
*

Phẩm 34: ÁI DỤC

Thí dụ 60:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá trên núi Kỳ-xà-quật tại thành La-duyệt-kỳ, vì trời, người, quỷ, thần chuyển đại pháp luân. Lúc ấy, có một người bỏ nhà cửa, vợ con đến chỗ Đức Phật đánh lễ xin làm Sa-môn. Đức Phật hứa khả. Xuất gia xong, Đức Phật dạy ông ngồi dưới một cội cây, thiền quán chánh pháp. Vị Tỳ-kheo vâng lời vào trong rừng sâu cách tinh xá hơn trăm dặm, ngồi một mình dưới một gốc cây thiền tư suốt ba năm. Song tâm ông không kiến cố, có ý muốn trở về. Ông tự nghĩ: “Mình bỏ nhà học đạo cực khổ, chi bằng sớm trở về nhà ở với vợ con.”

Nghĩ xong, ông bèn đi ra khỏi núi. Đức Phật với Thiên nhãn trông thấy việc này. Ngài xét thấy ông này đáng lẽ đắc đạo mà người không biết lại muốn trở về nhà. Ngài liền hóa thành một vị Sa-môn, đi ngược lại gặp mặt vị đó. Ngài hỏi:

–Ông từ đâu ra đây? Chỗ này có đất bằng phẳng, chúng ta nên nghỉ ngơi cùng nhau trò chuyện.

Bấy giờ hai người cùng ngồi nghỉ ngơi trò chuyện. Vị Tỳ-kheo bảo với Hóa nhân:

–Tôi bỏ nhà cửa vợ con, xuất gia tu học trong núi sâu này nhưng không đắc đạo. Xa cách vợ con mà không đạt thành chí nguyện, luống mất meph vận cuộc đời, cực khổ vô ích. Nay tôi hối hận muốn trở về với vợ con, hưởng nhàn vui trước đã, rồi sau mới tính.

Một lát sau, họ thấy một con khỉ già từ lâu đã lánh xa rừng cây

ra sống giữa khoảng đất trống.

Hóa Sa-môn hỏi Tỳ-kheo:

–Con khỉ này vì sao sống một mình nơi khoảng đất trống. Sao nó lại thích nơi không có cây cối?

Vị Tỳ-kheo đáp:

–Tôi đã từ lâu để ý thấy nó vì hai việc nên đến chỗ này.

1. Nó vì vợ con bầy đàn đông đúc không thể ăn uống đầy đủ, thỏa ý.

2. Ngày đêm nó phải leo trèo, gót chân thường xuyên bị thương khó chịu.

Do hai việc này nên nó bỏ rừng cây, ra đất trống sống.

Hai người nói chuyện, một lát sau lại thấy con khỉ này trở lại rừng cây, leo lên ngọn.

Hóa Sa-môn hỏi:

–Ông có thấy con khỉ trở lại rừng cây không?

Đáp:

–Có thấy, con khỉ này ngu si, đã xa lìa được rừng cây, bầy đàn quấy nhiễu, vậy mà nó không biết nhầm chán phiền nhọc còn trở lại nơi đó lần nữa!

Hóa Sa-môn nói:

–Ông cũng như vậy, cùng nó khác gì? Ông vốn vì hai việc mà vào núi tu học.

1. Vì thấy vợ con nhà cửa là lao ngục.

2. Vì thấy bà con quyền thuộc là gông cùm ràng buộc.

Ông vì việc đó mà cầu đạo dứt khổ sinh tử, thế mà nay lại muốn về nhà chịu ràng buộc trong gông cùm phiền não, vào ngục tù ân ái dẫn đến địa ngục.

Hóa Sa-môn hiện lại thân Phật một trượng sáu, tướng hảo quang minh tỏa sáng làm cảm động tất cả các loài trong núi. Các loài chim bay thú chạy đều tìm theo ánh sáng mà đến, biết được túc mạng, trong lòng hối lỗi.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Như cây rẽ sâu chắc
 Đầu chặt vẫn đậm cành
 Tâm ái chưa dứt tuyệt
 Khổ não lại phát sinh.
 Như khỉ xa rừng cây
 Ra rồi trở lại đấy
 Người thoát tù ân ái
 Còn trở lại chỗ này!
 Tham ý luôn hưng khởi
 Đầy tập nihilism kiêu căng
 Tưởng nhớ điều đậm dục
 Mê tối, tự che ngăn.
 Mọi ý tưởng miên man
 Ái kết: cỏ bò lan
 Chỉ trí tuệ thấy rõ
 Dứt nguồn ý, mới an.
 Người đậm chìm trong ái
 Vọng tưởng miên man hoài
 Già chết mãi vẫn xoay
 Do ái sâu không đáy.*

Vị Tỳ-kheo thấy quang tướng rực rỡ của Đức Phật, lại nghe lời kệ nên hết sức kinh sợ, vội quỳ mọp sát đất sám hối lỗi lầm. Ông lại tư duy thiền định chứng quả A-la-hán ngay trước Đức Phật. Chư Thiên đến nghe đều hoan hỷ, rải hoa cúng dường hết lời tán thán.

**

Thí dụ 61:

Thuở xưa có một nước cách phía Nam thành La-duyệt-kỳ bốn ngàn dặm. Nước này phụng thờ mấy ngàn vị tu sĩ Bà-la-môn. Lúc ấy, trong nước có hạn lớn suốt ba năm không mưa. Nhà vua cầu đảo quý thần khắp các chỗ vẫn không kết quả. Vua bèn hỏi các Bà-la-môn đây là do nguyên nhân gì. Các vị ấy nói:

–Chúng tôi sẽ trai giới thanh tịnh, rồi sai người tiếp xúc Phạm thiên hỏi xem tai nạn này do đâu.

Vua đáp:

–Tốt lắm! Trai giới cần gì xin cho tôi biết.

Các Bà-la-môn nói:

–Cần phải dùng hai mươi cỗ xe củi, tô mật, dầu mỡ, hương hoa phan lọng, vàng bạc, đồ tế...

Vua liền cho người sắm sửa cung cấp đầy đủ. Các Bà-la-môn ra khoảng đất trống cách thành bảy dặm chất củi cao như núi. Rồi họ khuyến khích rằng ai không tiếc mạng sống khi chết sẽ được sinh Thiên. Họ chọn bảy người chịu tự thiêu để lên trời Phạm thiên.

Bảy người sau khi cúng tế, chú nguyện xong leo lên đóng củi. Bên dưới mọi người đốt lửa thiêu chết họ. Khói lửa bốc lên, sức nóng bức ngọt, bảy người sợ hãi cầu cứu song không có ai. Họ mới cất tiếng kêu:

–Có đức Đại từ bi nào trong tam giới thương xót cứu chúng tôi thoát khỏi khổ nạn này, chúng tôi xin quy y vị đó.

Đức Phật ở xa hay biết, theo tiếng đến cứu. Ngài ở trên hư không hiện tướng hảo quang minh. Bảy người thấy Phật, buồn vui lẫn lộn hướng về Đức Phật nói:

–Chúng con nguyện quy y Ngài, xin hãy cứu khổ nóng bức cho chúng con.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Quy y nhiều Thần
Núi, sông, cây cỏ
Dụng tượng cúng thờ
Cầu phước Thần ban,
Quy y như vậy
Chẳng tốt, chẳng cao
Quỷ thần nào đến
Cứu hết khổ ương.
Nếu ai quy y*

*Phật, Pháp, chúng Tăng
 Quán lý Tứ đế
 Ăt đạt chánh tuệ.
 Sinh tử rất khổ
 Nương đạo, giải thoát
 Vượt tám thế nạn
 Hết khổ, thanh thơi.
 Quy y Tam tôn
 Tối thương, tối lành
 Con đường duy nhất
 Vượt thoát mọi khổ.*

Đức Phật nói kệ xong, lửa liền tắt ngầm. Bảy người được an ổn, hết sức vui mừng.

Các Bà-la-môn và nhân dân trong nước thấy thế kinh ngạc ngưỡng mộ. Đức Thế Tôn bèn hiện thị thần thông, phân thân biến hóa, ẩn bên đây hiện bên kia một cách tự tại. Trên thân phun ra nước lửa, ánh sáng năm màu. Mọi người trông thấy đều mợp mình quy mạng. Bấy giờ bảy người đã từ trên đống củi leo xuống, buồn vui xen lẫn nói lên kệ:

*Vui thay, gặp Bậc Thánh!
 Vui thay, được nương tựa!
 Xa được kẻ ngu muội
 Tu thiện hạnh phúc thay!
 Giữ chánh kiến thật vui
 Thuyết pháp cho nhau vui
 Với đời không tranh chấp
 Giới trọn thường an vui.
 Ở với hiền nhân vui
 Như sống chung ruột rà
 Thân cận Bậc Bi Trí
 Hiểu biết càng cao xa.*

Bấy giờ bảy người nói kệ xong, cùng với các Bà-la-môn xin làm đệ tử Phật. Đức Phật hứa khả. Họ đều xuất gia chứng quả A-la-hán. Vua quan nhân dân đều phát tâm tu hành.

Kế đó trời mưa lớn, đất nước trù phú, nhân dân ấm no, chánh pháp phổ biến, ai cũng hoan hỷ tu học.



KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

QUYẾN IV

Phẩm 35: DỤ ÁI DỤC

Thí dụ 62:

Thuở xưa Đức Phật trú tại nước Xá-vệ vì hàng trời người thuyết pháp. Lúc ấy, trong thành có một vị trưởng giả Bà-la-môn rất giàu có, song lại là người keo kiệt tham lam không thích bố thí.

Mỗi khi ăn, ông cho người đóng kín cửa, không tiếp khách. Vì vậy, ăn xin, Sa-môn, Bà-la-môn đều đến không gặp được.

Một hôm, trưởng giả thèm ăn ngon, sai vợ làm một bữa thịnh soạn. Bà vợ liền giết một con gà béo, ướp gừng tiêu gia vị rồi đem quay. Các món ăn uống, bánh trái chẳng mấy chốc cũng chuẩn bị xong, được dọn ra đầy bàn.

Ông lệnh cho đóng kín cửa lại, hai vợ chồng và đứa con nhỏ ngồi ăn uống với nhau. Hai ông bà thay phiên xé thịt gà đút cho con ăn không ngớt.

Đức Phật biết vị trưởng giả này có túc phước, có thể độ được, bèn hóa ra một vị Sa-môn ngồi cạnh lúc họ ăn cơm, trước bàn ăn của họ Ngài chú nguyện rồi lại nói:

–Xin các vị hãy bố thí cho ít nhiều, nhờ đó mà được phước lớn.

Vị trưởng giả ngẩn đầu lên ngó thấy hóa Sa-môn liền mắng:

–Ông là tu sĩ mà không biết hổ thẹn, nhà người ta đang ăn uống sao lại đe dọa đột xông vào?

Hóa Sa-môn đáp:

–Ông mới thật ngu si không biết hổ thẹn. Tôi nay là khất sĩ có gì phải hổ thẹn?

Trưởng giả vặn:

–Tôi và vợ con ăn uống vui vẻ với nhau có gì mà hổ thẹn?

Sa-môn đáp:

–Ông giết cha, lấy mẹ làm vợ, nuôi dưỡng oan gia mà không biết hổ thẹn, trở lại cho tôi khất sĩ là hổ thẹn!

Bấy giờ hóa Sa-môn liền nói kệ:

*Cành nhánh sinh không dứt
Do lo ăn, tham dục
Nuôi oán, thêm hậu hoạn
Người ngu mãi rộn ràng.
Ái nhiễm của người ngu
Với vợ con ràng buộc
Trí giả thấy kiên cố
Hơn ngục tù thế gian.
Người trí thấy rõ ái
Ngục kiên cố khó ra
Nên với dục tránh xa
Dứt ái, được an ổn.*

Trưởng giả nghe kệ xong, kinh ngạc hỏi:

–Đạo nhân vì sao mà nói như vậy?

Sa-môn đáp:

–Con gà trên bàn là cha ông đời trước. Do vì kiếp trước keo kiệt nên nay ông ta phải luôn làm gà để ông ăn thịt. Còn đứa bé này kiếp xưa là La-sát. Thuở đó, ông là thương khách đi thuyền ra biển buôn bán bị dòng nước cuốn, trôi dạt vào nước quỷ La-sát bị nó ăn thịt. Năm trăm đời đều như vậy, La-sát mang hết sinh lại làm con ông. Vì tội ông chưa hết nên nó đến để hại ông. Vợ ông ngày nay chính là mẹ ông đời trước, do vì thương yêu sâu chắc nên nay trở lại làm vợ ông. Ông ngu si không biết túc mạng, giết cha cho oan gia ăn, lấy mẹ làm vợ. Sáu nẻo luân hồi mênh mang không bờ bến, quanh quẩn trong đó mấy ai biết được. Chỉ có bậc Chân nhân đắc đạo mới thấy được việc người chết chỗ này, sinh chỗ kia. Kẻ ngu không biết há chẳng hổ thẹn sao?

Bấy giờ trưởng giả kinh sợ toàn thân nổi gai, toát mồ hôi lạnh. Đức Phật liền vận dụng thần thông giúp ông biết được túc mạng. Trưởng giả liền sám hối lỗi lầm, tạ ân Đức Phật xin thọ Ngũ giới. Kế đó, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho ông nghe. Nghe xong, ông liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

**
*

Thí dụ 63:

Thuở xưa Đức Phật thuyết pháp tại tinh xá Kỳ hoàn nước Xá-vệ. Lúc ấy có một vị Tỳ-kheo trẻ vào thành khất thực. Ông trông thấy một thiếu nữ thật là xinh đẹp, lòng liền khởi niệm sắc dục, quyến luyến mãi không dứt. Do đó, dần dần ông mang bệnh, bỏ ăn uống, mặt mày tiêu tụy nầm liệt trên giường. Các bạn đồng đạo đến thăm hỏi nguyên nhân bệnh tình. Vị Tỳ-kheo trẻ cứ như thật giải bày. Ông nói rằng mình muốn bỏ tu, kết tình ân ái với cô ấy, song vì không được như nguyện nên lâu ngày buồn khổ thành bệnh tương tư.

Các huynh đệ đồng đạo hết lời khuyên can song ông không để vào tai. Thấy vậy, mọi người mới dùi vị ấy đến chỗ Đức Phật, kể hết mọi chuyện cho Ngài nghe. Đức Phật bảo với vị Tỳ-kheo trẻ tuổi:

–Nguyễn ước của ông dễ thành thôii, đâu có gì phải ôm mối sầu thương! Ta sẽ tìm cách giúp ông mãn nguyện, hãy vui vẻ dậy ăn uống.

Vị Tỳ-kheo nghe xong, trong lòng mừng rỡ, u uất không còn. Bấy giờ Đức Thế Tôn liền dẫn vị Tỳ-kheo trẻ và đại chúng vào thành Xá-vệ, tìm đến nhà người đẹp nọ. Đến nơi mới hay cô gái đã chết ba ngày rồi, thi thể còn để nguyên tại nhà vì gia đình thương khóc không nỡ liệm đem chôn. Lúc ấy thân cô đã sinh lên, đồ nhơ bất tịnh chảy tràn, mùi hôi thối khó chịu.

Đức Phật liền bảo vị Tỳ-kheo:

–Ông thấy chăng? Người mà ông mơ tưởng nay đã như vậy, vạn vật vô thường trong hơi thở. Người ngu chỉ nhìn bên ngoài mà không thấy được chỗ dơ xấu bên trong, cứ mãi ràng buộc trong lưới tội mà cho là khoái lạc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Thấy sắc tâm mê tưởng
Chẳng xét lẽ vô thường
Người ngu cho là đẹp
Giả dối lại yêu thương.
Đắm mình trong dục lạc
Tầm kéo kén khác chi
Người trí tuệ dứt hẳn
Hết khổ não sâu bi.
Người tâm ý buông lung
Dâm nhơ cho là sạch
Tình ân ái sâu nặng
Là lao ngục trói trần.
Người tinh giác trừ dâm
Bất tịnh quán để tâm
Nhờ đó khởi lao ngục
Già chết dứt tận mầm.*

Vì Tỳ-kheo trẻ tuổi lúc ấy trông thấy người đẹp chết đã ba ngày, mặt mày thối rữa khó thể đứng gầy, lại nghe bài kệ giảng dạy rất rõ, nên hổ thẹn tinh ngộ, biết mình trước đây mê lầm. Ông bèn đảnh lễ, dập đầu sám hối với Đức Thế Tôn. Đức Phật hứa khả, cùng đại chúng trở về tinh xá. Từ đó ông đem hết thân mạng nỗ lực công phu, tinh tấn tu tập, đắc quả A-la-hán. Đại chúng được đi theo hôm đó rất nhiều người thấy sắc dục ô uế, tin hiểu sâu được lẽ vô thường, tham ái lần dứt cũng chứng được đạo quả.

**
*

Thí dụ 64:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ, thuyết pháp cho hàng Trời, Người, Long, Thần. Lúc ấy, trong nước có một vị đại trưởng giả giàu có vô số, sinh được một người con trai tuổi chừng mười hai, mười ba. Hai vợ chồng lần lượt qua đời, cậu con nhỏ bơ vơ,

không biết làm ăn quản lý gia nghiệp, cho nên mới vài năm mà cậu đã hoang phí tiền của khiến tàn gia bại sản đến nỗi phải đi ăn xin.

Cha cậu có một người bạn thân cũng là trưởng giả rất giàu có. Một hôm ông trông thấy cậu ta mới hỏi nguyên do. Được biết hoàn cảnh cậu như vậy, ông thương xót đem cậu về bảo bọc, gả con gái, cất nhà riêng cho ở và cho nô tỳ, xe ngựa, tiền của vô số để làm ăn. Song cậu ta tánh lười biếng, không biết tính toán làm ăn, cứ ngồi không ăn xài phung phí, chẳng bao lâu lại lâm vào cảnh đói nghèo. Trưởng giả vì thương con gái phải cho cửa cải làm vốn một lần nữa, song anh ta cũng lại như trước, rốt cuộc bị phá sản, nghèo khổ.

Thấy mấy lần giúp đỡ, mà anh vẫn ăn xài hoang phí, trưởng giả nghĩ rằng anh không thể làm ăn nên người được, chi bằng bắt con gái lại đem gả cho người khác. Ông đem chuyện này ra cùng thân tộc bàn bạc. Không ngờ người con gái nghe trộm được trở về mách với chồng bảo:

–Nhà tôi đông đảo, có thể lực đè bẹp anh, nay muốn bắt tôi lại vì anh không biết làm ăn. Anh tính như thế nào đây?

Người chồng nghe vợ nói vậy, hổ thẹn tự nghĩ: “Đây chính là do ta bạc phước, sinh ra không có cha mẹ che chở dùm bọc, không học được cách làm ăn sinh sống. Nay ta sắp mất vợ rồi sẽ đi ăn xin như cũ. Tình ân ái sâu nặng, nay phải xa nhau làm sao chịu nổi. Nghĩ tới lui mãi, cuối cùng anh khởi ác niệm, đưa vợ vào phòng rồi cả hai cùng chết một chỗ.

Nghĩ xong, anh đưa vợ vào phòng đâm vợ chết rồi quay lại tự sát. Nô tỳ hay được hoảng kinh chạy đi báo trưởng giả. Ông và cả nhà vội chạy sang thì thấy việc đã như thế, chỉ còn biết thu lượm thi hài lo tẩm liệm chôn cất. Cả nhà đang lúc đau buồn nhớ con không nguôi, bỗng nghe tiếng nói có Đức Phật đang tại thế thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, ai gặp được Ngài đều hoan hỷ, dứt hết sầu lo. Vì trưởng giả bèn dẫn cả nhà đến chỗ Phật, làm lễ rồi ngồi qua một bên. Đức Phật hỏi:

–Ông từ đâu đến? Có chuyện gì không vui mà sao sắc mặt ưu sầu?

Trưởng giả bạch:

–Nhà con vô phước, trước đây gả một người con gái. Chẳng may gặp đứa ngu phu không biết làm ăn. Vì vậy con định bắt con về, không ngờ nó lại giết vợ rồi tự sát. Con lo đám chôn cất chúng nó xong, trên đường về ghé thăm Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo trưởng giả:

–Tham dục, sân hận là bệnh thường trên thế gian, ngu si vô trí là cửa của họa hoạn. Năm đường trong ba cõi do đây mà đọa lạc, sinh tử triền miên trải vô lượng kiếp, chịu khổ biết bao. Người thường còn không biết ăn năn hối cải, huống chi là kẻ ngu làm sao biết được! Cái độc của tham dục giết mình, giết thân tộc, hại lây đến chúng sinh đâu phải chỉ riêng có vợ chồng.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Ngu do tham trói buộc
Không cầu qua bờ giác
Hại mình hại luôn người
Do tham tài tạo tác.
Tâm ái dục như ruộng
Dâm, nộ, si là giống
Người xả bỏ, giải thoát
Được phước thật vô lượng.
Giặc tham dục hại mang
Như nhà buôn nhiều hàng
Giữa đường hiểm ít bạn
Nên người trí không tham.*

Bấy giờ, vị trưởng giả nghe Đức Phật nói kệ tâm sinh hoan hỷ không còn đau buồn khổ não, ngay trước thân tộc và thính chúng, phá mười hai ức kiếp nghiệp đắc quả Tu-đà-hoàn.

Thí dụ 65:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ vì hàng trời, rồng, quỷ, thần, vua chúa, quan dân thuyết pháp. Lúc ấy có hai gã lêu lổng lang thang kết thân với nhau, đi đâu cũng có mặt như hình với bóng. Hai người bàn nhau muốn làm Sa-môn, bèn đến chỗ Phật làm lễ, rồi quỳ xuống chấp tay thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn xuất gia làm Sa-môn, xin Ngài thâu nhận.

Đức Phật cho phép hai người xuất gia làm Sa-môn, rồi cho ở chung một phòng. Hai người sống chung vì tập khí thế gian còn sâu dày nên suốt ngày chỉ nhớ chuyện ân ái vinh hoa của thế gian. Họ thường xuyên nói đến thân thể mỹ miều của người đẹp mà không xét nghĩ tính chất vô thường, bất tịnh của nó. Do đè nén dục vọng nên dần dần thành bệnh uất kết bên trong. Đức Phật với tuệ nhãn thấy được chuyện này. Ngài biết họ do vọng tưởng, buông lòng do dục niệm nên không tu được. Ngài liền sai một trong hai người đi khỏi, rồi tự hóa thành người đó đến ở chung với vị còn lại. Hóa Tỳ-kheo này nói với vị ở chung:

–Chúng ta cứ nhớ nghĩ hoài đến ân ái, chi bằng hôm nay đi xem thân thể người đẹp ra sao. Ở nhà mà tưởng nhớ suông nào có được gì đâu.

Hai người cùng đến xóm dâm nữ. Đức Phật hóa ra một cô gái điểm ở trong xóm đó. Hai người đến đó vào phòng cô ta rồi nói:

–Chúng tôi là người tu, thọ cấm giới của Phật nên không phạm đến việc ăn năn. Ý chỉ muốn xem thân thể người nữ thôi, nhưng vẫn trả tiền theo phép.

Cô gái ấy nghe vậy liền cởi bỏ đồ trang sức, y phục đứng khỏa thân cho vị ấy ngắm. Một mùi hôi hám từ thân cô bốc ra. Hai người trông thấy vẻ nhơ bẩn của nó không ai ganh nổi.

Hóa Tỳ-kheo nói với vị Tỳ-kheo kia:

–Vẻ đẹp của người nữ chẳng qua là do phấn sáp xông hương, tắm gội nước hoa. Họ mặc y phục màu sắc xinh đẹp là để che chố dơ

xấu của mình, ướp hoa xông hương là để lấp mùi hôi thân thể. Thật ra nó chỉ như cái túi da chứa phân có gì đáng tham?

Bấy giờ Hóa Tỳ-kheo liền nói kệ:

*Dục! Ta biết rõ người
Người từ nhớ tưởng sinh
Ta nếu không nhớ tưởng
Người tự sẽ không còn.
Trong tâm thích, là dục
Đâu chỉ năm dục ngoài
Bỏ ngũ dục được ngay
Là người đại dũng lực.
Vô dục thì vô úy
An lạc chẳng lo chi
Dục hết, kết sử giải
Sinh tử mãi thoát ly.*

Hóa Tỳ-kheo nói kệ xong, hiện lại thân Phật tướng hảo quang minh. Vị Tỳ-kheo trông thấy hổ thẹn ăn năn, năm vóc sát đất đánh lễ Đức Phật. Đức Phật lại thuyết pháp cho ông. Ông nghe xong hoan hỷ tỏ ngộ chứng quả A-la-hán.

Cả hai trở về tịnh xá. Lúc ấy vị Tỳ-kheo được Phật sai đi cung trổ về. Vì ấy thấy bạn mình thần sắc hoan hỷ hơn mọi khi, bèn hỏi nguyên nhân. Tỳ-kheo liền kể chuyện Đức Phật đã từ bi độ mình như thế nào và mình nhờ Đức Phật được thoát khỏi các khổ. Nói xong vị Tỳ-kheo lại nói kệ:

*Ngày đêm tưởng nhớ dục
Ý dong ruồi không ngừng
Thấy nữ dục nhớp nhơ
Hết tưởng, hết buồn khổ.*

Vị Tỳ-kheo bạn nghe kệ xong, tự tư duy quán chiếu, đoạn dục diệt tưởng chứng được pháp nhãn.

Phẩm 36: LỢI DUỐNG

Thí dụ 66:

Thuở xưa, Đức Phật dẫn các đệ tử đến tinh xá Mĩ âm thuộc nước Câu-dàm-di thuyết pháp cho hàng trời, người, rồng, thần. Lúc ấy, vua nước này tên là Ưu Diền, có một vị đại phu nhân tính tình nhân từ, được khen ngợi là trong sạch. Vua rất yêu quý, kính trọng tiết hạnh của bà. Vua nghe Đức Phật đến thuyết pháp nên cùng phu nhân xa giá đến chỗ Phật làm lễ rồi ngồi qua một bên. Đức Phật vì vua, phu nhân và thể nữ thuyết pháp vô thường, khổ, không; người ta do đâu tái sinh, hội họp rồi phải chia ly, oán ghét gặp gỡ nhau khổ; do phước sinh lên cõi trời, vì ác phải đọa địa ngục.

Vua và phu nhân hoan hỷ tin hiểu, đều thọ Ngũ giới làm Phật tử tịnh tín rồi từ giã trở về cung. Lúc ấy, có một vị Bà-la-môn tên là Kiết Tinh sinh được một người con gái xinh đẹp vô song. Đến năm mươi sáu, sắc đẹp của cô thật toàn vẹn không kém khuyết điểm nào. Ông Bà-la-môn treo giải ngàn lạng vàng cho ai phê bình một điểm xấu của con gái mình. Thế mà suốt ba tháng vẫn không có người làm được.

Ông Bà-la-môn nghĩ con gái mình đã đến tuổi lấy chồng, nếu ai khôi ngô tuấn tú xứng đôi thì sẽ gả cho.

Ông nghe nói Sa-môn Cù-dàm dòng họ Thích-ca, tướng mạo kim sắc hiếm có trên đời, nên dẫn con gái đến gả cho Đức Phật. Ông đưa con gái đến, chào hỏi xong, rồi thưa với Phật:

–Con gái tôi xinh đẹp hiếm có trên đời, nay đã trưởng thành phải gả chồng nhưng trên đời này không có kẻ xứng đôi. Ngài Cù-dàm đây đẹp đẽ vô song nên dẫn nó từ nơi xa xôi đến để gả cho Thế Tôn Ngài vậy. Đức Phật nói với Kiết Tinh:

–Nét xinh đẹp của con gái ông là cái đẹp quý của gia đình ông, còn cái đẹp của Ta là cái đẹp quý của chư Phật. Quan niệm về cái đẹp quý của chúng ta khác nhau. Ông tự khen con gái mình xinh đẹp, song Ta xét ra chỉ giống một cái bình tô vẽ đẹp nhưng lại đựng đồ bất tịnh hôi dơ, có gì đáng quý đâu? Sắc vóc xinh đẹp là chỗ dính mắc của năm tên giặc lớn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Tư dung đẹp đẽ là tai

hỏa lớn của thân. Tan nhà nát cửa, giết mình hại thân tộc đều do nữ sắc mà ra. Ta làm Sa-môn sống một mình còn sợ bị tai ách, huống hồ lại phải cưu mang quà tặng chưa đầy tai nạn giặc dữ kia! Ông hãy đem đi, Ta không nhận đâu.

Ông Bà-la-môn nghe vậy nổi giận liền bỏ đi. Ông đưa con gái đến ra mắt vua Ưu Diên, khen ngợi vẻ đẹp của con mình, rồi thưa:

–Con gái tôi đáng bậc vương phi, nay đã trưởng thành nên đưa đến dâng vua.

Vua nhìn nàng đẹp dạ bèn đồng ý và phong làm đệ nhị tả phu nhân, ban cho Kiết Tinh đai ấn, vàng bạc châu báu rồi phong làm quan kề cận giúp vua. Cô con gái sau khi đắc sủng, ôm lòng ganh ghét thường mê hoặc vua. Nhiều lần cô tìm cách gièm pha đại phu nhân, song vua đều quát lớn:

–Khanh chỉ đặt điều yêu mì không thật. Đại phu nhân là người tiết hạnh đáng quý mà lại gièm pha.

Cô này do lòng đố kỵ nên vẫn rắp tâm làm hại đại phu nhân, luôn tìm dịp tâu ra tâu vào khiến vua từ từ cung xiêu lòng tin theo. Một hôm cô tìm ra một cơ hội, nhân ngày trai giới lại khuyên vua:

–Cuộc vui hôm nay xin mời hữu phu nhân ra dự.

Vua nghe lời ra lệnh hai hậu đều tham dự. Nhưng đại phu nhân vì trì trai giới nên không vâng lệnh. Vua ba lần cho người gọi mà bà nhất định trì trai không ra. Vua nổi giận sai người lôi ra, bắt trói trước điện rồi lấy cung định bắn chết. Đại phu nhân vẫn không sợ hãi, nhất tâm quy y Phật. Vua nhầm phu nhân bắn, không ngờ mũi tên bay lại phía sau vua. Bắn mấy phát liền đều như vậy cả. Lúc ấy vua cảm thấy sợ hãi vội buông cung xuống đích thân cởi trói cho đại phu nhân, rồi hỏi:

–Khanh có pháp thuật lạ gì mà khiến như thế?

Phu nhân trả lời:

–Thiếp chỉ phụng thờ Như Lai, quy y Tam bảo. Sáng nay thiếp thọ trai giới của Phật không ăn quá ngọ. Lại nữa giữ tám giới của Phật không được trang sức. Đây chắc là Đức Thế Tôn từ bi hộ khiến được như thế.

Vua nói:

–Lành thay! Sao không nói sớm cho trẫm?

Vua liền đuổi con gái của Kiết Tinh về nhà rồi giao cho đại phu nhân coi quản hết mọi việc trong cung.

Sau đó vua, phu nhân, các phi tần hậu cung và thái tử dẫn theo xa giá đến chỗ Đức Phật. Sau khi làm lễ xong, mọi người ngồi qua một bên chắp tay nghe pháp. Vua liền đem những việc đã xảy ra thuật lại đầy đủ cho Phật nghe. Đức Phật nghe xong bảo:

–Này Đại vương, người nữ yêu tà độc ác có tám mươi bốn phong thái. Trong đó có tám phong thái chính bị người trí tuệ ghét. Đó là:

1. Tật đố.
2. Giận càn.
3. Mắng chửi.
4. Trù rủa.
5. Trấn áp.
6. Keo lận, tham lam.
7. Ham trang sức.
8. Ôm lòng thâm độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Dầu trời mưa thất bảo
Dục tâm thỏa được nào!
Vui ít khổ biết bao
Ai giác ngộ: Hiền trí.
Dầu dục lạc cõi trời
Trí giả xả không tham
Vui viễn ly ân ái
Làm đệ tử Phật-dà.*

Đức Phật nói với vua:

–Người ta làm phước tạo tội, mỗi thứ đều có tính chất riêng. Cho nên họ quả báo vui khổ cũng khác nhau xa. Nếu thực hành pháp

lục trai giới sẽ được phước rất nhiều, chư Phật đều khen ngợi và khi chết sẽ được sinh Thiên hưởng phước an vui.

Đức Phật nói xong, vua, phu nhân, thể nữ và các quan đại thần tâm ý đều khai ngộ, thấy được đạo.

**
*

Phẩm 37: SA-MÔN

Thí dụ 67:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vê vì hàng trօi, rồng, quỷ, thần, vua quan, nhân dân thuyết pháp. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo trẻ sáng sớm đắp y, cầm trượng, mang bát đến một ngôi làng lớn khất thực. Trên con đường cái mà vị Tỳ-kheo khất thực đi ngang, có một khu vườn rau của quan, bên ngoài trồng lúa. Trong đám cỏ xung quanh ruộng lúa có đặt bẫy tên, nếu có thú hay trộm đến đụng vào lưới, tên sẽ bắn ra giết chết. Khu vườn này do một thiếu nữ xinh đẹp canh giữ. Ai muốn vào phải ở xa lên tiếng, cô gái đưa đường mới vào vườn được. Kẻ không biết đường tự vào sẽ bị tên bắn chết. Cô gái một mình giữ vườn buồn nên cất tiếng ca ai oán. Tiếng hát của cô vô cùng truyền cảm, ai đi ngang cũng bị thu hút, xuống xe dừng ngựa muốn vào vườn, tần ngần không dàn hình trở bước, ngồi quanh lắng nghe.

Lúc ấy vị Tỳ-kheo trên đường khất thực trở về, đi ngang lắng nghe tiếng ca, nǎm tình liền dây khởi, tâm ý mê loạn quyến luyến không sao dứt được. Vị Tỳ-kheo tưởng tượng người ca ắt hẳn vô cùng xinh đẹp nên muốn tìm cách vào khu vườn đó. Chưa vào trong mà ý chí của vị Tỳ-kheo ấy tiêu tan, tay buông trượng, để rớt y bát mà không hay biết.

Đức Phật với Tam minh thấy vị Tỳ-kheo này như vậy, nếu còn bước thêm ít bước sẽ bị trúng tên mà chết. Vì ấy có phước đang lẽ đắc đạo, song bị ngu si làm mê, lòng dục che lấp. Ngài xót thương muốn độ thoát ông ta, nên hóa ra một cư sĩ đi đến bên cạnh Tỳ-kheo đó dùng kệ trách:

*Sa-môn là hạnh gì
 Sao buông lòng phóng túng
 Từng bước đi dính mắc
 Chỉ theo ý ruổi dong.
 Ca-sa khoát trên vai
 Bị ác tâm tốn hại
 Người làm theo ác hạnh
 Sẽ đọa ác đạo ngay.
 Vượt dòng ái, tự giữ
 Hàng phục tâm, hết dục
 Người không dứt được dục
 Ý vẫn dong ruổi hoài.
 Hãy nên vì điều đó
 Phải gắng tự chế ngăn
 Xuất gia mà giải đãi
 Ý ô nhiễm trói trăn.
 Người hạnh tu giải đãi
 Ý mê hoặc còn hoài
 Không phải hạnh thanh tịnh
 Đến bão sở, khó thay!
 Kẻ không thuần khó dạy
 Như gió thổi cây khô
 Tự mang hại bản thân
 Sao không lo tinh tấn.*

Nói kệ xong, vị Hóa cư sĩ đó hiện lại thân Phật, tướng hảo quang minh khắp đất trời, ai trông thấy đều dứt hết mê loạn được an ổn. Vị Tỳ-kheo trông thấy Đức Phật, tâm ý chợt khai ngộ như tối gặp sáng liền năm vóc phủ phục sát đất đánh lễ sám hối, tạ ân Đức Phật. Vị ấy trong tâm thông tỏ pháp chỉ quán đắc quả A-la-hán, bèn theo Đức Phật trở về tinh xá. Vô số người nghe pháp chứng được pháp nhẫn.

Phẩm 38: PHẠM CHÍ

Thí dụ 68:

Thuở xưa, trong nước Tư-ha-điệp có một ngọn núi lớn tên là Tư-hữu-giá-tha. Trong núi có hơn năm trăm vị tu sĩ Bà-la-môn đều đắc thần thông. Các vị đó tự bảo với nhau:

–Chỗ chứng đắc của chúng ta chính là Niết-bàn.

Lúc ấy, Đức Phật mới ra đời giống trống pháp, mở cửa cam lộ. Ngài thấy các Bà-la-môn này nghe được tên Phật mà chưa đến gặp. Ngài lại xét thấy họ là những người có thể độ được. Nên một hôm, Đức Thế Tôn một mình đi vào núi, ngồi dưới một cội cây nơi đường ra vào. Ngài nhập Tam-muội phóng hào quang trên thân soi chiếu khắp núi, mọi nơi đều rực sáng như núi bị cháy.

Các Bà-la-môn thấy vậy sợ hãi, vội dùng thần thông phun nước dập lửa. Nhưng họ đâu có sức thế nào đi nữa cũng không dập tắt được. Họ lấy làm lạ bỏ núi chạy ra. Xa xa họ trông thấy Đức Thế Tôn đang ngồi tọa thiền dưới cội cây, như mặt trời mọc bên núi vàng, như vầng trăng sáng giữa đám sao đêm. Họ ngạc nhiên không biết đó là vị thần nào nêu vội đến xem. Đức Phật bảo họ ngồi xuống rồi hỏi từ đâu tới. Họ đáp:

–Chúng tôi ở núi này tu đạo đã lâu. Sáng nay lửa dữ nổi lên đốt cháy rừng cây trong núi nên lo sợ bỏ chạy ra.

Đức Phật bảo:

–Đây là lửa phước không làm tổn thương người, chỉ muốn đốt cháy trần cấu si mê của các ông.

–Lúc ấy các thầy trò Bà-la-môn cùng nhau bàn tán:

–Đây là đạo sĩ gì vậy? Trong chín mươi sáu thứ đạo chưa từng có ông thầy này! Có người nói:

–Tôi từng nghe con vua Tịnh Phạn tên là Tất-đạt không tham ngôi báu xuất gia cầu thành đạo Phật. Phải chăng là ông ấy?

Các đệ tử bèn đề nghị thầy mình:

–Chúng ta thử hỏi Phật chỗ hành sự của các Bà-la-môn có đúng pháp không?

Lúc ấy, các thày trò Bà-la-môn đứng dậy bạch Đức Phật:

–Kinh pháp Bà-la-môn tên là Tứ vô ngại. Các môn như thiên văn, địa lý, pháp các vua chúa trị nước an dân là những pháp tắc phải làm nên chín mươi sáu thứ đạo đều gồm đủ trong đó. Không biết kinh này có phải là pháp Niết-bàn không? Xin Phật giải nói cho kẻ chưa được nghe.

Đức Phật dạy:

–Các ông hãy khéo lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta từ vô số kiếp quá khứ thường tu theo kinh này đắc được Ngũ thông dời non lấp biển, song vẫn bị sinh tử triền miên không dứt, tự mình không chứng Niết-bàn cũng không nghe có ai đắc đạo. Nên các ông tu hành như vậy không phải gọi là Bà-la-môn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

*Dứt dòng ái, vượt qua
Vô dục như Phạm thiên
Ý hành đều chấm dứt
Đó gọi Bà-la-môn.
Mở được các dục kết
Thanh tịnh vượt vực sâu
Không có pháp thứ hai
Đó gọi Bà-la-môn.
Không phải bện búi tóc
Mà gọi Bà-la-môn
Nếu thành tín, theo pháp
Thanh bạch là Hiền nhân.
Búi tóc mà vô tuệ
Mặc áo cỏ làm chi?
Trong không lìa cầu uế
Ngoài xả bỏ ích gì?
Bỏ hết dâm, nộ, si
Kiêu mạn, các ác kiến*

*Như rắn lột bỏ da
 Đó gọi là Bà-la-môn.
 Việc đời quyết cắt tuyệt
 Miệng không nói lời thô
 Bát chánh đạo trao đổi
 Đó gọi là Bà-la-môn.
 Đã dứt nguồn ân ái
 Sống vô dục, không nhà
 Mọi ái nhiễm đoạn tận
 Đó gọi Bà-la-môn.
 Lìa xa cõi nhân gian
 Không rời lại cõi trời
 Không vướng trong các cõi
 Đó gọi Bà-la-môn.
 Tự biết túc mạng mình
 Vốn từ đâu lại đây
 Đã đoạn hết sinh tử
 Thông tỏ được đạo mầu
 Sáng suốt và vắng lặng
 Đó gọi Bà-la-môn.*

Đức Phật nói kệ xong, bảo các Bà-la-môn:

–Chỗ các ông tu tập tự cho là đã được Niết-bàn giống như chút đinh nước đọng, cá làm sao vui trọn dài lâu. Vạn vật nhân duyên hòa hợp tự tính vốn không.

Các Bà-la-môn nghe xong vô cùng hoan hỷ, quỳ thảng bạch Phật xin làm đệ tử. Râu tóc họ liền tự rụng thành Sa-môn. Do tu hạnh thanh tịnh họ đều đắc quả A-la-hán. Trời, Rồng, Quỷ, Thần đều thấy được đạo.

**
*

Phẩm 39: NÊ-HOÀN

Thí dụ 69:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại núi Linh thúu nơi thành Vương xá cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. Lúc ấy, có vua nước Ma-kiệt-đà tên là A-xà-thế trông coi năm trăm nước nhỏ. Nước kế bên là Việt-kỳ không muốn thần phục nên vua định đem quân sang đánh. Vua bèn triệu tập quần thần hỏi ý kiến:

–Nước Việt-kỳ giàu có, sản xuất nhiều trân báu mà không chịu thần phục ta. Theo ý các khanh, ta có nên đem quân sang chinh phạt không?

Trong triều có vị thừa tướng tên là Vũ Xá đáp:

–Nên đánh.

Vua mới bảo Vũ Xá:

–Phật cách đây không xa, Ngài là Bậc Thánh Triết có đủ Tam minh biết hết mọi việc. Khanh hãy đến chỗ Phật, theo ý ta lựa lời thăm hỏi xem nếu đem quân sang đánh nước kia thì có thể thắng được không?

Thừa tướng vâng lệnh, liền cho thăng xe ngựa đến tinh xá. Ông đến trước Phật đánh lẽ ra mắt. Đức Phật bảo ông ngồi sang một bên, rồi hỏi:

–Thừa tướng từ đâu đến?

Ông đáp:

–Vua sai con đến đánh lẽ hỏi thăm sức khỏe Phật như mọi khi.

Đức Phật hỏi tiếp:

–Vua và nhân dân bề tôi đều bình an cả chứ?

Ông đáp:

–Vua và nhân dân nhờ ân Phật thấy đều bình an.

Ông nhân dịp đó bạch luôn:

–Vua và nước Việt-kỳ có hiềm khích định đem quân sang chinh phạt. Không biết theo Thánh ý có thể chiến thắng được không?

Đức Phật đáp:

–Này thừa tướng, nhân dân nước Việt-kỳ thực hành bảy pháp nên không thể thắng. Mong rằng vua suy xét cẩn thận không nên vọng động dấy binh.

Thừa tướng bèn hỏi:

–Bảy pháp đó là gì?

Đức Phật đáp:

–Bảy pháp đó là:

1. Nhân dân nước đó thường tụ họp, bàn luận chánh pháp, tu phước, tự sửa.

2. Vua tôi, thần dân nước đó trên dưới một lòng. Kẻ làm tôi làm dân thì trung lương, người làm vua thì nghe lời can gián, không bạo ác.

3. Nhân dân nước đó gìn giữ chánh pháp, khuyên bảo nhau không lượm của rơi, không dám phạm tội, trên dưới đều tuân theo pháp tắc.

4. Nhân dân nước đó giữ theo lẽ nghĩa, kính cẩn. Nam nữ phân biệt, lớn nhỏ phân biệt không để mất nghi tắc.

5. Nhân dân nước đó hiểu dưỡng Cha mẹ, kính yêu Sư trưởng, nghe lời răn bảo dạy dỗ coi đó như pháp tắc của quốc gia.

6. Dân nước đó biết theo thời tiết, đất đai, quý trọng lúa thóc, bốn mùa dân chúng siêng năng cày cấy không bỏ bê.

7. Dân nước đó tôn đạo kính đức. Trong nước có Sa-môn, thính giả, A-la-hán từ xa đến đều cúng dưỡng các thứ áo mền, giường chông thuốc thang.

Ai làm vua mà thực hành được bảy pháp này thì không bị nguy khốn. Dẫu cho đem binh cả thiêu hạ đến đánh cũng không thắng được. Ngày thừa tướng, nếu như nhân dân nước Việt-kỳ chỉ thực hành một pháp thôi cũng không thể đánh thắng được, huống chi là thực hành cả bảy pháp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Thắng người không đủ cậy

Tuy thắng, khổ bên mình

*Phải cầu pháp tự thăng
Thăng rồi được vô sinh.*

Vũ Xá nghe Đức Phật nói kệ liền thấy được đạo. Lúc ấy mọi người trong pháp hội liền đắc quả Tu-dà-hoàn. Thừa tướng từ chỗ ngồi đứng dạy bạch Phật rằng:

–Việc nước bận bịu phải về lo, vậy xin từ giã Thế Tôn. Đức Phật nói:

–Phải biết xử sự đúng lúc.

Sau khi từ chỗ ngồi đứng lên, thừa tướng lễ Đức Phật ra về. Ông đem mọi việc thưa lại với vua. Vua bèn từ bỏ ý định đánh nước Việt-kỳ, nghiêm trì theo lời Phật dạy, lấy đó để giáo hóa nhân dân. Sau đó nước Việt-kỳ đến quy thuận, trên dưới kính quý nhau, nước nhà hưng thịnh.

**

Phẩm 40: SINH TỬ

Thí dụ 70:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ hoàn vì hàng trời, người, vua quan, dân chúng tuyên thuyết diệu pháp. Lúc ấy, bên đường có một gia đình trưởng giả Bà-la-môn giàu có vô số, chỉ sinh được một người con trai, năm nay vừa tròn hai mươi tuổi. Vị trưởng giả mới cưới vợ cho con được bảy ngày. Hai vợ chồng thương yêu ăn ở hòa thuận với nhau. Người vợ nói với chồng muốn ra vườn sau ngắm cảnh thường hoa. Chồng chiều ý vợ, hai người đưa nhau ra vườn sau. Lúc ấy đương vào tiết xuân, trong vườn có một cây nại cao to trổ hoa tươi đẹp. Vợ muốn hái hoa song không có người. Người chồng biết ý vợ muốn hoa nại liền trèo lên cây. Hái được một bông rồi, lại muốn hái thêm một bông khác. Leo chuyền dần dần đến một cành nhỏ. Nhánh cây gãy người chồng rơi xuống đất chết ngay.

Cả nhà hay tin vội chạy đến chỗ xác con than khóc kêu trời trách đất đến ngất đi tỉnh lại. Thân tộc trong ngoài đến thăm đông đảo, ai cũng hết sức thương tâm. Người nghe xót xa, kẻ thấy rơi lệ,

cha mẹ và vợ trách trời sao tàn nhẫn chẳng hộ độ. Sau đó mọi người tẩm liệm rồi đem anh đi chôn cất. Khi trở về, cả nhà suốt ngày than khóc mãi không thôi. Bấy giờ Đức Thế Tôn thương cho sự ngu muội của họ nên đến thăm hỏi. Cả nhà trưởng giả thấy Đức Phật đến, đau buồn khóc lóc đem hết sự tình ra kể lể. Đức Phật bảo với trưởng giả:

–Xin đừng than khóc nữa, hãy nghe Ta nói: “Vạn vật đều vô thường không thể trường cửu.” Đã sinh thì phải tử, tội phước theo nhau. Đứa con này thật ra phải có đến ba chấn than khóc vì nó, sự đau buồn hai nơi kia cũng không thua chấn ông đâu. Nó rốt cuộc là con ai? Ai là người thân của nó?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Mạng sống như trái chín
Sẽ rung chấn bao lâu
Đã sinh là phải khổ
Ai bất tử được đâu?
Do trước tham ái dục
Tưởng dâm nhập bào thai
Thọ thân mạng như điện
Ngày đêm luôn giảm hoài.
Thân này là vật chết
Tinh thần: pháp vô hình
Thân chết, thức tái sinh
Tôi phước vẫn không mất.
Trước sau biết bao đời
Do ái si kéo dài
Khổ vui tự mình tạo
Thân chết, thân còn lại.*

Trưởng giả nghe kệ xong, chợt thông hiểu không còn đau buồn, quỳ thẳng chắp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, người con này đói trước gây tội gì mà đói nay phải yếu mệt như vậy? Xin Ngài hãy giảng nói rõ gốc tội.

Đức Phật bảo trưởng giả:

–Đời quá khứ có một đứa bé mang cung tên đến một cây thần chơi. Bên cạnh đó cũng có ba người nữa. Thấy trên cây có con chim sẻ, đứa bé muốn bắn. Ba người kia thấy vậy khuyến khích: “Bắn trúng được con chim sẻ đó, mới thật là bậc tiểu anh hùng.”

Đứa bé nghe vậy thích quá liền giơ cung bắn. Chim sẻ trúng tên rơi xuống đất chết. Ba người kia khen ngợi rồi bỏ đi. Trải qua vô số kiếp trong sinh tử họ lại gặp gỡ và cùng thọ tội. Một người trong bọn có phước nay ở cõi trời. Một người hóa sinh làm Long vương ở trong biển. Còn một người làm thân trưởng giả. Đứa bé cầm tên bắn chim chính là con ông ngày nay. Đời trước nó sinh làm con của người cõi trời, rồi mạng chung sinh làm con của trưởng giả. Giờ đây nó té chết lại sinh làm con của người làm Long vương dưới biển. Ngày nó vừa sinh ra đã bị chim Kim sí điểu vương bắt ăn thịt.

Ngày nay bọn ông ba người ở ba nơi đều vì đứa nhỏ mà buồn khổ than khóc thì có chi đáng nói đâu! Do vì ba ông đã tán trợ thú vui giết chim của đứa bé nên phải chịu báo ứng khổ đau than khóc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Thức tâm tạo ba cõi
Năm chõ thiện, bất thiện
Thầm làm, thầm đưa đến
Chõ đến, như tiếng vang.
Dục, Sắc, Vô sắc giới
Tất cả do túc nghiệp
Như giống nào trái nấy
Báo như bóng theo hình.*

Đức Phật nói kệ xong muốn khiến trưởng giả giác ngộ, nên đã dùng thần thông khiến cho mọi người thấy túc mạng, những việc đã xảy ra ở cõi trời, cõi của loài rồng. Trưởng giả nghe xong hoan hỷ đứng dậy, ra trước Phật quỳ xuống chắp tay bạch:

–Xin Đức Thế Tôn cho cả nhà chúng con là đệ tử, thọ trì Ngũ giới làm cư sĩ tại gia.

Đức Phật hứa khả, truyền trao Ngũ giới cho họ, rồi lại thuyết pháp về nghĩa vô thường. Mọi người hoan hỷ đắc quả Tu-dà-hoàn.

**
*

Phẩm 41: ĐAO-LỢI

Thí dụ 71:

Thuở xưa có một vị quốc vương dùng chánh pháp trị dân, ai ai cũng mến mộ đức độ. Song vua lại không có thái tử nối ngôi nên rất buồn lo về việc này. Một hôm, Đức Phật đến nước đó. Vua ra nghênh đón, nghe pháp vui mừng và xin lanh thọ Ngũ giới. Vua ngày đêm tinh tấn, nhất tâm phụng trì chỉ xin nguyện có một đứa con. Trong cung có một thị đồng mười một tuổi mà vua thường dùng sai bảo. Cậu ấy là người trung tín, khiêm tốn giữ phép, không trái cung cách. Cậu lại tinh tấn hết lòng học tập, đọc tụng kinh kệ, suốt mấy năm cậu ấy luôn dậy trước mọi người, sắp đặt chuẩn bị chu đáo nhang đèn không biết nhọc. Rốt lại cậu mắc bệnh nặng chết đi, thần thức tái sinh làm con của vua.

Vua hết sức thương yêu, hết lòng nuôi dưỡng, đến năm mươi lăm tuổi lập cậu lên làm thái tử. Sau khi vua băng hà, thái tử lên kế vị. Từ khi lên ngôi, tân vương trở nên kiêu mạn, phóng túng, hoang dâm vô độ, ngày đêm chìm đắm trong ngũ dục không lo việc nước. Vì thế mà các quan luân bị bỏ triều, nhân dân bị khốn khổ.

Đức Phật biết vua không hiểu được bốn hạnh của mình, nên dẫn đệ tử đến nước đó hóa độ. Vua nghe Đức Phật đến, theo phép tiên vương cũng dẫn đại chúng ra nghênh tiếp, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống chỗ của mình.

Đức Phật hỏi vua:

–Đất nước nhân dân, bá quan vẫn an ổn như thường chứ?

Vua đáp:

–Quả nhân còn trẻ chưa đủ tài đức trị dân. Nhờ ân Phật mà trong nước vẫn an ổn.

Đức Phật lại hỏi:

–Vua có biết mình từ đâu sinh đến không? Tu công đức gì mà được vương vị không?

Vua đáp:

–Con ngu si không rõ, không biết đời trước làm gì.

Đức Phật bảo:

–Này Đại vương, người do năm việc mà được làm quốc vương. Thế nào là năm? Đó là:

1. Bố thí được làm vua, được vạn dân phụng hiến cung điện, dâng nạp tiền của vô số.

2. Xây dựng chùa tháp, cúng dường Tam bảo giường chông, màn trướng được làm vua. Nhờ phước đó mà nhà vua được ngự trên ngai vàng giữa triều trị nước.

3. Thân cận, lễ kính Tam bảo và các bậc Trưởng đức nên được làm vua. Nhờ phước này nên vua được muôn dân kính lễ.

4. Nhẫn nhục ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng, ý không ác niệm do đó làm vua. Nhờ phước này nên ai trông thấy mặt vua cũng vui mừng.

5. Học hỏi, thường cầu trí tuệ nhờ đó được làm vua. Nhờ phước này nên vua quyết đoán việc nước ai cũng nghe theo.

Thực hành năm việc này đời đời sẽ làm vua.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Người biết thờ bậc trên

Vua, cha, thầy, đạo sĩ

Có tín, giới, thí, tuệ

Chết an, tái sinh an.

Dời trước có phước đức

Nay tôn quý hơn người

Lấy đạo trị thiên hạ

Phụng pháp, ai cũng theo.

Vua là chủ thân dân

Thường yêu thương kẻ dưới

*Thân noi theo Giới pháp
Làm gương dạy mọi người.
Sống an chớ quên nguy
Sáng suốt, phước càng đầy
Quả báo của phước đức
Không luận hèn hay sang.*

Đức Phật bảo vua:

–Tiền thân của vua là thị đồng của tiên vương. Do nhờ tín tâm thờ Phật, thanh tịnh trì Pháp, cung kính hầu Tăng, hiếu thảo cha mẹ, trung can với vua, nhất tâm tinh tấn bố thí, cực nhọc mà không biếng trễ nên được phước đời này làm con tiên vương, thừa hưởng ngôi vị vinh hoa phú quý. Thế mà nay vua giàu sang trở lại biếng trễ. Phàm làm vua nên thực hành năm việc:

1. Lãnh đạo muôn dân mà không có xa xỉ, phí phạm.
2. Nuôi dưỡng tướng sĩ tùy thời sai bảo.
3. Nhớ tu theo bốn nghiệp để phước đức còn mãi không dứt.
4. Biết tin nghe lời chánh trực của trung thần, không nghe lời sàm sáu làm hại bê trung trực.
5. Tiết dục, không đắm theo dục lạc, không buông lung phóng dật.

Làm được năm việc này sẽ vang danh bốn biển, phước lộc tự đến. Bỏ năm việc này gièng mối sẽ mất hết. Nhân dân khổn khổ sẽ nghĩ đến việc nổi loạn, quân lính nhọc nhằn sẽ bỏ bê việc công. Do vô phước quý thần không giúp đỡ, lại tự tung tự tác bất kể đạo lý, trung thần không dám can ngăn. Cho nên việc nước bỏ bê, gian thần lộng hành, nhân dân oán thán. Nếu như vậy hiện đời thân bại danh liệt, đời sau sẽ vô phước khổ đau.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Phàm lãnh đạo thế gian
Tu chánh đạo không tà
Điều tâm, thắng các ác
Đó là bậc Pháp vương.*

*Thấy đạo, hay tuệ thí
Nhân ái, thích lợi người
Bình đẳng với tất cả
Được vậy chúng tựa nương.*

Nghe Đức Phật nói kệ xong, vua vô cùng hoan hỷ, đê đầu đánh lễ trước Phật để sám hối và tạ ân, rồi thọ Ngũ giới tu tập. Đức Phật lại vì vua thuyết pháp. Nghe xong, vua đắc quả Tu-đà-hoàn.

**
*

Thí dụ 72:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ thọ nước Xá-vệ vì hàng trời người, vua quan, bốn bộ đệ tử thuyết đại pháp vô thượng. Lúc ấy, phía Nam của nước này có một vùng núi sâu, nơi đây thường xuất hiện một loại voi lớn. Con voi có ba màu trắng, xanh và đen. Vua muốn có loại voi lớn chiến đấu này nên sai người bắt nó giao cho điền tượng sư huấn luyện. Ba năm sau, voi có thể dùng để cõi hay chiến đấu.

Lúc đó có một con voi thần do rồng sinh ra, thân trắng như tuyết, đuôi đỏ như son, hai ngà màu vàng kim. Thợ săn trông thấy con voi khác thường này bèn trở về tâu vua, mô tả hình dáng và bảo nó xứng đáng để vua cõi. Vua liền ra lệnh tuyển mộ thợ săn voi hơn ba mươi người vào rừng bắt nó. Họ đến chỗ voi giăng lưới định bắt. Thần tượng biết được ý người liền bước đến, cố ý rơi vào vòng lưới. Mọi người xúm lại định bắt, voi nổi giận lồng lên đạp những người đứng gần chết ngay tại chỗ, chỉ những kẻ ở xa mới kịp bỏ chạy, nhưng voi đuổi theo chẳng buông tha. Lúc ấy, cạnh núi có các Tỳ-kheo trẻ tuổi khỏe mạnh, đã tu học rất lâu nhưng chưa được định tâm. Họ ở xa thấy thần tượng đuổi theo giết người nên khởi lòng thương xót định cậy mạnh chạy đến cứu. Đức Phật từ xa trông thấy việc này, sợ các Tỳ-kheo bị thần tượng giết hại, nên liền hiện đến bên cạnh voi phóng hào quang rực rỡ. Voi trông thấy hào quang của Đức Phật không còn sân hận, thôi không đuổi theo giết người nữa. Các Tỳ-kheo thấy Đức Phật vội làm lễ đón chào. Đức Phật vì các Tỳ-kheo nói kệ:

*Chớ vọng trêu thần tượng
Để chuốc khổ vào thân
Ác ý là tự sát
Chết không sinh cõi lành.*

Các Tỳ-kheo nghe kệ xong liền cúi đầu đảnh lễ sám hối. Rồi họ tự quán xét sâu xa lỗi lầm của mình, chứng được quả A-la-hán ngay trước Đức Phật. Các thợ bắt voi lúc ấy mới hoàn hồn, nghe pháp xong, đều hiểu được đạo.

**
*

Thí dụ 73:

Thuở xưa, Đức Phật trú trên núi Kỳ-xà-quật thành La-duyệt-kỳ. Lúc ấy vua Bình-sa có một vị đại thần vì phạm tội bị bãi chức đầy đến ở vùng núi phía Nam cách nước hơn ngàn dặm. Đây là nơi không người lai vãng, ngũ cốc xác xơ. Đại thần đến đó ít lâu, không ngờ xuất hiện suối nước tràn trề, đất đai màu mỡ, ngũ cốc sung túc. Những người nghèo đói các nơi đổ về đây sinh sống, trong vòng mấy năm đã có ba bốn ngàn gia đình. Ai đến đều được cấp cho ruộng đất làm ăn.

Một hôm, có ba vị trưởng lão bàn với nhau: “Nước không có vua như thân không có đầu.” Nên cùng đến chỗ đại thần, đề cử ông lên làm vua. Vị đại thần trả lời các trưởng lão: “Nếu muốn lập tôi lên làm vua phải đúng pháp như các quốc vương: Tả hữu có đại thần hầu cận, văn võ tướng sĩ có phẩm trật trên dưới. Mọi người phải tuân theo lề pháp triều. Lại phải tuyển các thiếu nữ nhập cung và nhân dân phải nộp tô thuế, lúa thóc, vải vóc.

Các quốc lão nói:

– Xin làm theo như thế.

Rồi họ một mực theo vương pháp, lập đại thần lên ngôi, sắp đặt quần thần văn võ trên dưới, phát động nhân dân xây cất thành quách, kiến tạo cung điện. Từ đó nhân dân khổn khổ, không còn cảnh an cư lạc nghiệp. Mọi người vì quá khổ cực nên muốn đảo chính soán ngôi. Các gian thần bày mưu đưa vua đi săn. Ra ngoài thành chừng ba bốn

mươi dặm có một cánh đồng trống, họ trói vua lại định giết. Vua hỏi các cận thần:

– Sao các ông lại giết ta?

Họ đáp:

– Nhân dân nếu no ấm hạnh phúc sẽ lấy lễ thờ vua. Còn nhân dân nghèo đói sẽ nổi loạn lật đổ vương quyền.

Vua bảo:

– Chuyện này là do các khanh làm, không phải tại ta. Nếu giết oan ta thần minh sẽ biết. Hãy cho ta phát một lời nguyện, dù chết cũng can tâm.

Vua liền nguyện:

– Tôi vốn khai hoang tạo ruộng để nuôi dân. Ai đến sinh sống đều an cư lạc nghiệp. Rồi họ tự động suy tôn tôi lên ngôi vua, chiếu theo pháp vua các nước khác mà sắp đặt, làm ra mọi việc như thế. Nay họ trở lại giết tôi. Tôi thật không có tội với nhân dân. Nếu tôi chết nguyện sẽ làm quỷ La-sát nhập vào thân cũ để trả thù này.

Vua nguyện xong, bị cận thần lấy dây xiết cổ chết, bỏ thây ở đó rồi đi. Ba ngày sau, thần thức vua làm quỷ La-sát nhập vào thân cũ, tự xưng là A-la-bà. Quỷ vào cung dùng dây xiết cổ tân vương và giết sạch các gian thần cũng như thể nữ. La-sát vẫn còn giận ra khỏi cung định bắt giết dân chúng. Ba vị quốc lão thấy vậy tự trói ra đầu thú trước La-sát, thưa:

– Đây là việc làm của gian thần, dân đen nào có biết gì. Xin ngài hãy rộng lòng tha thứ, trở về làm vua lại.

La sát bảo:

– Ta đã là La-sát, đâu có thể sống làm việc chung với người. Ta ăn thịt uống máu người, tánh thường hay phẫn nộ bất kể chuyện gì.

Ba vị quốc lão nói:

– Nước này do ngài mà có, nên xin ngài hãy làm vua lại như cũ. Còn việc ăn uống chính chúng tôi sẽ lo.

Từ đó, các quốc lão lập ra quy định: Nhân dân phải rút thăm lấy số thứ tự, nhà nào có con theo thứ tự nộp cho vua La-sát ăn.

Trong ba bốn ngàn hộ gia đình, có một nhà là đệ tử Phật, tinh tấn phụng trì Ngũ giới không phạm. Ông theo mọi người rút thăm trúng phải số thứ nhất, phải nộp đứa con nhỏ duy nhất của mình cho vua La-sát ăn trước hết. Cả nhà buồn thương than khóc, hướng vọng về núi Kỳ-xà-quật đánh lỗ sám hối nghiệp tội của mình.

Đức Phật với đạo nhẫn thấy hết nỗi thống khổ này, tự bảo: “Nhờ nơi đứa bé này Ta sẽ độ được vô số người.” Ngài liền một mình bay đến cửa cung điện vua La-sát, hiện tướng quang minh soi sáng nội cung. La-sát thấy hào quang nghi là dị nhân bèn ra gặp Phật. La-sát thấy Đức Phật liền khởi độc tâm định xông đến ăn thịt. Hào quang Phật chiếu vào mắt, bao nhiêu thần lực của La-sát đều tiêu tan, trở nên yếu đuối phải chịu hàng phục. La-sát thỉnh Phật lên tòa ngồi, còn mình quỳ dưới đánh lỗ. Đức Phật vì La-sát thuyết pháp. La-sát nhất tâm nghe, tin hiểu rồi thọ Ngũ giới làm Uu-bà-tắc.

Lúc ấy, viên quan tống thực mang đứa bé đến cho vua La-sát ăn. Cả nhà đứa bé đều than khóc đi theo. Vô số người đi theo lấy làm đau xót. Viên quan ôm đứa bé trao cho vua La-sát. Vua La-sát đón lấy đứa trẻ, rồi quỳ trước Phật bạch:

–Đứa bé này do quốc dân theo thứ tự đưa đến cho con ăn. Nay con đã thọ Ngũ giới của Phật nên không ăn thịt nó nữa. Con xin cúng nó cho Đức Phật làm thị đồng hầu hạ.

Đức Phật nhận đứa bé rồi chú nguyện chúc lành. La-sát hoan hỷ đắc quả Tu-dà-hoàn. Đức Phật đặt đứa bé vào bát rồi mang ra khỏi cung về nhà cha mẹ của nó. Đến nơi, Ngài bảo:

–Hãy nuôi đứa bé đừng đau buồn nữa. Mọi người trông thấy Đức Phật hết sức kinh ngạc không biết là vị Thần nào. Đứa bé này nhờ phước gì mà được cứu thoát khỏi làm thức ăn cho La-sát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đứng giữa mọi người nói kệ:

Giới đức chố nhở cậy

Phước báo sẽ theo ta

Thấy pháp thành bậc thượng

Ba đường ác tránh xa.

Trì giới: hết khổ lo

Phước: ba cõi tôn quý

Quỷ thần ác độc tà

Không hại kẻ trì giới.

Đức Phật nói kệ xong, vô số người thấy hào quang của Phật liền biết là Bậc Chí Tôn trong tam giới. Họ đều xin quy y làm đệ tử, nghe kệ hoan hỷ, đều tỏ ngộ được đạo.

**
*

Thí dụ 74:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại vườn Lộc dã, thành Ba-la-nại thuyết pháp cho hàng trời, người, quỷ, thần, vua quan, nhân dân. Lúc đó có một vị thái tử con vua nước lớn dẫn theo hơn năm trăm vị thái tử con vua các nước nhỏ đến chỗ Đức Phật làm lễ rồi ngồi qua một bên nghe pháp.

Nghe xong, các thái tử bạch Phật:

–Phật đạo nhiệm mầu, cao xa khó đạt. Từ xa xưa đến nay không biết có quốc vương, thái tử, đại thần, con nhà hào phú nào từ bỏ đất nước thần dân, ái ân phú quý làm Sa-môn không?

Đức Phật bảo các thái tử:

–Vương quốc, vinh hoa, ân ái trên đời đều như huyền hóa, như giấc mộng, như tiếng vang, có đó rồi không đó nào có trường tồn. Lại nữa, quốc vương, thái tử do ba việc nên không thể đắc đạo. Ba việc đó là gì?

1. Kiêu mạn, buông lung không chịu học hỏi diệu nghĩa kinh Phật để cứu độ thần thức.

2. Tham lam vơ vét, không nghĩ bối thí cho kẻ nghèo cùng, khổ nạn bên dưới. Quan lại có tài sản không ban phát cho dân cùng, ổn định và củng cố tài lực của đất nước.

3. Không thể xa lìa sắc dục, các việc hưởng lạc. Không bỏ được lao ngục não phiền, để hành Sa-môn hạnh, tu thân dứt hết khổ nạn.

Cho nên Bồ-tát sinh làm vua trừ dứt ba việc này, tự sẽ được thành Phật.

Lại có ba việc:

1. Tuổi trẻ học hỏi, trông coi đất nước, giáo hóa nhân dân dạy họ hành theo Thập thiện.
2. Đem tiền của bố thí bần cùng, cô độc. Vua quan tướng sĩ cùng hưởng phước vui sướng với dân.
3. Thường xét nghĩ đến lẽ vô thường, mạng sống chẳng dài lâu, phải nêu xuất gia tu hạnh Sa-môn, chấm dứt nguyên nhân đau khổ, không còn sinh tử.

Nếu ba việc này không làm được, sẽ không đạt được gì cả.

Kế đó, Đức Phật tự thuật:

–Đời trước Ta làm Chuyển luân thánh vương tên là Nam Vương Hoàng đế. Đồ thất bảo, cung điện, ao tắm, hành cung, ngự uyển, quần thần, phu nhân, thể nữ, voi ngựa, đầu bếp... mỗi thứ đều có tám muôn bốn ngàn. Vua có ngàn người con đều dũng mãnh tinh nhuệ, một địch nổi ngàn. Vua có thể bay trên hư không, du hành bốn phương muôn làm gì thì làm không ai ngăn nổi. Thánh vương thọ bốn mươi tám ngàn tuổi, lấy chánh pháp trị dân, không sử ai oan uổng. Một hôm, Thánh vương chợt nghĩ: “Mạng người vô thường, ngắn ngủi khó giữ. Ta phải tu phước để cầu đạo chân thật, thường bố thí cho dân chúng, đem tài sản của mình ra chia sẻ với mọi người. Sau khi gieo trồng phước đức rồi, phải xuất gia làm Sa-môn, dứt hẳn tham dục mới diệt được khổ.” Nghĩ xong, nhà vua ra lệnh người hầu chải tóc: “Nếu thấy tóc bạc hãy lập tức báo cho ta biết.” Mấy vạn năm sau, người hầu chải tóc báo rằng vua đã có tóc bạc. Vua ra lệnh nhổ lấy để trên bàn, rồi nhìn tóc bạc rơi lê bao rằng: “Sứ giả thứ nhất đã chợt nhớ đến rồi. Nay tóc ta đã bạc, phải nêu xuất gia Sa-môn, cầu đạo vô vi.”

Vua để tóc trong lòng bàn tay, rồi tự nói kệ:

*Nay trên đầu của ta
Tóc bạc là bị trộm
Đã có Thiên sứ triệu
Đến lúc phải xuất gia.*

Thánh vương bèn triệu quần thần lập thái tử lên làm vua, còn mình xuất gia làm Sa-môn vào núi tu đạo. Sau khi mãn tuối thọ,

Thánh vương sinh lên cõi trời thứ hai làm thái tử con vua trời Đế Thích, còn vị Thánh vương thứ hai lên ngôi, cũng noi theo hạnh tiên vương, dặn người chải tóc hễ thấy tóc bạc liền báo. Thời gian lâu sau, được báo đã có tóc bạc, Thánh vương thứ hai sai nhổ để trên lòng bàn tay rồi cũng nói kệ:

*Nay trên đầu của ta
Tóc bạc là bị trộm
Đã có Thiên sứ triệu
Đến lúc phải xuất gia.*

Nói kệ xong, vua lại triệu tập quần thần lập thái tử lên vương vị, còn mình xuất gia làm Sa-môn vào núi tu đạo, mãn tuổi thọ lại sinh lên cõi trời làm Thiên đế Thích. Còn vị Thiên đế Thích trước hưởng hết tuổi thọ cõi trời sinh xuống nhân gian làm thái tử con vị Thánh vương thứ ba.

Như vậy ba vị Thánh vương thay đổi làm cha con nhau. Trên làm Đế Thích, dưới làm Thánh vương, giữa làn thái tử. Ba người sinh lên xuống ba mươi sáu lần như vậy suốt mấy ngàn vạn năm. Do nhờ luôn thực hành ba việc này nên rốt cuộc được thành Phật. Vua cha (*vị Thánh vương đầu tiên*) là Ta ngày nay, thái tử (*vị Thánh vương thứ hai*) là Xá-lợi-phất, cháu nội vua cha (*vị Thánh vương thứ ba*) là A-nan. Ba chúng ta nhiều đời thay đổi làm vua giáo hóa nhân dân, nên mới được đặc biệt tôn quý, không ai sánh bằng trong ba cõi.

Đức Phật nói xong, quốc vương, thái tử và con các vua nước nhỏ vô cùng hoan hỷ, lanh thọ năm giới làm cư sĩ nam, đều đắc được quả Tu-dà-hoàn.

**
*

Phẩm 42: KIẾT TUỜNG

Thí dụ 75:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật thành La-duyệt-kỳ vì hàng trời, người, rồng, thần chuyển đại pháp luân. Lúc ấy, bên bờ sông Hằng phía Nam núi có một vị Bà-la-môn Ni-kiền. Ông ta là bậc

trưởng lão kỳ cựu, học rộng hiểu nhiều, đắc được Ngũ thông, hiểu việc xưa nay. Ông chỉ dạy giáo hóa được năm trăm môn đồ. Họ đều thông đạt thiên văn, địa lý, nhân sự, không môn nào là không nghiên cứu thấu đáo. Các việc kiết hung họa phước, được mùa mất mùa, họ đều biết trước.

Các đệ tử của vị Bà-la-môn trước khi Phật giáo hóa đã biết tu tập, nên sẵn căn lành có thể độ được. Một hôm, họ đưa nhau đến bên bờ sông, tìm chỗ vắng ngồi bàn luận. Họ tự hỏi với nhau: “Dân chúng trong tất cả các nước cho việc gì là kiết tường?”. Họ không trả lời được, nên đến chỗ thầy làm lễ chấp tay thưa:

–Đệ tử chúng con học đạo đã lâu, đều được thành tựu. Song chưa biết dân chúng trong tất cả các nước cho việc gì là kiết tường?

Bà-la-môn Ni-kiền đáp:

–Lành thay câu hỏi này! Trong cõi Diêm-phù có mười sáu nước lớn, tám mươi bốn ngàn nước nhỏ, nước nào cũng có việc kiết tường, như là vàng bạc, lưu ly, pha lê, minh nguyệt thần châu, voi ngựa, xe cộ, ngọc nữ, san hô, kha bối, kỹ nhạc, phụng hoàng, khổng tước. Hoặc họ lấy nhật nguyệt tinh tú, bình báu, Bà-la-môn đạo sĩ là điềm báo kiết tường mà họ yêu thích. Nếu họ thấy được những việc trên sẽ hết lời khen ngợi, cho đây là điềm báo kiết tường của nước.

Các đệ tử hỏi:

–Lại có việc gì đặc biệt kiết tường hơn nữa không? Nó đối thân có ích, khi mang chung được sinh lên cõi trời.

Bà-la-môn Ni-kiền đáp:

–Từ các bậc Thầy trước truyền dạy lại không có việc này, sách vở cũng không thấy ghi chép.

Các đệ tử thưa:

–Gần đây nghe nói có người dòng họ Thích xuất gia tu đạo, tọa thiền sáu năm, hàng phục được ma quân, đạt thành quả Phật, đầy đủ ba minh vô ngại. Chúng ta thử đến hỏi xem sự hiểu biết của ông ta như thế nào, có bằng thầy không.

Kế đó, thầy trò hơn năm trăm người theo đường núi tìm đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, mọi người làm lễ rồi ngồi qua một bên. Bà-la-

môn Ni-kiền quỳ xuống chắp tay thuật lại mọi việc rồi bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, các nước đều có việc kiết tường như thế, không biết còn việc gì kiết tường hơn không?

Đức Phật bảo với các Bà-la-môn:

–Những điều ông bàn luận chỉ là việc thế gian. Thuận theo thì kiết tường, trái lại thì tai họa, không thể cứu độ tâm linh, chấm dứt khổ não. Pháp kiết tường mà ta biết, người thực hành theo sẽ được phước, ra khỏi hẵn ba cõi, an trú Niết-bàn.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Phật tôn quý hơn trời
Như Lai thường diễn nghĩa
Có đạo sĩ Phạm chí
Hỏi sao là kiết tường?
Bấy giờ Phật từ mãn
Nói yếu nghĩa chánh chân
Tin, vui theo chánh pháp
Là tối thượng kiết tường.
Cũng không từ Thiên nhân
Mong xin điều không đáng
Không cầu đảo quỷ thân
Là tối thượng kiết tường.
Chọn bạn hiền ở chung
Thường siêng làm phước đức
Thân trong sạch chân chánh
Là tối thượng kiết tường.
Bỏ ác theo điều thiện
Tránh rượu, biết tiết chế
Không dâm với nữ sắc
Là tối thượng kiết tường.
Học rộng, giữ giới nghiêm
Tinh tấn tu chánh pháp*

*Sửa mình, không tranh chấp
 Là tối thượng kiết tường.
 Hiếu thảo thờ cha mẹ
 Lo gia nghiệp, vợ con
 Không để cho nghèo đói
 Là tối thượng kiết tường.
 Không ngã mạn, tự đại
 Tri túc, biết xét suy
 Theo thời tụng tập kinh
 Là tối thượng kiết tường.
 Thường thích nghe học hỏi
 Ưa gấp bậc Sa-môn
 Nghe giảng liền thọ trì
 Là tối thượng kiết tường.
 Trì trai tu phạm hạnh
 Thường thích gấp Hiền minh
 Nương tựa bậc Trí sáng
 Là tối thượng kiết tường.
 Có đức tin, đạo đức
 Chánh tâm, không nghi nan
 Mong thoát ba ác đạo
 Là tối thượng kiết tường.
 Tâm bình đẳng bối thí
 Phụng thờ bậc Đắc đạo
 Cung kính các Thiên nhân
 Là tối thượng kiết tường.
 Thường muốn lìa tham dâm
 Sân si vừa khởi tâm
 Liên lấy đạo soi chiếu
 Là tối thượng kiết tường.
 Lìa bỏ việc phi pháp*

*Siêng năng tu đạo đức
 Thường thờ bậc đáng thờ
 Là tối thượng kiết tường.
 Vì tất cả chúng sinh
 Gây dựng đại Từ tâm
 Nhân ái giúp an ổn
 Là tối thượng kiết tường.
 Người trí ở thế gian
 Luôn tập hạnh kiết tường
 Tự thành tựu Tuệ giác
 Là tối thượng kiết tường.*

Thầy trò Bà-la-môn nghe Đức Phật nói kệ xong tự nhiên tỏ ngộ, sinh đại hoan hỷ, đến trước Đức Phật bạch:

–Bậc Vi Diệu Thế Tôn, ít thấy trên đời. Chúng con từ trước tới nay mê lầm, chưa thấy được néo sáng. Nguyên Đức Thế Tôn từ bi tế độ chúng con được quy y Tam bảo, xuất gia làm Sa-môn tu học theo Phật.

Đức Phật đáp:

–Lành thay, hãy lại đây Tỳ-kheo!
 Ngay đó, các vị ấy đều thành Sa-môn, tu quán sổ tức đều chứng quả A-la-hán. Vô số người nghe pháp chứng được pháp nhãn.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 16

BỘ BẢN DUYÊN
7

Tổng giám tu: **Thích Tịnh Hạnh**

Ban thực hiện:

- Thích Tuệ Sỹ
- Thích Chánh Lạc
- Thích Đức Thắng
- Thích Bảo Quang
- Thích Tâm Hạnh
- Thích Tâm Khanh
- Thích nữ Huệ Hướng

NOI XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH
LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH và PHẬT QUANG ĐẠI TỪ ĐIỂN

Linh Son Cultural and Educational Foundation

***GIẢNG ĐƯỜNG LINH SƠN**

3F. 7F.21 Sec. 1, Chung – Hsiao, W.Road, Taipei-Taiwan, 100, R.O.C
TEL: 886-2-2381-4434 / 2361-3015 / 2361-3016;
FAX: 886-2-2314-1049

Điện thoại riêng của HT. Thích Tịnh Hạnh: 886-2-2663-2992

***Dùng CHECK hoặc MONEY ORDER,**

Xin đề: **LI KUANG LIEN**, gởi theo hộp thư:
P.O. BOX 8-264, Taipei – Taiwan, 100, R.O.C

*Nếu gởi ngân khoản xin đề: CITIBANK, N.A.,
NO.117,2F, SEC.3, MIN-SHENG E. ROAD,
TAIPEI-TAIWAN, R.O.C
ACCOUNT NUMBER: **51362724**
BENEFICIARY: **LI KUANG LIEN**

* Mỗi một ngân phiếu , ngân hàng sẽ trừ chi phí thủ tục là **10.00 USD**

* Xin Quý vị đề rõ ngân phiếu tên người lãnh là; **LI KUANG LIEN**

* Trên ngân phiếu xin Quý vị viết cẩn thận, ngân hàng không chấp nhận ngân phiếu đã bị bôi xóa.

***TAI VIỆT NAM Xin liên hệ:**

***Thầy BẢO QUANG (Lê Từ Vũ)**

Chùa Pháp Bảo, 5/161, Xa lộ Hà Nội. P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 848-8-961-900

***Tài khoản xin đề: LÊ QUANG LIÊN (THÍCH TỊNH HẠNH)**

Số Tài khoản: 83020405c (tiền Việt).

Sở giao dịch II NHĐTPTVN, TP. HCM, Số 117, Nguyễn Huệ,
Q. 1, TP. HCM, VIỆT NAM.

***TAI HOA KỲ và CANADA Xin liên lạc**

***VÕ THẮNG TIẾT (Nhà sách văn nghệ)**

9351 Bolsa Ave., Westminster, CA. 92683 – USA

Điện thoại: (714) 934-8574; Fax: (714) 934-8514

★ (Tai nhà sách này có để những tập Đại Tạng Kinh đã in xong)

Nếu Quý vị nào muốn trực tiếp gởi vào ngân khoản tại Hoa Kỳ xin đề:

LI KUANG LIEN

BANK OF AMERICA N. BRANCH: 2177

N. ACCOUNT: 21774-09981

Nếu Phật tử nào muốn cúng đường và có giấy miễn thuế (tax exempt) thì hãy gởi check hay money order về chùa Phổ Đà, xin đề:

***PHÓ ĐÀ BUDDHIST ASSEMBLY**
5110 W. HAZARD AVENUE SANTA ANA, CA 92703 – USA
Điện thoại: (714) 554-9785
Fax: (714) 554-3852
Ghi chú: **xin ghi rõ Dịch và in Đại Tang Kinh**

***TẠI CHÂU ÂU Xin liên lạc:**

***VĂN TUYẾT (Sư Cô Thích Nữ Trí Minh)**
CHÙA LINH SƠN

146 Rue de Belfort, 68200 Mulhouse – FRANCE
Điện thoại: 03-89-42-25-80
(Nếu ngoài Pháp xin gọi: 33-3-8942-2580)

***Sư Cô THÍCH NỮ TRÍ KIM và Sư cô LINH BÌNH**
TỰ VIỆN LINH SƠN

9 Ave Jaurès 94340 Joinville-Le-Pont, France
Điện thoại: 01-48-83-75-47; 01-4397 0437, Fax: 01-48-83-77-59

***TẠI ÚC ĐẠI LỢI Xin liên hệ:**

***TANG NHI (Sư cô Thích Nữ Trí Lưu)**
CHÙA LINH SƠN

89 Rowe Terrace, Darra, QLD 4076-AUSTRALIA
Điện thoại: (07) 3375-4268
(Nếu ngoài Úc, Xin gọi: 61-7-3375-4268)
Fax: (07) 3375-3079 / 61-7-3375-3079

***Xin Quý vị chú ý:**

Nếu số ngân khoản trong ngân hàng đã chuyển tiền rồi, xin Quý vị
đem giấy làm thủ tục ở ngân hàng có đề số tiền gởi tên người và địa chỉ, đánh Fax hoặc
E-mail đến:

***GIẢNG ĐƯỜNG LINH SƠN**

Số Fax: 886-2-2314-1049 hoặc gởi về hộp thư:
P.O BOX 8-264 TAIPEI-TAIWAN – 100 .R.O.C
Hoặc địa chỉ:

***HT. THÍCH TỊNH HẠNH**

7F. 21, Sec.1, Chung – Hsiao W. Road, Taipei – Taiwan, 100, R.O.C
TEL: 886-2-2381-4434 / 2361-3015 / 2361-3016
E-Mail:linhson@tpts5.seed.net.tw

để nhận được giấy cảm tạ hoặc biên nhận, cũng như để tiện ghi vào sổ
công đức và liên lạc, chứ ngân hàng không cho biết chi tiết.

Xin cảm ơn Quý vị



Sa môn THÍCH TỊNH HẠNH

Mẫu bìa mạ vàng: Nguyễn Đồng (California)